

NGƯỜI KINH BẮC

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 188

NĂM THỨ XXVII



THÁNG 9 - 2024

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP

NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
NGUYỄN TRỌNG TÌNH
KIM PHÚC

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoikinhbac@gmail.com
Website: nguoiinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộm lưu chiếu
tháng 9 - 2024

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

KỶ NIỆM 79 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2/9

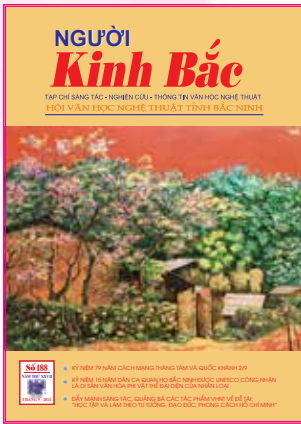
- * Nhớ thế trận "Hòa hợp dân tộc"
Hoàng Tiến 3
- * Cách mạng tháng Tám ở Bắc Ninh
Phan Thị An Ngọc 10
- Trang thơ** 14-15
- * Mãi tinh khôi nơi mộ người liệt nữ
Nguyễn Xuân Tường 16
- Truyện ngắn:** Mùa Trung thu của Thóc
Vũ Thị Huyền Trang 19

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

- * Chùa Khai Nghiêm làng Vọng Nguyệt - Giá trị lịch sử
Nguyễn Văn An 23
- Trang thơ Người Kinh Bắc** 26-27
- * Ghi trên đất Đại Đồng Thành
Quang Thuận 28
- Tản văn:** Thu vào ngõ nhỏ
Lương Thìn 33

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- * Lịch sử và truyện ký Tiến sỹ Phương Kính Trung
Lê Viết Nga 35
- * Đông các Đại học sỹ Nguyễn Tông Nho
Nguyễn Duy Nhất 39
- Trang thơ biển đảo quê hương** 42-43
- * Các vị tướng đánh giặc Ân thờ tại Đại Lâm và Thọ Đức
Mai Kháng 44
- Phóng sự ảnh:** Nghệ thuật trang trí trên trang phục của người H'Mông Hoa Bắc Hà - Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia
Nguyễn Văn Trường 51



Tản văn: Bước nhẹ tới mùa thu

Nguyễn Hà Hải 53

CHÂN DUNG HỘI VIÊN

* Nhiếp ảnh là lửa, còn ta là "chất cháy"

Nguyễn Công Hào 55

Truyện ngắn: Hoa gạo trở về

Bùi Việt Phương 59

LÝ LUẬN PHÊ BÌNH

* Hai cách hiểu về một bài thơ ngắn

Nguyễn Anh Thuận 63

Bút ký: Miền đất hút hồn

Lê Xuân Sơn 65

Trang thơ cộng tác viên

70-71

* Tản mạn quanh chiếc bánh tẻ Đồng Ngự

Hoàng Giá 72

Bút ký: Mái trường ngày ấy - bây giờ

Nguyễn Thị Hà 74

Truyện ngắn: Ngọn nguồn mái ấm

Vũ Thế Thước 80

Tản văn: Ngọt ngào giếng quê

Nguyễn Thị Dương 85

Ghi chép: Trăng trên biển

Vũ Thị Huế 87

Tản văn: Chè Thái Nguyên ở quê tôi

Phạm Thuận Thành 90

Tin hoạt động Văn học nghệ thuật

93-97

ÂM NHẠC

* Tổ quốc - Khúc hùng ca

Nhạc: Ngọc Ninh Thơ: Xuân Huân

* Rước đèn đón trăng

Nhạc: Vũ Viết Đắc Thơ: Thanh Minh

MỸ THUẬT

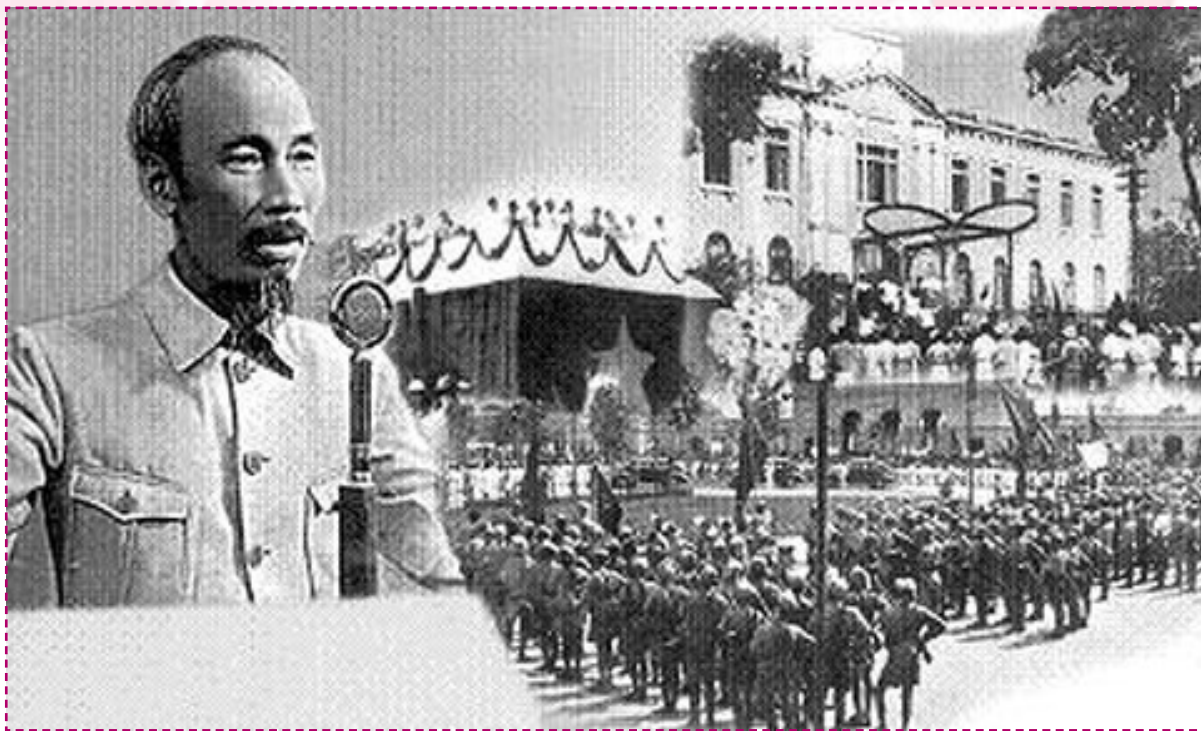
* Bìa 1: Nắng trong sương mai Sơn mài: Nguyễn Tuấn Anh

* Bìa 4: Phúc Oanh, Đức Thịnh, Hà Thị Khánh, Minh Nam, Xuân Quỳnh

NHIẾP ẢNH

* Bìa 2: Nguyễn Thị Hào, Lê Kham, Minh Quý, Nguyễn Quang An, PV

* Bìa 3: Hải Đăng, Quốc Tuấn, Lý Việt Dũng, Lê Kham, Trần Phan, Vũ Long



NHỚ THẾ TRẬN

“ Hòa hợp dân tộc ”

HOÀNG TIẾN

Mùa xuân Quý Sửu (1973) cách nay gần nửa thế kỷ, những sự kiện hào hùng, lạ lùng, vô cùng sôi sục và quyết liệt... Cả nước dõi theo, phấn khởi, bồi hồi, lo lắng, đợi chờ... Sự chuyển động chiến cuộc, khi có hiệp định Paris. Thế nhưng chiến tranh chỉ là sang trang mới - chỉ Mỹ rút, Ngụy chưa nhào.

Cuộc chiến ấy đòi hỏi quân dân ta phải nâng tầm chiến lược, chiến thuật thành nghệ thuật chiến tranh mang sắc màu đặc biệt: Tất cả thành cao trào, cả quân sự, chính trị, binh vận - ba mũi giáp công thật mạnh mẽ, tài tình, thao lược và sáng tạo.

Tất cả tướng lĩnh, cán bộ, chiến sĩ ta - những người có mặt nơi chiến trường

trong những năm tháng ấy đã thực thi thể trận - trên thế giới này không đâu có. Đó là thể trận “hòa giải, hòa hợp dân tộc” - tiến tới Nam Bắc một nhà.

Hiệp định Paris, Mỹ rút... song hơn một triệu quân Ngụy, cùng da vàng, máu đỏ, cùng con Lạc, cháu Hồng, cùng nói tiếng Việt, cùng ăn, cùng ở trên dải đất Việt Nam hình chữ S... họ chây ỳ, cố chống, mưu toan, vót vát...

Ta phải làm sao cho họ rệu rã tinh thần, nát tan ý chí để cùng với đòn quân sự, thu giang sơn về một mối.

Mọi mặt trận đều đang ấp đầy khói lửa, vô cùng quyết liệt. Ngoài những cán bộ cấp cao, không ai biết sắp ngừng bắn tới nơi, mãi ngày 26/01 mới công bố trước toàn thể các đơn vị.

Những giờ phút đặc biệt quý giá, thiêng liêng ấy cũng là thử thách cao nhất đối với tất cả cán binh, bởi tầm vóc lớn lao của giờ G, bởi sự sống - còn trước sau giờ G... Đó là ý chí, là phẩm chất của Quân giải phóng trước thách thức cuối cùng.

Sau này nhiều báo chí trong nước và ngoài nước bình luận: “Thật đáng khâm phục Quân giải phóng. Họ càng đánh càng hăng. Họ không hề do dự. Họ cứ tiến, bất chấp hiểm nguy để giành chiến thắng trước giờ G...”.

Đến giờ G - giờ đình chỉ chiến sự - được công bố: 7 giờ sáng ngày 27/01/1973, toàn chiến trường im bật, lặng ngắt, lạ lẫm... Không còn tiếng súng, không tiếng máy bay... Là thật hay đang mơ đây... Đích thực rồi. Các bên đang ở đâu, dừng chân tại chỗ. Nghiêm chỉnh. Thở phào. Hai bên đều phấn khởi, hy vọng chiến tranh kết thúc.

Hai bên cùng cắm cờ, giữ đất. Những lá cờ nửa xanh, nửa đỏ được Quân giải phóng đỉnh đặc trưng lên vùng đất đang trú quân, bên kia là những lá cờ: Vàng - xanh - trắng, họ cắm vung vãi, dày đặc, cốt được nhiều, nom như những đám tế thần.

Hai bên đóng quân rất gần nhau, có chỗ chỉ cách nhau chừng năm mươi mét. Hai bên đều còn toan tính, đang cảnh giác, đang sẵn sàng.

Cũng có lúc xô xát, giành nhau năm, mười mét đất cắm cờ, nhưng ta vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo, vừa cao thượng: “đất nào cũng là đất Việt. Chúng tôi cùng các bạn, cùng là người Việt, có khác chăng là chúng tôi theo Cụ Hồ - người cha già kính yêu của dân tộc Việt. Còn các bạn trót nhầm đường theo Mỹ. Bây giờ Mỹ rút rồi, các bạn nên biết điều”. Lời nói phải củ cải cũng phải nghe.

Thời tiết xứ Huế - Thừa Thiên gần như một ngày có đủ bốn mùa: Sáng ẩm áp, lất phất mưa bay, trưa nắng nóng. Chiều gió nhẹ, mát mẻ. Đêm: rét. Nó như bảo cuộc chiến còn nhiều gian nan, phức tạp.

Có lệnh gọi Chủ nhiệm Chính trị và tôi. Chúng tôi lên, gặp cả Chính ủy, Trung đoàn trưởng, Phó Chính ủy đang tề tựu. Nắng xuân đang tràn vào đầy lán, các anh đang hồ hởi. Chú công vụ người nhỏ lóat choắt, luôn bận rộn với những công việc “không tên”...

Trung đoàn trưởng đã vào tuổi: “Tứ thập”... nhưng khá mạnh mẽ. Ông có vẻ hơi xem thường “Lính dù” và “Thủy quân lục chiến” đang đối diện... Ông nói: “Kỳ này binh vận vào trận phức tạp đây...” rồi



bắt tay Chủ nhiệm và tôi: “Chính ủy sẽ làm việc với các đồng chí. Minh phải đi. Việc gấp”. Chủ nhiệm cười: “Anh lúc nào cũng gấp. Paris rồi vẫn gấp”. Tất cả cười vui. Phó Chính ủy đáng cao, to, luôn lạc quan: “Đời lính mình là gấp, gấp mà. Ngay bây giờ chúng ta cũng sắp bàn việc gấp đây.”

Chính ủy cười hể hả, mắt nhìn mấy nhánh “phong lan” do ông và chú công vụ dày công chăm sóc. Dẫu là chiến trường, nhưng “phòng họp”, luôn có hoa rùng. Ông bảo: “Hoa bao giờ cũng tô điểm cho tâm hồn và trí tuệ con người. Những lúc căng thẳng, hoa giúp ta thanh thản, bình tĩnh và sáng suốt hơn”.

Ông nói: “Hiệp định Paris là luồng gió mạnh, thổi bạt quân Mỹ về nước. Lời Bác Hồ đã thành sự thật: “Mỹ đã cút”. Nhưng. Còn hơn một triệu quân Ngụy và cả đám Ngụy quyền nhưng nhúc chùng một triệu tên nữa. Chúng đang tranh thủ nhận viện trợ tối đa của Mỹ, chờ thời cơ. Còn ta: Mỹ cút, ta còn phải cho Ngụy nhào”.

“Phải cho ngụy nhào. Cả Chính trị, Quân sự, Binh vận, làm thành 3 mũi giáp công. Đặc biệt là Binh vận, là mũi tiến công vô cùng quan trọng: Đánh vào lòng người, làm suy giảm tinh thần chiến đấu của chúng, làm cho chúng tan rã từng mảng, tạo thuận lợi cho quân sự đánh đòn quyết định. Trung đoàn tăng cường cho Binh vận, hình thành một Tiểu ban. Ban chỉ huy đặt niềm tin vào các đồng chí”.

Chủ nhiệm - người thấp, đậm, túi tài liệu luôn khệ nệ bên mình. Chú công vụ bảo: “Trong ấy có cả tiểu thuyết **Thép đã tôi thế đấy**”. Ông hứa với Ban chỉ huy: “Ban chính trị và Tiểu ban Binh vận sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ”...

Trước Hội nghị Quân chính Trung đoàn, tôi trình bày: “Binh vận là vận động binh lính địch, làm cho sĩ quan và binh lính trong quân đội đang đối kháng, hiểu được đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân miền Nam, của cả nước Việt Nam, trong đó có cha mẹ và những người thân của họ. Kẻ gây nên thảm họa nặng nề này chính là đế quốc Mỹ - họ ở cách xa đất nước ta hàng vạn km, tận bên kia bán cầu, một nước đế quốc giàu có nhưng vô cùng tham lam và hung tàn. Họ có mục đích sâu xa là chiếm lấy miền Nam Việt Nam - một xứ sở nhiều tài nguyên, rừng vàng, biển bạc, biến miền Nam Việt Nam thành bang thứ 50 của Mỹ. Họ đã duy trì có lúc tới hơn 50 vạn quân, trực tiếp tham chiến nhiều năm tháng, song đã thua, đã cút. Cút nhưng chưa hết tham vọng, họ nham hiểm dùng đô la và vũ khí tiếp tay cho Ngụy quân “Thay màu da xác chết”. Còn đám quan - quân Sài Gòn đã mê mụ vì tiền của, của Mỹ, quên đi thân phận làm tay sai, làm lính đánh thuê cho Mỹ, đến nỗi không hiểu “chết vì ai”.

Hội nghị lắng nghe, nhiều người ghi chép, Chủ nhiệm điều khiển vỗ tay, tôi nói tiếp: Chẳng biết đối phương có “học bên ta” không! Nhưng về tổ chức quân sự, chúng cũng hình thành giống như ta. Phía trên có Bộ Quốc phòng. Với 3 Tổng cục: Tham mưu - Chính trị - Hậu cần. Riêng Chính trị gọi là Tổng cục chiến tranh Chính trị, hay còn gọi là: “Tổng cục Tâm lý chiến”.

Phía dưới: Chia ra 4 Quân khu (còn gọi là Vùng chiến thuật). Mỗi Quân khu có 1 Quân đoàn. Sau Paris họ còn 13 Sư đoàn bộ binh. 6 Sư đoàn không quân với 1300 máy bay các loại (chỉ không còn B52

Mỹ) 66 Tiểu đoàn pháo cùng hàng nghìn khẩu. 22 Thiết đoàn tăng - thiết giáp, với 1800 xe, nhiều liên đoàn Bảo an, một số Liên đoàn “biệt động” gần giống như “Đặc công” của ta. Chưa kể 1.200.000 - dân vệ, phần đông có súng. Ngoài ra còn lực lượng cảnh sát, hơn 10 vạn tên, cùng với đó là hàng nghìn cố vấn Mỹ.

Sau đó, tôi trình bày nhiệm vụ công tác binh vận và kế hoạch phối hợp...

Chính ủy đứng dậy, nghiêm trang: “Chúng ta vừa nghe Trưởng Tiểu ban Binh vận báo cáo: “Ôi chao! Hơn 1 triệu quân, giả sử không phải đánh, chỉ việc đem bắn cũng mất bao nhiêu súng đạn, bắn bao nhiêu ngày cho hết, rồi chôn nó vào đâu?”. Tất cả cùng cười. “Huống hồ là người đánh nhau với người thật khó...”. “Thế nên chiến thuật 3 mũi giáp công - trong đó có mũi Binh vận giai đoạn này là vô cùng quan trọng. Binh vận cũng là để đỡ tổn thất xương máu cho ta. Ta làm sao không đánh mà giặc tan, như truyền thống của ông cha ta đã làm. Trong thế trận hiện nay, sẽ không ít người nghĩ: “Địch thua rồi, không phải đánh nữa. Hết Mỹ tất có hòa bình”. Đây chỉ là ảo tưởng”. Hoặc ít ra cũng là biểu hiện mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi...

Ta phải tiếp tục dùng bạo lực toàn diện. Trước mắt ta gặp một hình thái chiến tranh lạ lùng. Có lẽ trên thế giới này không đâu có, quân hai bên xen kẽ tạo nên thế "da báo" kỳ quặc, thò thụt, rích rặc, rất buồn cười, nhìn rõ nhau, bên này nói to, bên kia nghe tiếng và ngược lại. Cả hai đều ở vào thế rất phiêu lưu, mạo hiểm, căng thẳng. Nếu đụng độ, bên nổ súng trước, rất dễ giành thắng lợi ban đầu... Những chiếc đài

Ôrionton của ta, hướng sang bên họ tuyên truyền, vạch tội đế quốc Mỹ, kêu gọi sĩ quan, binh lính trong quân đội Thiệu (Sài Gòn) hãy tỉnh ngộ. Trước tiên là nghiêm chỉnh thi hành hiệp định đình chiến, hòa hợp cùng Quân giải phóng, ta nói chuyện với ta... Kêu gọi cho họ tự liên hệ, họ đang đổ máu vì ai, đổ máu để làm gì, kêu gọi họ tự tìm lấy con đường sống. Các tổ Binh vận ở các Đại đội sẵn sàng gặp gỡ họ. Kể cả mùa mưa, nước dâng lên trắng trời, ta bơi sang cả nơi họ chốt giữ, nói chuyện. Cánh “Tâm lý chiến” luôn ngắt lời “Minh không nói chuyện chính trị”, “Chúng tôi chỉ nói lẽ phải: Mỹ bỏ nhiều tiền ra làm loạn tất cả, kể cả gái đi. Mỹ thuê “đĩ năm” “đĩ tháng”, “đĩ tuần”, “đĩ ngày” làm băng hoại nhân cách thủy chung của người phụ nữ Việt Nam. Và còn biết bao thân phận những người mẹ, người vợ, người em... đang khổ đau và ngày đêm mòn mỏi trông chờ...”.

Ta cứ mưa dầm - thấm sâu và có lòng tin vào hồn thiêng đất nước, tin lời nói phải, tin “Nhân nghĩa thắng hung tàn”.

Đoàn cán bộ Binh vận huyện Phong Điền sang, xin phối hợp... O Lài trẻ nhất, nói tiếng Huế nặng trịch. Khi trò chuyện O Lài hay “ạ! ạ”. Tiếng Thừa Thiên Huế “ạ” là “Vâng” là “Thưa”. Tiếng ạ nhẹ như bác, lại phát ra từ cái miệng nhỏ xíu, cặp môi hồng chúm chím, đôi mắt trong như nước sông Hương, dễ cảm hóa lòng người.

Ban Chính trị cùng hai cơ quan Tham mưu, Hậu cần cùng bàn bạc chỉ đạo rất tốt.

Tham mưu phó Lương Thanh Luyện nhanh nhẹn hoạt bát. Mấy lần dự thông qua phương án tác chiến trên sa bàn, nghe anh



trình bày, tôi rất tin tưởng và ủng hộ anh tuyệt đối. Anh hay sang nói chuyện với tôi, tiếc là anh hay có quan hệ nam nữ không bình thường. Phó Chủ nhiệm Hậu cần luôn cười mở: “Nào các anh cần gì, bọn mình xin đáp ứng”. Chủ nhiệm: “Hay quá! Cảm ơn anh”.

Chúng tôi bàn tổ chức một cuộc gặp gỡ táo bạo: “Làm cuộc hòa hợp dân tộc” nhân ngày Quốc khánh 2/9. Các anh chị bên huyện không mấy khi gặp quân chủ lực của Ngụy nên vô cùng phấn chấn, hứa sẽ cộng tác chặt chẽ. Tham mưu lo bảo vệ. Hậu cần lo vật chất.

Một ngày đầu tháng 9, nắng đẹp, trời mây trong xanh, bên bờ sông Bồ, nước xanh ngắt, sĩ quan, binh lính hai bên họp mặt. Khi cán bộ ta hô tập họp, họ cũng làm theo tập họp, dân cũng đến xem. Ta hô: Nghiêm. Họ lúng túng vì không có cờ. Ta đành hoảng: “Xin mời các bạn. Ta cùng chào cờ của Tổ quốc ta”. Thế là họ cùng chào cờ với ta. Tôi - anh Luyện, các anh, các chị bên huyện lần lượt bắt tay họ. Trục ban báo cáo: quân số hai bên 192 người, sẵn sàng nghe nói chuyện, rồi hô: “Tất cả ngồi xuống”.

Thế là những người Việt ngồi sát bên nhau. Hậu cần sắp sửa: Thuốc lá, kẹo, rượu; Có cả rượu Bông lúa và kẹo Hải Châu từ Bắc đưa vào. Quà 2/9...

Người đứng đầu bên họ, mắt lé, béo lùn, da đen nhem, nét mặt u ám - một Sĩ quan của Lữ đoàn 147 Thủy quân lục chiến. Họ không được tự nhiên. Ta bảo: “Ngày vui của dân tộc mình, các bạn sang đây, mình cứ tự nhiên: Người trong một nước mà”. Ta cùng nhau nghe nói chuyện, rồi liên hoan...”. “Xin nghe. Xin không nói

chuyện chính trị”; “Hôm nay ngày Quốc khánh, ta nói chuyện “hòa hợp dân tộc” cho vui. Ta cùng người Việt, nói chuyện của người Việt. Ta không sợ ai cả”. Tôi nghiêm sắc mặt nhấn mạnh: “Ta không sợ kẻ nào hết...”.

O Lài mắt long lanh, tình tứ: “Các bạn hãy nghe xem các anh nói chi...”.

Tôi nói về ngày 2/9, ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, cả Bắc - Trung - Nam giành được độc lập từ 2/9/1945 Nhật đã thua, Pháp chạy, vua Bảo Đại thoái vị. Nhưng Pháp trở lại phản bội. Ta lại phải đánh. Pháp thua - Mỹ lại vào. Dân mình đành chấp nhận đánh nhau với Mỹ để bảo vệ nền độc lập. Mỹ đã thua, đã rút về nước. Rồi tất yếu các bạn sẽ quay về với nhân dân mình. Nước mình sẽ thống nhất - Nam Bắc một nhà”.

Trục ban ta điều khiển vỗ tay và hát bài “**Kết đoàn**”, tiếng vỗ tay vang dội, tiếng hát mạnh mẽ, lời cuốn... Họ cũng vỗ tay hưởng ứng.

Anh cán bộ Tuyên huấn huyện vui vẻ hỏi: “Các bạn thấy thế nào?”.

Người đứng đầu của họ đứng lên: “Tôi tên Vệ. Cảm ơn Quân giải phóng. Tôi không biết nói chi mô. Bên tôi chỉ tuân lệnh Thượng cấp. Cảm ơn ông chỉ huy...”.

Ta vỗ tay hoan nghênh... Hậu cần mang thuốc lá, kẹo, rượu ra mời... chúc tụng... Họ cứ tấm tắc khen rượu Bông lúa thơm ngon. Chuyện trò tự nhiên hơn.

O Lài thật sự xinh đẹp, khỏe khoắn và sắc sảo. Họ cứ nhìn không chớp. Như là sự khát khao, ước muốn. O Lài tươi cười nói: “Hỏi thật nhé: Liệu các bạn chống cự với Quân giải phóng được bao lâu nữa. Mỹ

cút rồi, dựa vào ai?”. Họ lý nhí: “Là ở các tướng: Lê Quang Trưởng (Tur lệnh vùng chiến thuật), Lê Quang Lương (Tur lệnh Sư đoàn Thủy quân lục chiến). Họ uống rượu rất khá. Còn anh em ta, đã rất lâu làm gì có rượu mà uống, nên bên Quân y pha một bi đông nước lá dong, để khéo léo chống say.

Khi về, Chính ủy và Trung đoàn trưởng rất hài lòng, mong có nhiều sáng tạo. Các anh yêu cầu: Xem phản ứng của bên kia. Mở rộng phạm vi gặp gỡ trên toàn tuyến, có nội dung phù hợp và đặc biệt chú ý khâu an toàn nội bộ đề phòng bị “chiêu hồi”. Những ngày sau đó... mũi tiến công binh vận càng sôi động, rầm rộ. Loa đài phát thanh liên tục, đồng dục vạch tội ác của Mỹ, kêu gọi “hòa hợp” răn đe vi phạm. Ngày nào cũng gặp gỡ, có ngày gặp hàng trăm lượt người. Bọn Tâm lý chiến cay cú, hối thúc, bọn ác ôn bắn sang phía loa, đài của ta. Chúng còn hèn hạ bắn lén, làm một cán bộ của ta bị thương. Chúng không thể ngồi im, nhìn sĩ quan binh lính nghe lời Quân giải phóng.

Tin Thủy quân lục chiến sang bên Việt cộng liên hoan loang về Huế. Dân chúng bàn luận: “Mỹ thua, còn Quốc gia đọ sao nổi đảng mình”. Dân xứ Huế gọi Ngụy quân - Ngụy quyền là Quốc gia, gọi ta là “đảng mình”. “Quốc gia” là bắt buộc... Còn “đảng mình” mới là người của mình, là hồn cốt của nước mình.

Vài tuần sau, trinh sát ta cho biết: “Ở Phong Sơn có Liên đoàn Bảo an 54 - chiều chiều hay chơi bóng chuyền”. “Họ chơi có khá không?”. “Cũng được”. Tôi nảy ý định: “Tổ chức thi đấu giao hữu môn bóng chuyền”. Khi báo cáo, được Thủ trưởng

Trung đoàn nhất trí: “Phàm cái gì có lợi cho “hòa hợp” là làm. Miễn là an toàn...”. Bên Tham mưu tán thành và nhanh chóng cho “hội quân”, tập luyện.

Hôm thi đấu, ta sang hẳn bên đất họ đảng hoàng chơi. Tham mưu trưởng, ngồi Sở Chỉ huy. Anh Luyên - Tham mưu phó cùng tôi và nhiều cán bộ trực tiếp bên sân bãi. O Lài cũng có mặt. O thường đi bên Lương Thanh Luyên. Có hàng trăm người xem, cổ động, nhiệt liệt.

Khi hiệp 3 đang sôi động, mấy người chạy xa bãi nhật bóng, bỗng “đoàng” một tiếng nổ đanh, khói tỏa mịt mù, đất cát bay rào rào, 1 chiến sĩ ta và 1 người lính bên họ cùng bị thương, máu chảy ướt cả áo. Họ xúm vào băng bó cho 2 người và ra công xin lỗi “Không hiểu răng”, “Không dám làm điều xấu”. Tham mưu trưởng muốn ra lệnh trừng trị, ta có sẵn lực lượng mạnh. Tôi và anh Luyên bảo nhau: “Quái lạ - Sân bãi đã kiểm tra kỹ, kẻ nào ném quả lựu đạn này, đứng ở đâu mà ném?”. Quan sát thái độ thì thấy họ bối rối, ân hận, sợ, luôn miệng thanh minh: “Các em không có bụng dạ nào”.

Tôi và anh Luyên bình tĩnh xác nhận: Sự cố do quả lựu đạn từ lâu vẫn nằm trong đất, “hắn” đã lọt lưới khi kiểm tra. Anh Luyên cho thôi còi tập hợp cả hai bên, nói lời kết: “Cuộc chơi thế là vui rồi. Cái sự cố là ngoài ý muốn không ai có ác ý...”.

O Lài và Tham mưu phó còn nói chuyện thêm với họ một lát nữa.

Mấy ngày sau, bãi bóng chuyền thành nơi gặp gỡ chơi chung của hai bên, dù là “đất” bên họ. Anh Luyên và O Lài hay sang đấy. Lính ta kháo nhau: “O Lài dễ “tức” sao của Tham mưu phó lắm.”



Gần một năm rưỡi trôi qua. Hiệp định Paris bị phá nhiều phần. Việc “hòa hợp” không còn nữa. Chúng ra sức lấn chiếm vùng giải phóng.

Ta vừa đòi thi hành nghiêm chỉnh hiệp định, vừa buộc tội họ, vừa răn đe: “Nếu không - buộc Quân giải phóng phải trưng trị.”.

Cuối 1974, đầu 1975 chiến sự nổ ra khắp nơi, ta viện cớ để trị, đường Trường Sơn thả sức đưa hàng chi viện từ ngoài Bắc vào. Ta đã rất mạnh.

Trung đoàn chúng tôi đối kháng với cả lính dù. Thủy quân lục chiến. Anh em lời về những tên sĩ quan đủ các sắc lính cho tôi hỏi cung. Dù và Thủy quân lục chiến là lực lượng Tổng dự bị chiến lược của Sài Gòn, được trang bị mọi mặt tốt hơn các Sư khác. Quân hàm thường hơn 1 sao. Khi tác chiến được chi viện hỏa lực nhiều hơn, bị tổn thất được bổ sung nhanh hơn, được trực thuộc Bộ Tổng tham mưu. Họ thường được tung vào những nơi nóng nhất. Họ có vẻ kiêu hùng. Tôi đi sâu khám phá, xem xét thì thấy sức chiến đấu so với các lực lượng khác có nhỉnh hơn một chút thật, nhưng không phải là “Thủy quân lục chiến - Chỉ tiến không lùi”. Còn “Dù” thì động chút kêu tướng Kỳ, tướng Thiệu... Anh em trực tiếp đối đầu thừa nhận: Trung đoàn trưởng hơi xem thường họ là có lý. Họ “iêng hùng” vì “hỏa lực nhiều” thôi. Sau này, chứng kiến quân Ngụy thất trận, tan rã hàng mảng, cả Tiểu đoàn, cả Trung đoàn kéo cờ trắng đã minh chứng hiệu quả xứng đáng của mũi Binh vận. Cả Thủy quân lục chiến, cả “Dù” cũng thế thôi, cũng vút súng tháo chạy. Khi vào Huế tôi

lại đối thoại với họ, họ thưa: “Quan to chạy trước, quan nhỏ chạy sau, binh lính chạy sau rốt... Tướng Ngô Quang Trưởng chạy khỏi Huế trước khi Quân giải phóng vào 3 ngày. Vậy mà trước đó ông hô hào tử thủ: “Việt Cộng muốn vào được Huế phải bước qua xác Trưởng”. Rồi hơn 1 triệu quân Ngụy đầu hàng không điều kiện. Ta giải phóng hoàn toàn miền Nam. Cờ nửa đỏ nửa xanh tung bay khắp nơi. Nông thôn, thành thị, rừng núi... khắp non sông chan chứa niềm vui. Đất nước sạch bóng xâm lăng, sáng bừng lịch sử. Nam - Bắc sum họp một nhà. Những ánh mắt hân hoan reo mừng, những nụ cười, những giọt nước mắt, những cảm xúc bồi hồi, bi hùng, đau đớn, tiếc thương... Cả miền Nam sống dậy, đổi đời, cả nước reo ca. Đài tiếng nói Việt Nam, Đài Sài Gòn giải phóng, Đài Huế hát vang: *“Non sông Tổ quốc gấm hoa/ Ba mươi năm đã trở về ta/ Một rừng cờ và một rừng hoa...”*”.



CÁCH MẠNG THÁNG TÁM Ở BẮC NINH

PHAN THỊ AN NGỌC

Cách đây 79 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần quật khởi, nhân dân cả nước nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng đã nhất tề đứng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Từ ngày 9/3/1945 (khi phát xít Nhật làm cuộc đảo chính Pháp) cho đến tháng Tám 1945, là giai đoạn chính quyền Pháp đang tan rã, chính quyền Nhật không ổn định, quần chúng nhân dân đang đói và trông chờ vào cách mạng. Đây là thời cơ nghìn năm có một mà Đảng ta đã chuẩn bị từ lâu để tiến hành Tổng khởi nghĩa. Ngay trong đêm 9/3/1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng họp tại làng Đình Bảng (Bắc Ninh) cho ra đời bản Chỉ thị lịch sử “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Trước tình hình đó, mỗi cấp bộ Đảng tỉnh Bắc Ninh nói riêng và cả nước nói chung đều hết sức quan tâm để có chủ trương và hành động kịp thời. Tối ngày 10/3/1945, Hội nghị Ban cán sự mở rộng

tỉnh Bắc Ninh gồm 20 đại biểu (2 đồng chí xứ ủy viên) đã họp tại làng Đại Táo (Tiên Du). Hội nghị nhận định: tuy Nhật đã hắt cẳng Pháp nhưng đây mới là thời kỳ tiền khởi nghĩa và chỉ đạo các địa phương sử dụng hình thức vũ trang tuyên truyền ở những nơi phong trào còn yếu hoặc chưa có phong trào, tổ chức các cuộc mít tinh, tuần hành thị uy có vũ trang để đẩy phong trào cách mạng tiến lên, tạo điều kiện đón cao trào. Quán triệt Chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương và Nghị quyết Hội nghị Ban cán sự mở rộng tỉnh, Bắc Ninh đã tích cực xây dựng lực lượng chính trị và tự vệ bán vũ trang tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh.

1. Công tác xây dựng lực lượng

Về lực lượng chính trị: Tỉnh ủy đã chủ trương thành lập 2 đội tuyên truyền xung phong của tỉnh phân ra 2 vùng Võ Giàng - Quê Dương và Từ Sơn - Thuận Thành - Gia Lâm phát truyền đơn, áp phích, treo cờ, căng biểu ngữ, diễn thuyết để giáo dục quần chúng. Ở một số làng xã như Ngọc Quan (Lương Tài), Xuân Cầu (Văn Giang)



Dinh Long Khám, Việt Đoàn, Tiên Du - nơi 400 tự vệ tập trung luyện tập và xuất quân đi giành chính quyền tỉnh sáng ngày 20/8/1945

cũng thành lập các đội vũ trang tuyên truyền xung phong. Nội dung tuyên truyền: vạch tội ác của bọn phát xít Nhật để cô lập chúng, cổ động quần chúng đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh tiến lên đấu tranh giành chính quyền; tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình tuần hành thị uy để động viên phong trào. Nhờ vậy, uy tín của mặt trận Việt Minh được đề cao, luận điệu lừa bịp, mị dân của phát xít Nhật bị vạch trần, hạn chế phần nào hoạt động của bè lũ tay sai phản động, góp phần giác

ngộ quần chúng cả về ý thức dân tộc lẫn ý thức giai cấp làm tiền đề cho việc phát động quần chúng đấu tranh.

Công tác xây dựng lực lượng tự vệ bán vũ trang được tiến hành khẩn trương để chuẩn bị lực lượng giành chính quyền, trước mắt là làm nhiệm vụ hỗ trợ, bảo vệ phong trào đấu tranh chống giặc Nhật thu thóc, thu thuế của dân. Lực lượng bán vũ trang ở nhiều địa phương đã có những hoạt động mạnh mẽ, đánh phá một số huyện lỵ, chặn đánh bọn lính Nhật, phá nhà ga, cắt

dây điện thoại làm cản trở giao thông của địch. Tiêu biểu, ngày 21/6/1945, tự vệ Liễu Khê, Tam Á (Thuận Thành) đột nhập huyện lỵ Văn Lâm (Hưng Yên) thu 31 súng. Tự vệ Long Khám (Tiên Du) bắt gọn 6 lính về Đông Sơn đóc thuốc, thu 6 súng. Tự vệ Lôi Châu (Lương Tài) bắt 1 lính Nhật, thu súng ở trên đê sông Thái Bình và đấu tranh đánh đuổi 50 lính về Lôi Châu khủng bố nhân dân. Tháng 7/1945, tự vệ Lang Tài đột nhập huyện Cẩm Giàng (Hưng Yên) thu toàn bộ vũ khí và phá kho thóc chia cho dân. Ngày 5/8/1945, tự vệ Tam Á đột nhập huyện lỵ Gia Bình thu 28 súng. Tự vệ ven đê sông Thái Bình thuộc Lang Tài, Gia Bình và Châu Cầu (Quế Dương) chặn đánh 2 thuyền của Nhật chở vũ khí và gạo trên sông Thái Bình và sông Cầu. Tự vệ khu Kim Sơn (Gia Lâm) phá ga Phú Thụy, cắt dây điện thoại, đặt mìn phá cầu... Những chiến thắng của lực lượng tự vệ làm nức lòng quần chúng, làm cho tay sai của Nhật trở thành bất lực, không thu được thóc và thuốc nữa.

2. Khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh Bắc Ninh

Tháng 8/1945, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới” và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. 23 giờ ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân tổng

khởi nghĩa. Ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào thông qua “10 chính sách lớn của Việt Minh”; thông qua “Lệnh tổng khởi nghĩa”. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi nhân dân cả nước tổng khởi nghĩa, trong đó chỉ rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Chớp lấy thời cơ đó, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã lãnh đạo quần chúng cách mạng vùng lên giành chính quyền trong toàn tỉnh.

Huyện Tiên Du: 2 giờ chiều ngày 17/8/1945, hơn 100 tự vệ làng Hoài Thượng, Hoài Trung (Tiên Du) và quần chúng bao vây đánh chiếm huyện lỵ. Bọn quan quân ở huyện đứng đầu là Tri huyện Nguyễn Hữu Túy ngoan ngoãn quy hàng. Ít ngày sau, UBND cách mạng lâm thời được thành lập đóng tại huyện lỵ.

Phủ Gia Lâm: Sáng ngày 18/8/1945, 60 tự vệ làng Giao Tự và Đặng Xá (Gia Lâm) tiến đến phủ Gia Lâm giành chính quyền. Bọn địch không chống cự, ta tước hết vũ khí, đốt sổ sách rồi rút về. 10 ngày sau UBND cách mạng lâm thời được thành lập.

Huyện Lương Tài: đêm ngày 17/8/1945, ta bắt Tri huyện Phạm Văn Lệ ở chùa làng Lai Hạ. Ngày 18/8/1945, khoảng 2.000 người trong đó có hơn 100 tự vệ với vũ khí thô sơ lập đoàn biểu tình đi giành chính quyền huyện, bắn tên ký rượu Thanh Lâm, bắt tên đội Vượng, tước súng lính huyện và thành lập UBND cách mạng huyện.



Phủ Từ Sơn: chiều 18/8/1945, khoảng hơn 100 quần chúng và 25 tự vệ làng Phù Lưu tiến vào phủ lý bức hàng và tước súng của lính, thu sổ sách giấy tờ.

Huyện Võ Giàng: ngày 18/8/1945, bọn Đại Việt thân Nhật tổ chức mít tinh trước huyện lý. Ta biến cuộc mít tinh này thành cuộc mít tinh vạch mặt Nhật và bọn tay sai, hô hào quần chúng ủng hộ Việt Minh. Ngày 20/8/1945, khi hàng nghìn quần chúng diễu qua trước huyện lý tiến vào giành chính quyền tỉnh thì huyện lý đã bỏ trốn. Cuộc giành chính quyền tỉnh Bắc Ninh thắng lợi đã làm cho cả bộ máy Ngụy quyền huyện Võ Giàng sụp đổ.

Huyện Yên Phong: chiều 19/8/1945, Tri huyện Yên Phong đã hàng phục Việt Minh, cùng lực lượng cách mạng xuống đồn điền tên địa chủ Vũ Văn An thuyết phục con trai Vũ Văn An quy hàng kéo cờ trắng đầu hàng.

Huyện Gia Bình: tối 19/8/1945, lực lượng cách mạng huyện đã bắt tên Tri huyện, lực sự, thông sự giữ ở một nơi. Hôm sau trên 3.000 người với lực lượng tự vệ tiến vào sân huyện lý dự mít tinh, tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng.

Phủ Thuận Thành: tối 19/8 ngày ta huy động tự vệ đột nhập phủ lý bức hàng thừa phái, lực sự và lính canh thu sổ sách, vũ khí. Sáng ngày 21/8/1945, trên 2.000 người có vũ trang tiến hành biểu tình lên phía phủ lý dự mít tinh giành chính quyền.

Huyện Văn Giang: tối 21/8/1945, ta huy động khoảng 20 tự vệ bắt Tri huyện Nguyễn Xuân Trì giải về huyện lý, bắt tên Trì hạ lệnh cho lính mở cổng huyện và nộp lại súng. Ta niêm phong toàn bộ tài sản trong huyện.

Huyện Quế Dương: khoảng 2 giờ chiều ngày 22/8/1945, hàng nghìn quần chúng với trên 100 tự vệ có vũ khí từ vùng Châu Cầu, Thất Gian tiến thẳng theo đường số 18 về giành chính quyền huyện. Bọn quan quân trong huyện đầu hàng vô điều kiện.

Đặc biệt là từ ngày 17 đến 19/8/1945, Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã huy động khoảng 400 tự vệ với 50 súng các loại, một số lựu đạn và vũ khí thô sơ của các cơ sở thuộc huyện Tiên Du và một số huyện khác tập trung tại đình làng Long Khám (Tiên Du) để tập luyện đi giành chính quyền ở tỉnh. Sáng ngày 20/8/1945, 400 tự vệ được biên chế thành các đội từ Long Khám xuất phát cùng với mấy nghìn người thuộc các huyện Tiên Du, Võ Giàng, Yên Phong, Thuận Thành và khu vực Đáp - Thị Cầu cùng xuống đường đi giành chính quyền ở tỉnh lý. Trước khí thế dũng mãnh của quần chúng, bọn Nhật phải mời đại biểu của ta vào điều đình. Các lực lượng tự vệ và quần chúng khác đi chiếm trại bảo an binh và cảnh binh, nhà ngân hàng và các cơ quan hành chính của chính quyền bù nhìn. Tối ngày 20/8/1945, lực lượng khởi nghĩa đã chiếm xong tất cả các công sở. Cờ đỏ sao vàng tung bay trước dinh tỉnh trưởng báo hiệu cuộc khởi nghĩa đã hoàn toàn thắng lợi.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Bắc Ninh đã nổ ra kịp thời bằng bạo lực của quần chúng và thành công tốt đẹp, góp phần vào thắng lợi vẻ vang chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên phạm vi cả nước./.

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

Đất nước niềm tin

CỘNG sản giương cao đuốc dẫn đường
HÒA cùng lao động khắp muôn phương
XÃ giao bốn bề tình thân thiết
HỘI ngộ năm châu ý tổ tường
CHỦ thể quốc gia ngời chính trực
NGHĨA tâm dân tộc sáng nhân lương
VIỆT hồn Hồng Lạc ngời văn hiến
NAM Bắc cờ sao rực ánh hường./.

TRẦN VĂN LỢI

Mùa thu Ba Đình

Trời thu vời vợi Ba Đình
Quảng trường lòng lộng dáng hình Bác xưa...
Lời Người: Độc lập, Tự do
Lòng dân thỏa nguyện ước mơ bao đời.
Tuyên ngôn vang vọng đất trời
Thấm từng câu chữ những lời nước non.
Từ phố thị đến làng thôn
Đình ninh một tấm lòng son ơn Người.
Nâng niu hạnh phúc cuộc đời
Cơm no, áo ấm, tiếng cười thêm say...
Lời Người vọng đến hôm nay
Dựng xây đất nước mỗi ngày đẹp hơn...

NGUYỄN VĂN HÀO

Về nguồn

Mùa thu tháng Tám về nguồn
Tân Trào địa chỉ dấu son tự hào
Rộn ràng trong dạ xôn xao
"Thủ đô" ngày ấy năm nào nơi đây
Nà Lừa lán lá yêu thay
Đơn sơ Bác ở sắp bày việc quân
Đình Tân Trào họp quay quần
Ủy ban ra mắt quốc dân nước nhà
Lệnh trên khởi nghĩa ban ra
Xua tan mây ám về ta chính quyền
Dưới gốc đa, tiếng sấm rền
Đoàn quân giải phóng xứng tên sáng ngời
Đồng tâm thể nguyện vang trời
Giang sơn giành lại thoả lời Người trao
Ba Đình nắng toả sóng trào
"Tuyên ngôn độc lập" vui nào sánh hơn...

Pháp kia gây nổi căm hờn
"Thủ đô" lánh tạm an toàn chốn xưa
Đình Hồng Thái điểm đón đưa
Bác từng nghỉ lại nay như trạm dừng
Chiến khu nhuệ khí tung bừng
Hang Bòng Người trú núi rừng chớ che
Trung ương gian khó chẳng nề
Gió ngàn xua giặc ê chề chạy xa....
Điện Biên khúc khải hoàn ca
Thực dân cuốn xéo nước nhà bình yên
Tân Trào địa chỉ không quên
Danh thơm ngát toả lưu thiên sử vàng
Một vùng rạng rỡ Tuyên Quang
Về nguồn Tháng Tám mệnh mang tình đời./.



PHƯƠNG HỮU THIÊN

Cách mạng tháng Tám

Bảy chín năm đã trôi qua
 Nhớ ngày cách mạng nước nhà thành công
 Xứng danh con cháu Lạc Hồng
 Tuyên ngôn Bác đọc mãi không phai mờ.

Tự do - Độc lập như mơ
 Qua đêm nô lệ bây giờ là đây
 Muôn người cảm xúc dâng đầy
 Lòng ơn Đảng - Bác dựng xây nước nhà.

Ba Đình thắm sắc cờ hoa
 Tiếng vang thế giới, nhà nhà vui sao
 Sứ vàng non nước tự hào
 Theo lời Đảng - Bác gương cao ngọn cờ.

Việt Nam ơi! Đẹp như mơ
 Con thuyền cách mệnh cập bờ vinh quang./.

NGUYỄN XUÂN HUY

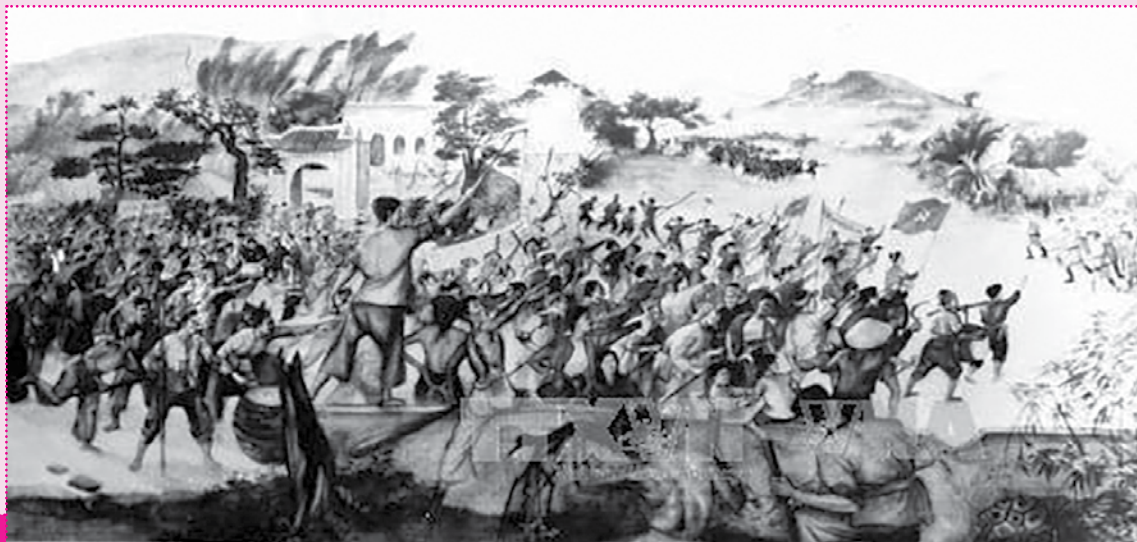
Nhớ cách mạng mùa thu

Cứ mỗi mùa thu đến
 Thêm rạo rức trong lòng
 Nhớ mùa thu cách mạng
 Ngày tháng Tám thành công.

Nhớ Ba Đình lịch sử
 Vọng lời Người thiêng liêng
 Quyền tự do bình đẳng
 Việt Nam Tổ quốc riêng...

Nhớ lời Người ấm áp
 "Đồng bào nghe rõ không"?
 Triệu con tim xúc động
 Ôi! tình Người mênh mông

Dưới cờ hồng dẫn lối
 Đất nước sạch bóng thù
 Dựng xây cuộc đời mới
 Không quên xưa mùa thu./.



Mãi tinh khôi NƠI MỘ NGƯỜI LIỆT NỮ

Bút ký: NGUYỄN XUÂN TƯỜNG

Như thầy những người thoát khỏi lao tù đế quốc, sau hơn 20 năm, đầu tháng 5/2024 được sự hỗ trợ của UBND tỉnh Bắc Ninh chúng tôi lại có dịp ra Côn Đảo. Mục đích, nhu cầu đến không thay đổi, cảm nhận bồi bồi dồn nén.

Bây giờ Côn Đảo đã bừng sáng. Phần xám xịt, địa ngục trần gian - nhà tù Côn Đảo xưa không còn là đặc trưng, nổi bật. Khách sạn, nhà nghỉ và khung cảnh mới... tất cả đang làm nao lòng du khách.

Côn Đảo đã trở thành một trong 21 Khu du lịch quốc gia, là một trong 33 Vườn quốc gia đặc dụng. Hệ thống đường giao thông từ sân bay tới các khu phố rải asphalt đã hoàn tất. Từ tháng 3/2023 Vườn quốc gia Côn Đảo đã trở thành Vườn Di sản ASEAN. Đáng mừng hơn về nếp sống văn hóa Côn Đảo đã đặc biệt quan tâm đến môi trường. Năm 2024 là năm chuyển biến, năm môi trường của Côn Đảo. Du khách được nhắc nhở, được biết đến một

Côn Đảo với môi trường không rác nhựa. Lại chính là điều được nhắc đến ở ngay công nghĩa trang. Để rồi vào viếng các tử tù yêu nước, các tử tù cách mạng, tâm trạng chúng tôi thực sự được an bình. Giai đoạn trước cả nước khó khăn, ra viếng nghĩa trang Hàng Dương chúng tôi có cảm tưởng như đang dẫm trên xương cốt các tử tù. Nay những số phận nào chưa bị hòa vào cát bụi đều đã được nhà nước cho lập bia mộ. Dẫu vậy số mộ được tạo lập vẫn chưa đạt 1/10 số đã bị sát hại. Chúng tôi may mắn gặp được 3 ngôi mộ chiến sĩ cách mạng người tỉnh Bắc Ninh, trong đó có hai ngôi không rõ tên, còn ngôi mộ số 3 đề: 173 Nguyễn Khắc Tạn, bị địch bắt 5/1930 mất 10/9/1933 quê Cao Thọ, Vạn Ninh, Gia Bình.

Hai vạn tử tù Côn Đảo đương thời không được đắp mộ đã khắc ghi một lịch sử bi thương của dân tộc. Song, thực tế ở nhà tù Côn Đảo nổi bi ai không lẫn át được nét



hùng ca, trong nỗi thương tâm vẫn ngời lên nét kính trọng với các cựu tù yêu nước.

Côn Đảo không chỉ là nấm mộ khổng lồ trên cạn. Biển Côn Đảo cũng là thủy mộ lớn lưu giữ hàng ngàn chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày bất chấp hiểm nguy bằng những phương tiện thô sơ tự tạo trong bí mật quyết vượt trùng khơi tìm về với đất liền, với cách mạng. Đã có 3664 cuộc vượt biển như thế.

Nhà cách mạng Ngô Gia Tự, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ, người con ưu tú của quê hương Bắc Ninh, cuối năm 1934, khi mới 25 tuổi đời đã chỉ huy cuộc vượt ngục, vượt biển. Đó là một trong những tấm gương rực sáng chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên đại dương mênh mông. Lịch sử đã chọn điểm tựa khởi đầu cho sự sang trang một giai đoạn giải phóng dân tộc mới là thế hệ Ngô Gia Tự. Chỉ có như thế dân tộc mới đủ sức vượt qua đêm dài nô lệ. Bước chân bậc tiền bối cách mạng Ngô Gia Tự - bước chân của tuổi thanh xuân đã trải khắp ba miền đất nước, không đổi hướng trước bão bùng, lặn lội bốn biển cả, hiểm nguy, hội họp luận bàn vạch đường cách mạng, đã chẳng những là nhiệt huyết đường dài không thể thiếu mà còn là tri thức quý báu làm nền tảng cần cho sự thành công của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Tám năm tiên phong hiến dâng đoạn đời tươi đẹp nhất cho sự tồn vong của đất nước thuở ấy, nhà cách mạng trẻ tuổi tài năng của vùng Kinh Bắc chúng ta chứa trong mình sắt đá một niềm tin về độc lập, về tự do.

Biết rõ chuyên vượt ngục hy vọng thật mong manh nhưng vẫn thực hiện, đó là biểu hiện sáng ngời của quy luật đấu tranh cách mạng vô sản! Những người cộng sản tiền bối lấy cái chết để tạo đà cho cách mạng tiến lên, không cam chịu ngồi chờ bản án của quân thù”.

Trong độc ác, dã man tàn khốc kẻ thù cũng đâu ngờ lập ra những nhà tù - địa ngục trần gian chúng đã vô tình khai sinh những lớp học hiệu quả đặc biệt cho người cộng sản. Những chiến sĩ cách mạng đã biến nhà tù đế quốc hắc ám thành trường học cộng sản cứu nước. Một Nguyễn Văn Cừ chưa từng qua trường lớp đào tạo cán bộ nào ở nước ngoài nhưng chỉ với 5 năm bị tù đày ở Côn Đảo, với nhãn quan sắc bén lĩnh hội được trọn vẹn kiến thức truyền bá chất lọc của đồng chí đồng đội, đã trưởng thành vượt bậc, ra tù trở thành Tổng Bí thư của Đảng.

Địa ngục trần gian Côn Đảo - Nghĩa trang Hàng Dương còn là nơi tuần tuần tháng tháng người từ đất liền Bắc - Trung - Nam lớp lớp đoàn nối đoàn ra viếng mộ. Một trong những nguyên do là bởi Côn Đảo có một ngôi mộ khác thường. Đó là một trang liệt nữ, một trinh sát công an xung phong khi bị giặc bắt kết án tử hình còn ở tuổi vị thành niên. Chúng phải chờ chị đủ tuổi rồi bí mật đưa ra Côn Đảo để hành quyết. Chị chỉ ở Côn Đảo một đêm trọn vẹn nhưng tiếng hát chiến đấu đêm cuối đời cất lên cùng chí khí của chị trước họng súng quân thù thì đã mãi bắt tử với quê hương đất nước. Đi kèm theo đời chị

sau hai loạt đạn chi ngã xuống còn biết bao huyền thoại lan truyền..

Huyền thoại nữ anh hùng Võ Thị Sáu được lưu truyền ở đây từng là chỗ dựa tinh thần cho người dân trên đảo, cho các số phận trên bước lưu đày ngất cao đầu, không khuất phục. 19h tối, chúng tôi ra nghĩa trang nườm nượp người mà yên ắng, ai nấy như cùng sống trong không khí bi hùng của 70 năm về trước. Ngồi bút nhà văn Phùng Quán đã thao thiết viết về chị từ trước năm 1955:

*Bóng đêm trùm Côn Đảo
Sóng bể réo ầm ầm
Gió hun hút đời thông
Trại giam nằm như chết
Trập trùng lưới dây thép
Trăng in bóng tháp canh
Côn Đảo bỗng rùng mình
Ai cất lên tiếng hát?*

Ý chí, khí phách yêu nước cao độ, bài **Tiền quân ca**, chị Sáu hát vang trong lao vắng đêm 22/1/1952 khiến 2000 tù chính trị trên đảo ngục cùng được tiếp thêm sức mạnh, cùng rạo rực theo; những lời chị nói trước khi bị quân giặc hành quyết ở pháp trường Côn Đảo đã như những tia chớp xé toang màn đêm đảo ngục.

Là chị Sáu đã dồn hết tâm sức, nhiệt huyết hát **Tiền quân ca**, hát bao chiến sĩ anh hùng cho đến khi kiệt sức để rồi sáng hôm sau trên pháp trường chị hiên ngang nói với đao phủ và linh mục:

- Không cần bịt mắt tôi. Hãy để cho đôi mắt tôi được nhìn đất nước thân yêu đến giây phút cuối cùng và tôi có đủ can

đảm để nhìn thẳng vào họng súng của các người”.

- Tôi không có tội. Chỉ có kẻ sắp hành hình tôi đây mới là có tội”.

- Yêu nước chống bọn thực dân xâm lược không phải là tội .

- Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ.

- Đả đảo bè lũ thực dân Pháp! Việt Nam độc lập muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!

Đất nước thân yêu của chị giờ đây đã muôn phần đổi khác.

Khẳng định chủ quyền dân tộc qua nét văn hóa tôn giáo tại nơi có hệ số sinh học cao đẹp của hòn Côn Sơn - ngôi chùa Việt Nam mang tên Vân Sơn tự đã tấp nập ngày đêm chào đón các thí chủ. Giữa trùng khơi Chùa mang tinh thần văn hóa đặc tính Việt Nam, không một chữ ngoại lai..

Những năm gần đây trên ngôi mộ chị Sáu không tuần nào, tháng nào là không trắng tinh khôi các đóa hoa đời thắm viêng. Xuất hiện thêm cả nón trắng. Có thể niềm tin yêu kính trọng của mỗi chúng ta với chị Sáu mới là thứ lễ vật tinh khôi theo cùng năm tháng nhưng hình ảnh trắng tinh khôi giai đoạn kinh tế thị trường (của cải có nơi có lúc đang đánh dạt tình cảm) vẫn cứ làm chúng tôi xao động. Cách nơi chị oanh liệt ngã xuống nhà nước đã xây dựng cả một công viên Côn Đảo mang tên chị. Thanh bình và hạnh phúc càng làm nhớ thương hình ảnh chị, những giờ phút cuối cùng của chị.

Chị sống anh hùng, chết anh hùng, về vang dân tộc Việt Nam./.



Mùa Trung thu của Thóc

VŨ THỊ HUYỀN TRANG

Mấy hôm nay mỗi lúc ngồi sau xe mẹ Thóc hay dán mắt vào những chiếc đèn Trung thu đủ các hình thù, màu sắc trên đường phố. Hình ông sao lấp lánh giấy bóng kính, hình mèo Đoremon to bằng chiếc mâm con, đèn giấy xếp hình con mèo, con

thỏ... lung linh hoa cả mắt. Có khi đêm về Thóc còn mơ thấy mình cùng anh Sóc cầm đèn lồng chạy cười khúc khích dọc bờ đê. Hai anh em đuổi bắt trăng cho đến khi mệt nhoài thì nằm ra cỏ. Cỏ triền đê xanh mượt, những bông cỏ may như chọc lên tận đỉnh trời. Bừng tỉnh khỏi cơn mê Thóc

lại càng nhớ anh, thút thít khóc một mình. Lũ chuột trên trần nhà dòn đuôi nhau suốt đêm kêu chín chít. Bố mẹ thường ngủ say sau một ngày làm việc vất vả trong nhà máy. Xóm công nhân chỉ có những đứa trẻ hay thức giấc nửa đêm, khóc thét lên trong một cơn khát sữa. Thóc ngồi dậy, mở cửa sổ nhìn ra ngoài khiến mấy con chuột đang bới rác giạt mình bỏ chạy. Ánh điện vàng vọt từ ngoài cổng xóm trọ hắt vào khiến Thóc không biết hôm nay có trăng không. Thằng nhỏ ngoẹo đầu nhìn nghếch lên cao, một khoảng trời hình tam giác hiện ra giữa những ngôi nhà cao tầng. Trăng kìa! Một vầng trăng mỏng manh yếu ớt thấp thoáng sau mây. Giờ này mà ở quê thì thỏa thuê ngắm trăng, chẳng vướng víu gì. Đứng ở sân nhà bà có thể nhìn thấy cả bầu trời đêm lấp lánh dải ngân hà. Anh Sóc ở với bà sướng thật, chẳng chật chội như thành phố mà Thóc đang sống cùng bố mẹ. Còn vài ngày nữa đến Trung thu rồi mà chưa thấy mẹ nhắc gì đến chuyện về quê thăm anh. Phải mua bánh nướng hình con cá và cả đèn ông sao cho anh nữa chứ...

- Sao chẳng năm nào anh em con được đón Trung thu cùng nhau vậy mẹ?

- Vì bố mẹ còn bận đi làm. Có năm nào được nghỉ ca vào ngày Trung thu đâu chứ.

- Thế còn năm nay thì sao ạ?

- Mẹ cũng chưa biết nữa, rằm tháng Tám năm nay vào đầu tuần chắc là khó nghỉ. Cứ để mẹ tính xem.

“Để mẹ tính”, cái câu ấy Thóc quen quá ấy mà. Mẹ từng nói để mẹ tính đưa anh lên thành phố chơi ít ngày nhưng rồi mẹ

kêu bận quá. Mẹ tính mua cho anh xe đạp mới nhưng rồi lại hết tiền. Mẹ tính sẽ cho Thóc về quê ở hẳn với bà nhưng lại bảo “nhớ con không chịu nổi”. Rồi mẹ tính đón anh Sóc xuống thành phố ở để cả nhà quây quần nhưng rồi lại bận khoản “bà ở quê một mình tội lắm. Đêm hôm trái gió trở trời biết phải kêu ai. Mà phòng mình chật quá, anh con xuống đây ăn ngủ cũng chẳng được thoải mái như ở quê. Học hành đóng góp đất đỏ, mình con thôi mà bố mẹ xoay xở đã hết hơi rồi”. Mẹ luôn có lý do của mình giống như tất cả những bà mẹ khác trong xóm trọ công nhân này. Mua một mớ rau còn nâng lên đặt xuống thêm bót một hai nghìn. Mua sữa cho con tìm cả buổi tối trên mạng xem chỗ nào bán rẻ mà miễn phí vận chuyển. Mua quần áo cho con là phải chọn bộ rộng để năm sau còn mặc được. Thóc không dám đòi mẹ tiền quà sáng như các bạn. Cũng chẳng bao giờ mè nheo mua đồ chơi, quần áo. Vì Thóc biết bố mẹ làm vất vả mà đồng lương cũng chẳng được nhiều. Bố mẹ phải chi trả đủ thứ, tiền nhà trọ, tiền điện nước, tiền học hành của Thóc. Đi chợ dưới thành phố cũng tốn kém lắm, ngày nào mẹ cũng kêu “sao rau cỏ, thịt thà càng ngày càng tăng giá quá trời”. Đã vậy bố mẹ còn phải gửi tiền về quê cho bà. Bà tám mươi tuổi rồi, chỉ trồng rau nuôi gà nuôi vịt. Có mùa sương vịt gà lẫn ra chết, bà ngồi khóc hu hu ở thềm nhà lo lúc đau ốm không có đồng nào “thì lại tội vợ chồng thằng cả lo toan”. Mỗi lần thấy mẹ giờ ví ra đếm đi đếm lại tộp tiền lẻ rồi thở dài là Thóc thấy thương. Cả năm nay Thóc chưa từng thấy mẹ mua gì cho riêng mình cả.

Chiếc cặp tóc gắn đá lấp lánh trong cửa hàng gần công trường Thóc mẹ thích mê. Nhưng mẹ chỉ ngắm thôi, “tiền ấy để cốp vào mua cho anh con hộp bút lông dầu, có thể vẽ trên mọi chất liệu. Anh con chắc sẽ vui lắm đấy. Kể cũng lạ, nhà chẳng ai có năng khiếu nghệ thuật mà tự nhiên lại sinh ra anh con thích vẽ và vẽ đẹp”.

Mỗi lần nhắc đến anh là Thóc thấy buồn. Mẹ nói từ khi sinh Thóc ra thì anh phải về quê ở với bà. Tháng nào bố mẹ cũng thay nhau về thăm hai bà cháu, có khi cho Thóc đi cùng có khi không. Vì bố mẹ làm ca khác nhau nên ít khi được nghỉ cùng ngày, càng hiếm khi nghỉ vào ngày chủ nhật. Hai anh em Thóc chỉ hay trò chuyện qua điện thoại vào buổi tối sau khi học bài xong. Anh kể chuyện đi bắt cua đồng về nấu canh chua. Chuyện tổ chim sâu trước nhà để được ba quả trứng “đêm qua bão to thế may mà cây không đổ”. Chuyện anh đã thôi không bắt cóc bán nữa vì cô giáo bảo để cóc còn bắt muỗi trong vườn. Chuyện đêm đến bà hay khóc một mình vì đau khớp chân và “chắc bà nhớ ông nhiều quá”. Thóc không có nhiều chuyện để kể, đi học rồi về nhà chơi loanh quanh ở góc sân xóm trọ chẳng có ai ngoài bóng của chính mình. Tha thân với bộ đồ chơi xếp hình, hoặc đứng trong cửa công nhìn hàng quán bên ngoài nhộn nhịp người qua lại, bán mua. Con chim anh Sóc tặng nhốt trong lồng cũng bị ai đó bắt đi mấy tuần trước rồi. Đối với Thóc mỗi lần được về thăm quê là hạnh phúc nhất. Được cùng anh chạy chơi khắp xóm, lên đồi bắt chim, xuống ruộng mò cá. Tối nằm ngoài chõng

tre nghe con chim quộc kêu ngoài bụi, đoán xem nó gọi bạn đến bao giờ thì tắt tiếng.

- Báo cho con một tin vui này. Năm nay cả nhà mình được đón tết Trung thu cùng nhau. Bố mẹ đã xin nghỉ làm rồi. Tối mai ăn cơm xong cả nhà mình sẽ đi sắm đồ.

- Ôi! Thích quá. Mình sẽ mua đèn lồng bố nhé. Một cái thôi cũng được, cho anh Sóc.

- Mai về quê bố sẽ trở tài làm đèn lồng cho hai anh em. Mình chỉ cần mua giấy bóng kính thôi là đủ. Con thích màu gì?

Thóc không nghe thấy câu hỏi của bố vì thằng bé đã chạy vọt ra sân nhảy chân sáo vui mừng. Tối đó Thóc được đi lượn phố, đi qua những hàng bánh Trung thu, những lồng đèn lung lẳng và cả đồng đồ chơi xanh đỏ bày khắp các gian hàng. Mẹ chọn mua cặp bánh Trung thu, bộ bút màu cho anh Sóc và chiếc khăn nhưng cho bà quàng trong mùa rét sắp tới. Mẹ kéo Thóc vào cửa hàng quần áo định mua một bộ đồ. Nhưng Thóc nói “con vẫn còn nhiều quần áo mà. Mẹ mua cho anh thôi”. Thóc chẳng cần quần áo đẹp, được về đón tết Trung thu với anh đã là niềm hạnh phúc vô bờ. Cả đêm Thóc nằm mãi vẫn không ngủ được. Hết xoay bên phải lại trở mình bên trái. Chỉ mong đến ngày mai đi học về là cả nhà lại cùng bon bon trên chiếc xe máy cũ trên con đường quen thuộc. Đường về nhà dài gần trăm cây số qua mấy con sông và mấy cây cầu. Anh Sóc chắc là cũng đang nóng lòng chờ đợi...

* *
*

Bây giờ tối bà phẩy cái quạt mo cau ới gọi “mấy bố con thằng Sóc vào ăn cơm đi thôi. Canh nguội hết cả rồi. Nhanh cho lũ trẻ đi phá cỗ Trung thu ngoài nhà văn hóa”. Cũng vừa lúc chiếc đèn ông sao được hoàn thành. Ba bố con chụm đầu vào nhau chỉnh sửa những chi tiết cuối cùng. Thóc giơ chiếc đèn lên cao nhìn ngắm ánh trăng qua màu đỏ của giấy bóng kính, nhoẻn cười. Cơm của bà ngon quá, có cả pháo chua giòn và tép sông kho tương béo ngậy. Thóc thèm những bữa cơm cả nhà sum họp như thế, ăn gì cũng thấy ngon. Anh Sóc bảo: “Thóc phải ăn nhiều vào mới to khỏe được. Để mùa hè năm sau về quê kéo cá với anh”. Thóc ngẩng lên nhìn anh, lòng trào dâng một thứ tình thương khó tả. Anh ở với bà vất vả từ rất nhỏ. Đi học về là phải kiếm củi, nấu cơm và làm biết bao việc khác. Nhà bà dột, bố chưa về kịp cũng là anh trèo lên thay ngói. Cây trước nhà chết ngọn cũng là anh vác dao đẵn cụt. Củi sau nhà anh bõ, rào trước nhà anh đan. Da anh sạm đen, trên cánh tay lúc nào cũng thấy vài vết sẹo. Ngay cả cái dáng ngồi ăn cơm của anh trông cũng khổ. Thóc ở với bố mẹ chỉ ăn với học vầy mà có lúc còn mè nheo nhõng nhẽo. Còn tị nạnh với anh được sống ở quê với bà tha hồ rộng rãi. Mẹ nói anh lớn lên như cái cây, tự nhiên và tốt lành. Đúng vậy...

Bà và mẹ trải chiếu ngồi giữa sân bày cỗ Trung thu. Mấy quả bưởi ngọt vườn nhà, hồng cũng vừa chín cây bà hái hời chiêu. Nải chuối chín còn vương mùi lá xoan bà ủ. Cặp bánh Trung thu mẹ mua được cắt ra thành từng miếng nhỏ “để lát

nữa chia cho các bạn nhỏ trong xóm sang chơi”. Gió mát quá, ngửa cổ lên là nhìn thấy trăng tròn vành vạnh treo trên ngọn cau già. Tiếng trống múa lân vọng lại rộn ràng. Thóc đút vội quả hồng vào túi quần rồi cầm đèn chạy theo anh Sóc đi ra công. Bờ đê hút gió, anh em Thóc đi đến đâu là trăng cũng đi theo không rời một bước. Thóc hát theo tiếng nhạc từ xa: “Đèn ông sao với đèn cá chép/ Đèn thiên nga với đèn bướm bướm/ Em rước đèn này đến cung trăng/ Đèn xanh lơ với đèn tím tím/ Đèn xanh lam với đèn trắng trắng/ Trong ánh đèn rực rỡ muôn màu/ Tít trên cao dáng tròn xinh xinh...”. Ôi ánh trăng quê vàng vạc cuội mây gió đưa chị Hằng, chú Cuội ngao du theo khắp những dấu chân trẻ thơ trên mọi miền đất nước. Trăng nghe thấu tiếng lòng của ước vọng sum vầy, của tình thân gắn kết, của trong trẻo hồn nhiên. Sau này còn nhiều mùa tết Trung thu nữa nhưng Thóc sẽ mãi mãi lưu giữ khoảnh khắc này khi được cùng anh trai rước ánh trăng quê đi dọc triền đê lộng gió...



CHÙA KHAI NGHIÊM LÀNG VỌNG NGUYỆT GIÁ TRỊ LỊCH SỬ

NGUYỄN VĂN AN

Chùa Khai Nghiêm tên chữ là “Khai Nghiêm tự” tọa lạc ngay đầu làng Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Dưới thời Lý - Trần chùa Khai Nghiêm đã trở thành danh lam thắng cảnh của nước Đại Việt. Hiện nay tại di tích còn bảo lưu được hệ thống di vật cổ cùng nhiều tư liệu Hán Nôm giá trị cho biết quá trình xây dựng, trùng tu, tôn tạo và quy mô kiến trúc chùa trong lịch sử.

Theo nội dung văn bia “Khai Nghiêm bi ký” do Danh nhân văn hóa Trương Hán Siêu soạn vào ngày 15 tháng 2 năm Kỷ Mão, niên hiệu Khai Hựu 11 (1339) đời vua Trần Hiến Tông cho biết: “...Chùa Khai Nghiêm ở xã Thứ Nhị, tổng Như Ngột, miền lộ Bắc Hà là ngôi chùa do Công chúa Nguyệt Sinh triều Lý xây dựng. Xung quanh núi Tiên Sơn châu phía Nam, sông Đầm Giang bao phía Bắc; cảnh đẹp cả một vùng thực đã quy tụ ở nơi đây. Nhưng tiếc thay quy mô xây dựng trước đã đổ nát chẳng còn được bao nhiêu. Lúc đó

Chu Tuế làm chức Nội nhân Hỏa đầu dẫn dắt dân làng góp công xây dựng lại. Khởi công từ năm Quý Dậu (1333) niên hiệu Khai Hựu thứ năm, đến năm Ất Hợi (1335) niên hiệu Khai Hựu thứ bảy thì xong. Trong chùa điện Phật, phòng tăng đều theo kiểu cũ. Ngày làm lễ khánh thành, già trẻ trong cả một vùng đều chấp tay khen ngợi, tưởng như Công chúa Nguyệt Sinh sống lại...”

Trải qua gần một nghìn năm cùng với thăng trầm của lịch sử và bao thế hệ người dân Vọng Nguyệt, đến nay chùa Khai Nghiêm vẫn tồn tại uy nghi là trung tâm tín ngưỡng Phật giáo lớn của vùng đất Yên Phong. Chùa gồm nhiều hạng mục công trình kiến trúc như: Tam quan, Tam bảo, nhà Tổ, nhà Mẫu, 2 dãy hành lang... Trong đó tòa Tam bảo là công trình kiến trúc chính mang phong cách nghệ thuật truyền thống gồm 7 gian Tiền đường và 3 gian Thượng điện liên kết tạo cho công trình có mặt bằng kiểu chữ Đinh, các bộ vì kèo bằng gỗ kết cấu theo kiểu “thượng con chồng, hạ kẻ trường” trang trí chạm



khắc đơn giản đề tài “vân mây”, “hoa lá” cách điệu.

Đặc biệt, giá trị cơ bản của chùa Khai Nghiêm chủ yếu tập trung ở hệ thống các di vật cổ và tư liệu Hán Nôm hiện còn bảo lưu tại di tích. Toàn bộ hệ thống tượng Phật, đại tự, câu đối đặt tại tòa Tam bảo, tiêu biểu như: 3 pho Tam thế, Adida, Adanan, Cadiệp, Di lạc, tòa Cửu long, Đức ông, Thánh Tăng, Hộ pháp... tất cả đều được tạo tác bằng gỗ mít mang tính nghệ thuật cao, niên đại thời Lê - Nguyễn (thế kỷ XVIII - XIX). Ngoài ra, chùa Khai Nghiêm còn lưu giữ được nhiều tư liệu Hán Nôm khắc ghi trên bia đá, cây hương, bảng gỗ, chuông đồng... nội dung là nguồn sử liệu giá trị quan trọng đóng góp cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo ở nước ta. Hệ thống tư liệu bao gồm:

+ Tấm bia đá “Khai Nghiêm bi ký” do Chính nghị đại phu, Hàn lâm học sĩ, Tri chế cáo kiêm Thiêm tri nội mật viện sự Chương bảo tứ kim ngư đại nha thủy Trương Hán Siêu (? - 1354), tự Thăng Phủ, hiệu Đôn Tâu quê ở làng Phúc Thành, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (nay là phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình) soạn vào năm Khai Hựu 11 (1339) thời Trần, bia được trùng khắc lại vào thời Tây Sơn niên hiệu Cảnh Thịnh 5 (1797), nội dung văn bia thể hiện bản tính cương nghị của tác giả trong việc phê phán đạo Phật đối với xã hội đương thời. Đạo Phật sinh ra là để cứu giúp chúng sinh thoát khỏi bể khổ nhưng ông đã đả phá kịch liệt bọn sư sãi lợi dụng lấy đạo Phật làm nơi tụ tập ăn chơi xa hoa không chịu cày cấy làm ăn. Đã vậy bọn quyền thế, bọn ngoại đạo đương thời lại còn hùa

theo, dân chúng thì bỏ nhà cửa, làng xóm lũ lượt quy theo. Ông đã phải than lên rằng: “Than ôi! Các bậc thánh hiền ngày càng xa cách, chính đạo ngày càng lu mờ, những kẻ làm thầy, làm tướng đã không có bậc Chu, Thiệu để dẫn đầu việc giáo hóa, các xóm thôn châu huyện lại không có trường để dạy dỗ nghĩa hiếu thảo hòa thân, như thế thì người ta tránh sao khỏi hoang mang ngoảnh nhìn rồi bỏ đi theo đường khác. Đó cũng là thế tất nhiên”. Đối với việc xây dựng chùa chiền ông kịch liệt phản đối, coi việc thánh triều muốn mở mang giáo hóa (Phật giáo) để sửa đổi phong tục đồi bại là việc làm khó có thể mang lại kết quả, thực tế lịch sử đã chứng minh điều này. Văn bia có đoạn viết: “Chùa hỏng lại xây đã là ngoài ý muốn của ta, thì việc dựng bia khắc chữ có can hệ gì đến văn từ của ta? Và lại, ngày nay thánh triều muốn mở mang giáo hóa để sửa đổi phong tục đồi bại. Dự đoán đáng phải truất bỏ, chính đạo phải được phục hưng. Đã là kẻ sĩ đại phu, nếu không phải đạo Nghiêu Thuấn thì không bày tỏ trước vua; nếu không phải đạo Khổng Mạnh thì không trước thuật. Thế mà ta lại dương dương tự đắc, bàn bạc dài dòng về đạo Phật, ta sẽ lừa dối ai?”. Bằng những lời lẽ cứng cỏi nêu trên tác giả cho chúng ta thấy sự suy thoái của xã hội Đại Việt vào cuối thời kỳ nhà Trần. Sau một thời gian dài ngự trị Phật giáo không còn chiếm giữ vị trí “độc tôn” trong xã hội nữa, thay vào đó là một hệ tư tưởng mới đang có sức ảnh hưởng tích cực tới đường lối trị nước của các bậc đế vương. Đó là Nho giáo - hệ tư tưởng chính thống sau này được triều Lê Sơ (thế kỷ XV) chọn làm quốc giáo và tồn

tại cho đến tận những năm đầu thế kỷ XX.

+ Cây hương đá “Khai Nghiêm tự thạch trụ hương” dựng khắc năm Ất Dậu, niên hiệu Vĩnh Thịnh 1 (1705) ghi khắc tên họ các thiện nam, tín nữ hưng công, đầy lòng bồ đề, tạo tác cột đá chùa Khai Nghiêm vào đầu thế kỷ XVIII.

+ Quả chuông đồng “Khai Nghiêm tự chung” do bà người họ Trần, tên húy Lựu là Phu nhân Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân Nguyễn Duy Thức (1734 - 1782) người làng Vọng Nguyệt đăng khoa năm Quý Mùi (1763) cùng với dân làng và Phật tử thập phương đóng góp tiền của đúc chuông dưới thời Tây Sơn vào năm Cảnh Thịnh 7 (1799).

+ Sáu bài thơ Đường luật theo thể “Thất ngôn bát cú”, chủ đề vịnh là “Tùng, Cúc, Trúc, Mai, Trà và Thuốc” được khắc trên bảng gỗ vào niên hiệu vua Duy Tân năm Canh Tuất (1910) treo dọc hai bên hành lang Thượng điện...

Hàng năm, vào ngày 19 tháng Giêng (âm lịch) lễ Thượng nguyên chùa Khai Nghiêm được nhân dân Vọng Nguyệt duy trì tổ chức long trọng, trang nghiêm tại tòa Tam bảo. Ngày này, nhà chùa đón tiếp đông đảo các tầng lớp nhân dân cùng du khách thập phương về lễ Phật cầu an và tham gia các hoạt động văn nghệ truyền thống tại sân chùa.

Với những giá trị to lớn kể trên, chùa Khai Nghiêm làng Vọng Nguyệt được Bộ Văn hóa thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia - Quyết định số 35/2005/QĐ-BVHTT ngày 22/08/2005./.

Ghi trên đất

ĐẠI ĐỒNG THÀNH

QUANG THUẬN

Những chuyến đi dã dọc con sông Đuống luôn miên man bao câu chuyện không chỉ riêng với tôi, mà có lẽ là điều sẽ có trong mỗi ai từng trải nghiệm như thế. Bởi mỗi vùng đất ven sông luôn chứa đựng trong mình bao trầm tích, tầng nền văn hóa được bồi tụ qua suốt dặm dài lịch sử. Đó là những di tích vật chất, là những huyền tích, truyền thuyết, giai thoại... kể về đất và người nơi ấy. Vùng đất Đại Đồng Thành, thị xã Thuận Thành trong buổi tìm về của chúng tôi mới đây cũng vậy.

Nơi đây, hồi đầu tháng 10/2023, nhân dân địa phương tung bừng đón chào một sự kiện đặc biệt, đó là lễ cắt băng khánh thành và thông xe cây cầu Kinh Dương Vương - cây cầu mang ý nghĩa vô cùng quan trọng góp phần hình thành mạng giao thông khép kín giữa khu vực Bắc Đuống và Nam Đuống của tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời, kết nối vùng với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và phụ cận như: thành phố Hà Nội,

tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Hưng Yên, Hải Dương... qua hệ thống các quốc lộ và tỉnh lộ ngày càng hoàn thiện trên địa bàn... Với tổng mức đầu tư gần 2000 tỷ đồng, cầu Kinh Dương Vương có quy mô thiết kế hiện đại, đồng bộ cả về cấu trúc và giá trị văn hóa, mang tính vĩnh cửu. Cầu chính dài hơn 400m, cầu dẫn phía Bắc dài hơn 600m, phía Nam dài gần 200m. Điểm đầu cầu thuộc địa phận xã Cảnh Hưng (huyện Tiên Du) và điểm cuối thuộc địa phận xã Đại Đồng Thành (thị xã Thuận Thành). Với cán bộ và nhân dân Đại Đồng Thành, sự hiện diện của cầu Kinh Dương Vương - bên cạnh tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh nói riêng và khu vực các tỉnh đồng bằng sông Hồng nói chung; cây cầu cũng như mạch kết nối tâm linh giữa các khu di tích lịch sử trên đất quê hương Quan họ và hệ di tích trên đất Từ Sơn, Tiên Du phía Bắc sông, tạo điều kiện cho tỉnh, cho thị xã Thuận Thành và Đại Đồng Thành phát

triển du lịch và dịch vụ; trực tiếp mở ra cơ hội cho địa phương phát triển về mọi mặt.

Từ thuở hồng hoang, cư dân Việt cổ đã chọn các vùng đất bên sông, trong đó có đôi bờ sông Đuống làm nơi sinh sống. Dòng sông trở thành nơi đi lại, giao lưu kinh tế, là nơi đánh bắt tôm cá và bồi tụ cho những bãi bờ phù sa nuôi màu xanh cây cối và cuộc sống con người. Đặc biệt, vùng đất ven sông luôn hiển hiện chân dung những con người mạnh mẽ, dám đương đầu mọi thử thách của thiên nhiên; dũng cảm trong chiến đấu chống ngoại xâm; cần cù chịu thương chịu khó, đảm đang, đóng vai trò chủ thể để xây dựng nên cuộc sống, xây dựng nên những di tích vật chất, tạo dựng những giá trị văn hóa tinh thần mà qua thời gian càng thêm lấp lánh tỏa sáng. Bên cạnh lăng thờ thủy tổ Kinh Dương Vương; đền thờ Nam Bang thủy tổ cùng cha rồng mẹ tiên Lạc Long Quân - Âu Cơ trên đất thôn Á Lữ; thì ở mỗi thôn làng trong xã Đại Đồng Thành đều tồn tại những di sản văn hóa có giá trị. Những di sản này mang những nét tiêu biểu cho vùng văn hóa giàu bản sắc Thuận Thành.

Chúng tôi đến thôn Đồng Đoài - một trong 4 thôn của xã Đại Đồng Thành - địa bàn có lịch sử lâu đời, cư dân vào diện lớn nhất nhì của thị xã Thuận Thành, chứ không riêng gì ở Đại Đồng Thành. Theo nhân dân địa phương, đây xưa nằm trong trang Đại Đồng của vùng đất cổ Siêu Loại, xứ Kinh Bắc. Những chứng tích khảo cổ học trong vùng cho biết, Đồng Đoài nằm trong vùng quần cư khá sớm của người

Việt từ bình minh lịch sử dân tộc. Dấu ấn còn để lại ở tín ngưỡng thờ ba danh tướng người địa phương (được gọi là Tam Công) có công đánh giặc Hán, bảo vệ đất nước từ thế kỷ II trước công nguyên. Đồng thời cũng thể hiện qua hệ thống dày đặc các di tích lịch sử văn hóa, gồm đình, đền, chùa, nghề, miếu, văn chỉ, lăng mộ, diêm cổ... ở khắp các xóm trong thôn. Tiếc rằng qua thời gian, đặc biệt là trong kháng chiến chống Pháp, nhiều di tích ở Đồng Đoài đã bị phá hủy, hoặc đổ nát... Sau này, bằng tấm lòng hướng về, tri ân tổ tiên và mong muốn giữ gìn bản sắc, truyền thống văn hiến quê hương, người địa phương đã từng bước phục dựng lại các công trình tín ngưỡng trên địa bàn, trong đó có ngôi đình làng và lăng Tam vị đại vương (Tam Công).

Di tích Đình Đồng Đoài và Lăng Tam Công nằm sát bờ đê nam sông Đuống. Ngôi đình nằm phía trong đê, còn khu Lăng nằm phía ngoài đê, cách nhau khoảng 300m. Đến nay, chưa tìm được nguồn tài liệu nào cho biết chính xác đình Đồng Đoài được khởi dựng từ bao giờ. Các cụ cao tuổi nhất làng hiện cũng chỉ nhớ được quy mô của ngôi đình vào thời Nguyễn, trước khi được tiêu thổ. Khi ấy, đình gồm tòa Tiền tế 7 gian 2 chái, mái ngói đao cong, bộ khung làm bằng gỗ lim, cột vòng tay người ôm không xuể; hai chái đình có sàn gỗ; trên các bộ phận của kiến trúc được trang trí đề tài long, ly, quy, phượng tinh xảo nghệ thuật. Đặc biệt, nghi môn của đình rất độc đáo, hoàn toàn làm bằng gỗ lim theo kiểu chồng diêm hai tầng 8 mái đao cong.

Nhưng tất cả chỉ còn trong ký ức. Qua những năm tháng chiến tranh, hòa bình lập lại, khu đất của đình xưa được dùng để xây dựng trường cấp I, II của xã. Đến năm 2010, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, chính quyền địa phương đã giao lại khu đất để phục dựng lại ngôi đình như hiện nay với kết cấu bằng chất liệu hiện đại, bê tông cốt thép, phần hoành, dui bằng gỗ... gồm các hạng mục kiến trúc: Nghi môn, Tiền đình, Hậu cung, nhà khách, nhà bia và một số công trình phụ trợ khác.

Dẫu công trình hiện tại không mang nhiều giá trị kiến trúc, nhưng đình Đổng Đòai là chứng tích cho lịch sử tồn tại, tham gia đấu tranh dựng nước và giữ nước của người dân nơi đây. Ngôi đình cũng lưu giữ nhiều tài liệu, hiện vật quý như: 7 đạo sắc phong, 1 bản thần tích có niên đại thời Nguyễn cho biết rõ về lai lịch công trạng của người được thờ tại di tích; hệ thống ngai, bài vị, hậu bành, hương án, bình rượu, lọ hoa, đỉnh đồng, bộ chấp kích... rất có giá trị. Theo thần tích soạn vào thời Lê, sao lại vào ngày lành tháng tốt năm Thành Thái thứ nhất (1886) lưu tại đình, thì thành hoàng làng (Tam Công) là ba anh em họ Hà, húy là Đổng, Dạ, Tháp, là người sở tại, có công phò vua đánh giặc Hán xâm lược thế kỷ II trước công nguyên, bảo vệ xã tắc. Sau khi hóa, được triều đình các đời phong sắc, giao cho nhân dân địa phương hương khói phụng thờ.

Nằm phía ngoài đê sông Đuống, Lăng Tam Công ở cùng dải bãi bồi với khu di tích lăng Kinh Dương Vương cách

đó không xa về phía thượng nguồn. Toàn bộ khu lăng đã được khoanh vùng bảo vệ rộng gần 4500m². Theo truyền thuyết thì đây là nơi Tam Công hoá sau khi các ngài trở lại quê nhà. Nguyên xưa lăng được xây bằng gạch giữa rừng cây rậm rạp u tịch; năm 2010, nhân dân địa phương cho trùng tu khu lăng theo kiểu long đình, bằng chất liệu bê tông.

Sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của di tích đình và lăng Tam Công - biểu hiện rõ nhất qua lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc - đều liên quan mật thiết đến Tam vị thành hoàng. Hàng năm, tại di tích diễn ra nhiều sự lễ nhằm ngày sinh, ngày hoá của Tam Công; ngày Tam Công khao thưởng quân sỹ; ngày sinh, ngày hóa của Thánh phụ, Thánh mẫu Tam Công...

Cùng với Á Lữ, Đổng Đòai, trên vùng quê Đại Đổng Thành, thôn Đổng Đông cũng là chôn địa linh nhân kiệt. Đây là địa bàn cư trú của cư dân Việt cổ từ thuở các vua Hùng mở nước. Đồng thời thuộc trung tâm Luy Lâu thời Bắc thuộc. Vì vậy, tất cả những diễn biến kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa trên trung tâm Luy Lâu suốt những thế kỷ đầu Công nguyên - khi Luy Lâu giữ vai trò thủ phủ của chính quyền xâm lược phương Bắc trên đất nước ta - đều có sự góp mặt hoặc tác động trực tiếp, mạnh mẽ tới làng Đổng Đông nói riêng, xã Đại Đổng Thành nói chung buổi ấy. Truyền rằng, đây là nơi diễn ra nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân, do các thủ lĩnh địa phương dựng cờ, chống lại ách đô hộ tàn bạo của chính quyền đô hộ nhà Ngô phương Bắc. Trong

đó có các thủ lĩnh: Khâu Công, Thiện Lợi, Hựu Giai - những nhân vật được thờ ở đình Đồng Đông, Đại Đồng Thành.

Thần tích, bia ký, sắc phong, câu đối, truyền tích và nhiều nguồn tài liệu cho biết: 3 anh em Khâu Công, Thiện Lợi, Hựu Giai (là 3 anh em kết nghĩa, quê gốc ở vùng Cửu Chân (Thanh Hóa ngày nay) đã lãnh đạo quân dân trên địa bàn khởi nghĩa chống quân nhà Ngô thời kỳ chúng xâm chiếm và đô hộ nước ta. Cuộc khởi nghĩa diễn ra sôi nổi tại địa bàn Đồng Đông, gây cho quân Ngô khá nhiều thiệt hại. Song, sau hơn 3 tháng, do lực kiệt, lương thiếu, khởi nghĩa Khâu Công - Thiện Lợi - Hựu Giai đã thất bại. Cả 3 thủ lĩnh đều hy sinh ngay trên mảnh đất Đồng Đông, vào ngày 1-11 (âm lịch). Người em gái của Khâu Công tên là Quý Minh đau xót đã tự vẫn để được “theo cùng các anh”, cũng tại ngay mảnh đất Đồng Đông. Ca ngợi gương tinh thần quật cường khởi nghĩa của 3 ông và dân làng buổi ấy, người đời sau đã làm đôi câu đối treo tại đình làng: “Thiên địa bạch trung chinh, Liên Lũ (Liên Lô) cổ thành năng chính khí/ Sơn hà sinh tiết nghĩa, Cự Đồng (Đồng Đông) tân áp lâm dư linh”.

Đình làng Đồng Đông được xây dựng trên ngay mảnh đất xưa kia đã diễn ra cuộc chiến đấu chống Ngô của dân làng và các thủ lĩnh có tên trên, cũng chính là nơi thờ cúng 4 anh em Khâu Công, Thiện Lợi, Hựu Giai, Quý Minh anh dũng và trung nghĩa. Trước năm 1917, đình Đồng Đông cùng với làng nằm ở khu vực nay là bãi ngoài đê sông Đuống (phía bắc làng

hiện nay). Sau, do sự nắn dòng của sông Đuống, Đồng Đông cũng như nhiều làng ở hữu ngạn sông đã chuyển vị trí lùi sâu về phía Nam (phía trong đê Đuống hiện nay). Qua một số lần di chuyển dưới thời Lê, năm 1918, đình được xây dựng trên vị trí hiện nay (giữa làng Đồng Đông), nhìn về hướng tây nam. Mặc dù quá trình tồn tại, đình được tu sửa khá nhiều, nhưng nếp đình hiện còn, về cơ bản, là công trình được xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 7 (1826).

Đặc sắc của đình Đồng Đông chính là ở kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc trang trí trong kiến trúc. Trên các con chông, đầu bẩy, đầu dư và các bức cốn, người thợ làm đình đã chạm nổi, chạm kênh bong nhiều đề án trang trí rất sinh động. Đó là hình tứ linh (long - ly - quy - phượng) chạm nổi, đang vờn nhau, trên bức cốn ở phía trên cửa vào hậu cung. Đó là hình các hoa lá cách điệu - nhiều phần nổi rõ tựa biểu tượng âm dương - trên các con chông, các đầu bẩy...

Hiện tại, đình Đồng Đông vẫn lưu giữ một số lượng lớn các di vật thời Lê - Nguyễn có giá trị đặc biệt. Trong đó có 2 bia hậu ghi công đức các đợt tu sửa Đình và 1 bia đề ghi tên tuổi, chức tước 7 người làng đỗ đại khoa qua các triều đại. Đáng chú ý là trong hậu cung đình có bộ ngai thờ có 4 chiếc, tuy cùng chung một đề án trang trí là các hình rồng mây, hoa lá, hổ phù... nhưng mỗi chiếc lại được chạm khắc cầu kỳ theo một bố cục khác biệt, khiến bộ ngai thờ trở nên vô cùng phong phú,

hấp dẫn về kiểu dáng. Đây là những di vật mang đậm dáng vẻ giai đoạn lịch sử cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn. Tại đình cũng còn lưu giữ bản thân tích kể rõ lý lịch, hành trạng của 4 vị thành hoàng làng, cùng 17 đạo sắc phong do nhà nước phong kiến trước đây phong cho 4 vị thành hoàng làng được thờ ở đình.

Có thể nói, kiến trúc đình Đồng Đông và những di vật còn lại, với những kiểu dáng, mô típ trang trí phong cách nghệ thuật phong phú, đa dạng... xứng đáng là một bảo tàng cổ vật có giá trị; đồng thời cũng cung cấp những tài liệu xác đáng để tìm hiểu lịch sử mỹ thuật nước nhà. Ngôi đình chẳng những là nơi ngưỡng vọng, hào khí thiêng liêng, hướng về nguồn cội vẻ vang, võ công đánh giặc, cứu nước của tổ tiên trong lịch sử giữ nước của dân tộc, mà còn là một công trình nghệ thuật kiến trúc còn khá nguyên vẹn, nơi lưu giữ một số lượng lớn các di vật lịch sử - văn hoá có giá trị. Những giá trị tiêu biểu đó đã được Nhà nước ta ghi nhận, cấp bằng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào năm 1992.

Địa bàn xã Đại Đồng Thành có diện tích rộng (với gần 869ha), dân cư đông (với gần 14000 nhân khẩu). Từ xưa tới nay, nghề nông vẫn là nghề chính trong phát triển kinh tế của người trong xã. Những năm gần đây, dân các thôn phát triển mạnh nghề nan (vàng mã); mở mang nhiều ngành nghề dịch vụ khác. Vậy nên kinh tế của Đại Đồng Thành có nhiều khởi sắc mới.

Cùng với phát triển kinh tế, xây dựng

nông thôn mới; phát huy truyền thống văn hoá của quê hương, trong những năm qua, Đại Đồng Thành đã quan tâm xây dựng tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá. Trong các ngày lễ tết, đặc biệt là vào dịp lễ hội truyền thống tại các địa bàn, các điểm di tích, địa phương đều tổ chức vô cùng trọng thể với đầy đủ nghi thức trang nghiêm trong phần lễ, vui tươi trong phần hội; có sự tham gia đông đảo của nhân dân địa phương và khách thập phương, tạo mối liên kết cộng đồng, để tiếp tục cùng nhau xây dựng, phát triển quê hương ngày càng đi lên, giàu bản sắc văn hóa.

Lang thang bờ bãi, hay dọc triền đê sông Đuống trên đất Đại Đồng Thành, ngắm cây cầu Kinh Dương Vương nối nhịp đôi bờ, hay cả con đò ngang chở khách qua sông vẫn còn đâu đó những hình ảnh thu vào tầm mắt đã cho tôi bao suy ngẫm về sự phát triển của đời sống con người bên sông. Nó cũng khẳng định sự đi lên mạnh mẽ về mọi mặt của mỗi vùng quê như Đại Đồng thành, cũng như quê hương Bắc Ninh, đất nước Việt Nam. Sự đi lên ấy đã đem lại cho con người đôi bờ sông này nói riêng, mọi vùng miền trong cả nước nói chung những niềm vui, niềm hạnh phúc bởi sự no ấm về vật chất, giàu có về tinh thần, cao sang về trí tuệ.

Và niềm vui ấy cứ lan tỏa, như sóng, như dòng nước sông, nhuận nhị võ mạn đôi bờ./.

Con ngõ nhỏ vòng vào làng Ngân Cầu cổ xưa, bên cạnh ngôi chùa nằm yên bình dưới cây muỗm cổ thụ sớm nào tôi đi chợ qua cũng gặp một ông già đầu bạc trắng cặm cụi quét lá. Chỉ vài chiếc lá rải trên nền đất sạch sẽ nên tiếng chổi sẽ sàng. Một sớm trời se lạnh, đường ngõ lá vàng rụng dày hơn, tiếng chổi đưa sần sạt, một quả ổi vàng suộm nằm

nghiêng giữa lối đi. Hương ổi thơm như thì thầm khe khẽ: Thu đã vào ngõ nhỏ!. Bất chợt những cảm xúc thuở nào ùa về da diết trong tôi, nó như cơn gió heo may gõ nhẹ vào cửa kính, thổi vào đó từng lớp sương mờ từ kí ức.

Tôi nhớ xiết bao cảm giác mở cánh cổng gỗ cũ kĩ bước ra con ngõ hiền lành chạy uốn quanh mềm mại trước khi rẽ ra

THU VÀO NGÕ NHỎ

LƯƠNG THÌN

đường lớn. Chỉ một đoạn ngắn tầm vài chục bước chân mà âm thanh ồn ào phỏ xá dừng hẳn ngoài kia, để lại trong con ngõ nhỏ một khoảng trời bình yên thân thuộc. Hai bên ngõ, hàng cúc tần được cắt tỉa vuông vắn, hàng xóm đứng ở cửa nhà mình nhìn thấy nhà bên, nói vọng với nhau vài câu hỏi han giữa mùi thơm hăng hắc thoảng vào gió nhẹ.

Trong con ngõ ấy bọn trẻ con buổi chiều được nghỉ học thường tụ tập chơi chung với nhau. Con gái chơi chuyền

nhảy dây, con trai chơi đuổi bắt. Người lớn trong nhà đi làm hết cả. Mỗi đứa khóa cửa nhà mình lại đeo chìa khóa ở cổ. Cuối chiều khi chán các trò nghịch ngợm, bọn trẻ nhà nào nhà nấy ra vào con ngõ ngóng bố mẹ đi làm về. Đứa biết việc vào bếp thổi đồ bố mẹ nôi cơm, khói từ mái lá tủa ra đầy ngõ nhỏ quện với sương thu bàng bạc. Tôi cũng thường ngồi ở đầu ngõ chờ mẹ về. Hoàng hôn buông nhanh cùng với tiếng bước chân quen thuộc, tôi chạy ào ra

đón mẹ, tíu tíu đón lấy đôi quang gánh đã nhẹ bẫng. Ngõ nhỏ cũng như reo vui với niềm yêu thương ăm ắp.

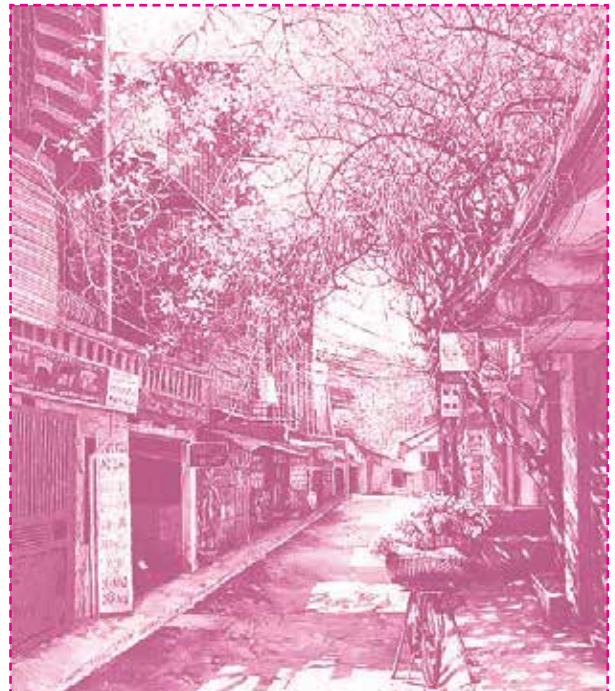
Với đám trẻ chúng tôi, cảm nhận mùa thu rõ rệt nhất là ngày khai trường và khi nằng thu mang không khí vui nhộn náo nức đến biến hóa thành lễ hội đêm rằm. Xóm tôi chuẩn bị đón trung thu với tất cả những háo hức mong chờ của trẻ con, người lớn. Chiếc đèn ông sao to cả xóm cùng làm được treo lên ở chính giữa ngõ ngay từ đầu tháng, bọn trẻ ngày nào cũng liên tục chạy ra thích thú ngắm nghía. Những xâu hạt bưởi bóc trắng nõn nà như chuỗi ngọc trai treo trên hàng rào khô dần. Tiếng trống tung tung gõ nhịp gọi chị Hằng mau đến. Trống bọn trẻ tự làm từ những chiếc vỏ lon sữa bò, dùi trống làm bằng hạt thị đã khô mà tiếng kêu giòn giòn thật vui tai. Trung thu đúng là Tết của trẻ con, mấy chiếc chiếu trải giữa ngõ bày mâm ngũ quả trông trắng, mỗi nhà góp một loại bánh nướng bánh dẻo hay trái bòng trái thị. Mẹ cha trong một lúc cũng quên đi gánh nặng mưu sinh mà vui cùng hồn nhiên con trẻ.

Trăng thu năm nào cũng ghé chơi ngõ nhỏ của tôi. Mặt trăng tròn trong vắt ánh sáng dịu hiền soi sáng khắp mặt đất. Trăng lấp lánh sáng trên lá, ánh vàng lai láng khắp khoảng không bao la. Có chỗ ánh trăng rọi qua kẽ lá thành từng giọt sáng lơ đãng. Sau rằm dăm ngày bọn trẻ vẫn rước đèn rong ruổi mãi, thỉnh thoảng ngẩng mặt ngắm vàng sáng thân thương, ngần ngơ tiếc đĩa trăng voi dần, bạc dần đi cho đến khi trăng cuối thu khuất hẳn vào mây trời, ngần ngơ tiếc với nỗi mong chờ đến

thu sau. Suốt những năm tháng tuổi thơ, mùa thu đã ở bên ngõ nhỏ, cùng chúng tôi trưởng thành, mà có một tôi vô tâm chưa từng đếm tuổi thu về.

Mỗi lần qua con ngõ nhỏ đang vào thu lòng tôi lại nao nao nhớ. Dưới gốc cây sấu già đầu ngõ xưa anh đã bao lần đứng chờ tôi. Một quả sấu chín cuối mùa tinh nghịch rụng khẽ rơi cốc xuống đầu làm cả hai cùng bật cười. Rồi nỗi nhớ được gói lại khi mùa thu ấy, tôi và anh cùng xa con ngõ nhỏ, xa mãi những rung động đầu đời mỏng manh tựa như làn sương thu tha thiết.

Từng con ngõ nhỏ vẫn bình yên dất thu về trong nồng nàn hương sắc. Nàng thu bước thật nhẹ nhàng qua từng ngõ nhỏ như một giai điệu của bản tình ca cất lên thánh thót trên phím mùa. Và lòng người mỗi thoáng heo may cũng đã thành vần thành nhịp viết nên bài thơ yêu thương giữa đất trời muôn thuở./.



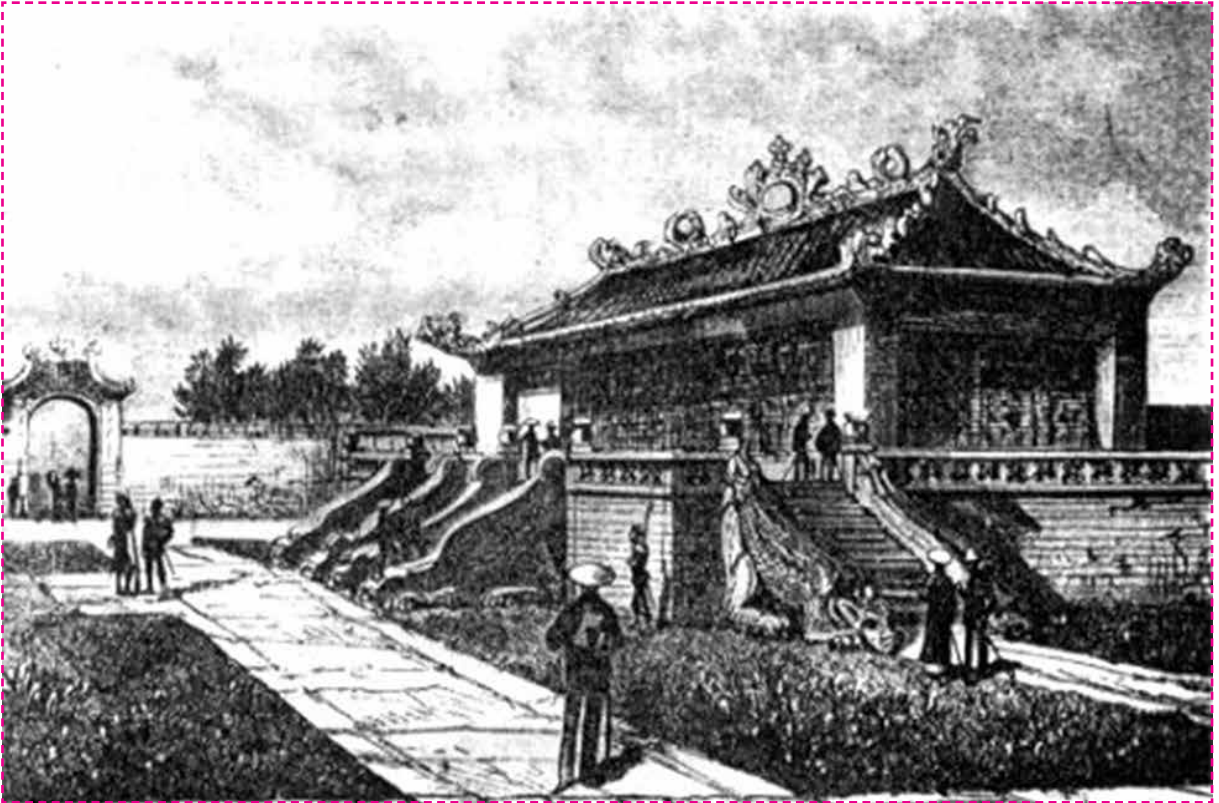
LỊCH SỬ VÀ TRUYỀN KỶ TIỀN SỸ PHƯƠNG KÍNH TRUNG

LÊ VIẾT NGÀ

Tiền sỹ Phương Kính Trung sinh ra và lớn lên trên quê hương Lương Xá, huyện Lang Tài, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc. Nơi đây là vùng đất văn hiến của Kinh Bắc. Truyền thống hiếu học của quê hương đã gieo vào lòng tiên sinh Phương Kính Trung từ thuở thiếu thời. Những tấm gương của các bậc đàn anh trên quê hương như: Hoàng Sỹ Dịch đậu Hoàng giáp năm 1502, Đào Phùng Thái đậu Hoàng giáp năm 1505, Đoàn Huy Thông đậu Tiến sỹ năm 1511, là động lực thúc đẩy tinh thần học tập, dùi mài kính sử của ông Phương Kính Trung.

Thời kỳ niên thiếu của tiên sinh họ Phương là những năm cuối của thế kỷ XV. Đó là thời kỳ chế độ phong kiến tập quyền phát triển lên giai đoạn thịnh đạt vào đầu đời Lê. Từ đời Lê Thánh Tông (1460 - 1497), bộ máy hành chính cũng như tổ chức quân đội và hoạt động lập pháp của nhà Lê đạt đến mức hoàn bị với những thiết chế chặt

chẽ. Cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước là triều đình, gồm 6 bộ do các quan Thượng thư đứng đầu, bên cạnh đó có 6 khoa kiểm soát công việc các bộ. Ngoài ra còn 6 tự và một số cơ quan chuyên trách như Ngự sử đài kiểm soát quan lại và xét sử án kiện; Hàn lâm viện khởi thảo các văn kiện; Đông các viện sửa chữa các văn kiện; Quốc Tử giám trông nom việc giáo dục; Tư thiên giám coi thiên văn, định lịch pháp; Quốc sử quan biên soạn chính sử... Cả bộ máy triều đình đó đặt dưới quyền điều khiển của nhà Vua. Lê Thánh Tông bãi bỏ chức Tể tướng, ngăn cấm quý tộc, quan lại tổ chức quân đội riêng. Uy quyền của nhà Vua trở nên "vô thượng". Bản thân nhà Vua được thần thánh hoá là "con trời", là hiện thân của "chân lý" và "sức mạnh". Do đó nhà Vua không những coi quản muôn dân mà còn có quyền thưởng phạt cả thần thánh nữa. Khuynh hướng chuyên quyền độc đoán ngày càng phát



triển và thăng thế. Bộ máy hành chính các cấp cũng cải tổ lại theo hướng tăng cường sự chỉ phối của triều đình và hạn chế quyền lực địa phương. Do sự phát triển của chế độ Trung ương tập quyền, bộ máy quan lại ngày càng mở rộng.

Nhà Lê mở mang việc giáo dục, thi cử và xây dựng một chế độ đào tạo rất chính quy. Quốc Tử giám hay Thái học viện ở Kinh thành là cơ quan giáo dục cao nhất trong nước. Chế độ thi cử đi vào nề nếp quy củ với những kỳ thi Hương ở các địa phương và kỳ thi Hội ở Kinh thành, cứ ba năm mở một kỳ. Số người đi thi có khi lên tới hàng nghìn người. Nhà Lê hết sức đề cao tầng lớp nho sỹ và quảng cáo cho các kỳ thi.

Nói chung chế độ giáo dục và thi cử đời Lê rộng rãi hơn trước, năm Giáp Tuất (1514) (Minh Chính Đức thứ 9), đời Vua Lê Tương Dực - Hồng Thuận thứ 6, sau khi Vua ngự về Tây kính bái yết lăng tẩm, cây ruộng tịch điền, đến tháng 3 thì Hội các sỹ nhân trong nước. Bấy giờ dự thi có 5.700 người, lấy đỗ Nguyễn Bình Đức và 43 người. Trong số này có 3 người đỗ Đệ nhất giáp Tiên sỹ cập đệ (Kinh Bắc có ông Nguyễn Chiêu Huân quê ở Yên Phong đỗ Bảng nhãn); 20 người đỗ Đệ nhị giáp Tiên sỹ xuất thân; 20 người đỗ Đệ tam giáp đồng Tiên sỹ xuất thân. Vua thân ngự thi Điện, ra đầu đề văn sách hỏi về nhân tài. Sai Tả bình chương quân quốc trọng sự nhập nội kiêm hiệu thượng tướng Thái úy

Lạng quốc công Lê Phụ; Lại bộ thượng thư chiêu văn quán tú lâm cục Đàm Thận Huy; Công bộ hữu thị lang Tán Tương; Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư Do lễ bá Nguyễn Bá Thuyên; Hộ bộ thượng thư trị chiêu văn quán tú lâm cục cần lễ nam Đoàn Mậu; Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư đồng các đại học sỹ kiêm Quốc Tử giám tế tửu trị kinh diên Đôn thư bá Lê Tung; Hộ bộ thượng thư đồng các đại học sỹ nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc chia nhau trông coi việc thi. Các ông Nguyễn Đức Lượng, Nguyễn Chiêu Huân, Hoàng Minh Tá 3 người đỗ đệ nhất giáp Tiến sỹ cập đệ. Các ông Nguyễn Vũ 20 người đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân. Các ông Nguyễn Bình Di, Phương Kính Trung 20 người đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân. Sau đó triều đình có chiếu cho các Tiến sỹ mới là bọn Nguyễn Đức Lượng vào điện Thiên Quang làm bài ứng chế; Vua sai làm bài Ký điện Thiên Quang.

Như vậy khoa thi Tiến sỹ năm Giáp Tuất (1514) toàn quốc có 43 người đỗ; trong đó Kinh Bắc chiếm tới 12 vị.

Sau khi thi đậu đại khoa, quan tân khoa Phương Kính Trung đã được triều đình cho vinh quy bái tổ. Năm đó có sao Kim mọc ban ngày, nước sông lên to, hồ ao trong thành có con rắn lớn hiện lên 20 ngày. Vua lấy sủng và cờ trống để dọa đến tháng 4 rắn mới bỏ đi.

Dân làng Lương Xá lại một lần nữa được tổ chức lễ hội đón rước quan tân khoa Phương Kính Trung về quê vinh quy bái tổ. Bà con trong họ ngoài làng ai ai cũng nô nức phấn khởi ra đường nghênh đón, lại nhà chúc mừng nồng nhiệt. Trở lại triều đình, ông Phương Kính Trung và các quan

tân khoa đều được bổ nhiệm quan chức. Mùa thu năm đó, Vua sai thiếu bảo Lễ bộ thượng thư kiêm đồng các đại học sỹ kiêm Quốc Tử giám tế tửu nhập thị kinh diên Đôn thư bá Lê Tung soạn bài: "Đại Việt thông giám tổng luận". Quan cấp sự trung lại khoa là Phạm Trí Năng tâu rằng: Từ nay trở đi, bổ dụng quan chức, bộ Lại theo như lệ năm Hồng Đức, chọn viên quan nào ở chức lâu năm, đủ lệ khảo khoá, có công lao chính tích, lòng dân thuyết phục mới được thăng bổ. Nếu bộ Lại thăng bổ không được người tốt đáng thăng thì Hình bộ theo luật trị tội. Quan tân khoa Phương Kính Trung được bổ nhiệm chức Đại lý tự khanh.

Thời kỳ xã hội mà ông Phương Kính Trung làm quan là lúc quốc gia phong kiến Việt Nam bắt đầu suy yếu. Vào đầu thế kỷ XVI, những mâu thuẫn nội tại của chế độ nhà Lê đã dẫn tới sự bùng nổ phong trào nông dân khởi nghĩa và những cuộc xung đột triền miên giữa các phe phái phong kiến. Các Vua Lê và triều thần ngày đêm miệt mài trong những cuộc truy hoan và bày ra những trò chơi xa xỉ, xây dựng lâu đài cung điện rất tốn kém. Chân tướng của chế độ quân chủ chuyên chế bộc lộ ra qua bài hịch của nhóm quan lại chống lại Vua Lê Uy Mục: "*Tước đã hết mà lạm thưởng không biết/ Dân đã cùng mà lạm thu không cùng/ Phu thuế thu đến tơ tóc mà dùng của như bùn đất/ Bạc nhược như Tân Chính, đãi công thần như chó ngựa, coi dân chúng như cỏ rác*". Đời sống của người nông dân ngày càng bần cùng điêu đứng, kinh tế nông nghiệp lại không được chăm lo, đê điều và các công trình thủy lợi bỏ bê trễ. Các nạn hạn hán, lũ lụt, mất mùa đói

kém... xảy ra thường xuyên. Các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ khắp nơi (Kinh Bắc lúc này có khởi nghĩa của Ngô Văn Tổng và Thân Duy Nhạc là tiêu biểu nhất). Nhưng phạm vi lớn - điển hình nhất vẫn là cuộc khởi nghĩa nông dân do Trần Cao chỉ huy. Tất cả như những cơn gió tạo nên bão táp làm lay chuyển tận gốc nền thống trị của triều Lê trong thời kỳ này. Những yếu tố thời đại trên đã tác động sâu sắc tới tư tưởng và tình cảm của các Nho quan như Đại lý tự khanh Phương Kính Trung.

Chức Đại lý tự khanh, sáu tự khanh... đều là chức nhiệm giữ việc tế tự, triều hội, yến tiệc - lo chứa sẵn và xuất nhập cẩn thận. Về phẩm tước ông được hưởng ở hàng ngũ phẩm. Theo lệ cấp bổng lộc cho các quan, ông được hưởng 40 quan (mỗi tháng 3 quan 3 tiền 20 đồng).

Theo quy chế về phẩm phục cho các quan thì: các quan chức Tự khanh như ông Phương Kính Trung, khi vào chầu được đội mũ phác đầu, áo chầu thì được dùng màu xanh lục, bó tử thêu con công, đai đính gỗ kỳ lam hương bịt thau, đi hia và đi tất. Hầu phủ Chúa thì dùng mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ đằng sau, dây thao kép. Mũ được dùng mũ lương, võng ba đòn sơn đen, yên ngựa sơn đen thếp thau, ở ngoài thành được thêm một cái dù mưa màu xanh, có riềm, bành voi ngoài sơn đen có chạm, trong sơn tía. Khi vào chầu cho đem theo hai người hầu. Đồ mặc thường dùng các thứ gấm vóc, mâm cơm sơn đen chạy một đường chỉ vàng, bát đĩa dùng hàng Trung Quốc bịt thau, cắm vẽ rồng phượng.

Tiến sỹ Phương Kính Trung còn có tên là Phạm Kính Trung. Sách "**Các**

nhà khoa bảng Việt Nam" chép như sau" Phạm Kính Trung người xã Lai Xá, huyện Thiện Tài, nay là thôn Lai Xá, xã Phú Lương, tỉnh Hà Bắc. Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Giáp Tuất, niên hiệu Hồng Thuận thứ 6 (1514) đời Lê Tương Dực, làm quan nhà Mạc đến Đại lý tự khanh, tước hầu".

Theo sách "**Đại Việt lịch triều đăng khoa thực lục"** thì: "Phạm Kính Trung, quê Lai Xá, đỗ đại khoa năm Giáp Tuất (1514), Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân thứ 11, làm quan nhà Mạc đến chức đại lý Tự khanh, tước hầu, ông là do Chiêu giám sinh (tức thư sinh nhà quan chức), là em họ Nguyễn Thu". Thế mà Nguyễn Thu lại là con rể của Hoàng giáp Đào Phùng Thái (lấy Đào Thị Quý). Nguyễn Quý Công đỗ Tiến sỹ khoa Tân Mùi, năm Hồng Thuận thứ 3, làm quan tới chức quản thí huyện Quảng Đức, sau làm Thượng thư bộ Hộ, tước bá, nhà Mạc phong là Sùng lộc hầu, sau về trí sỹ. Ông Thu lại là trò của Đào Trung Hoà (quê Lai Xá cùng đỗ khoa này, nhưng ông Hoà 53 tuổi, Nguyễn Thu mới 24 tuổi).

Như vậy ta mới hiểu rằng tại sao trong văn bia hiện nay ở Lương Xá lại có ghi khắc cả tên tuổi, khoa danh, chức tước của ông Nguyễn Thu (người Lai Xá) âu cũng là trước đây các cụ ta thường trọng người tài đức - đức của Nguyễn Thu còn đóng góp vào việc tu tạo chốn đình chung nơi quê ngoại (quê vợ). Tìm hiểu về thân thế sự nghiệp của ông Phương Kính Trung ta lại hiểu thêm về Tiến sỹ Nguyễn Thu./.

ĐÔNG CÁC ĐẠI HỌC SỸ



Nguyễn Tông Nho

NGUYỄN DUY NHẤT

Tiên sinh Nguyễn Tông Nho sinh năm Canh Dần - Khánh Đức năm thứ 2 (1650) đời Vua Lê Thần Tông, quê ở xóm Thanh Lê (còn gọi là Kê Muống), thị trấn Lim, huyện Tiên Du - xưa gọi là xã Lũng Sơn, thuộc tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc.

Ngay từ khi mới đi học, tiên sinh đã tỏ ra thông minh, siêng năng, các sách nhập môn như: Sơ học vấn tâm, Tam tự kinh, Ấu học ngũ ngôn thi, Minh đạo gia huấn - Nguyễn Tông Nho đã tìm hiểu, học tập nhuần nhuyễn.

Sau nhiều năm đèn sách, dùi mài kinh sử với 9 bộ sách "Tứ thư", "ngũ kinh", tiên sinh Nguyễn Tông Nho bước vào các kỳ thi: thi khảo hạch, thi Hương, thi Hội và thi Đình. Sách "Đại Việt sử ký toàn thư" tập IV chép về năm đỗ của tiên sinh Nguyễn Tông Nho cụ thể như sau: "Quý Sửu năm thứ 2 (1673), mùa xuân tháng Giêng, Vua xa giá về đến Kinh sư, tháng 10 (có sách chép là tháng 11) mùa đông, mở khoa thi Hội thi

các công sỹ. Đề điệu là Thái tổ quận Bình Trịnh Quế, Tri công cử là Lễ bộ Tả thị lang Phụng trì nam Nguyễn Quốc Khôi, giám thị là Lễ bộ Hữu thị lang nhập thị kinh diên bồi tụng Thọ nham tử Nguyễn Đình Chánh và Hình bộ Hữu thị lang Tuyển lĩnh bá Bùi Đình Tri, vâng mệnh lấy Nguyễn Đức Vọng, Nguyễn Danh Nho (Tông Nho) 5 người đã trúng cách trong 4 kỳ thi".

Mùa đông tháng 11 thi Hội các công sỹ trong nước, lấy đỗ Nguyễn Công Vọng (người Vĩnh Kiều - Từ Sơn), Nguyễn Tông Nho (người Tiên Du) và 3 người đỗ. Đến khi thi Điện, cho bọn Bùi Quang Vận 5 người đỗ đồng Tiến sỹ xuất thân, trong đó có Nguyễn Tông Nho".

Các tài liệu lịch sử đăng khoa xưa nay đều ghi nhận Nguyễn Tông Nho thi đỗ đầu kỳ thi Đông các. Đó là kỳ thi tuyển chọn những viên quan tài giỏi văn chương để hiệu chỉnh các văn bản của triều đình cho chính xác trước khi ban hành... do nhà Vua đích thân ra đề thi ở điện Vạn Thọ trong

cung đình, người đỗ đầu như Nguyễn Tông Nho được phong Đông các đại học sỹ, đỗ thứ hai được phong đông các học sỹ, đỗ thứ ba được phong Đông các hiệu thư.

Sách **"Quốc triều hương khoa lục"** chép: "Năm Vĩnh Trị thứ 1 (đời Hy Tông, Quý Sửu -1676), thi khoa Đông các để thi là "trời che trời đất", để phú là "cung kính khoan hoà, thủ tín, thông mẫn, từ huệ"; đề ký là "Vua giỏi tôi hiền thời trung hưng"- số trúng có 6 người (Hàn lâm viện hiệu thảo Nguyễn Tông Nho đậu thứ nhất).

Sách **"Lịch triều tạp kỷ"** chép: "Ngày 16 tháng 12, thi Đình cho các vị Bùi Quang Vượng, Ngô Đức Vọng, Nguyễn Đương Bao, Nguyễn Đăng Tuân và Nguyễn Danh Nho (Tông Nho), 5 người đều được đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân". Sau khi thi đỗ Tiến sỹ, Nguyễn Tông Nho và các quan tân khoa đều được dự các nghi thức do triều đình tổ chức rất trọng thể, như : xướng danh Tiến sỹ, ban mũ, áo, đai, ban yến cho các Tiến sỹ và nghi thức các Tiến sỹ lạy tạ vinh quy.

Làng quê Lũng Sơn lại một lần nữa (lần thứ 2). Lần 1 đón Tiến sỹ Nguyễn Quang (cũng thuộc gia tộc này) tung bưng phân khởi tự hào tổ chức nghi lễ long trọng mừng đón người con ưu tú của quê hương mình thi đỗ đại khoa - vinh quy bái tổ. Quan tân khoa Nguyễn Tông Nho làm lễ bái yết Thành Hoàng làng ở đền xong về từ đường gia tộc làm lễ bái yết tổ tiên. Sau đó ít ngày quan tân khoa Nguyễn Tông Nho

lại trở về triều để nhận chức và thi hành công vụ.

Năm Giáp Dần, Dương Đức thứ 3 (1674), từ tháng 10 trở đi, triều Gia Tông đổi niên hiệu Dương Đức làm năm Đức Nguyên thứ 1. Tháng 2, mùa xuân Chúa Trịnh hạ lệnh răn dạy các quan chức. Nguyễn Tông Nho mới ra làm quan, tuổi còn rất trẻ (25 tuổi) đã sớm thấm nhuần lời răn dạy đó.

Tháng 3 năm 1674, triều đình bàn luận về thể lệ bổ nhiệm các Tiến sỹ và đồng Tiến sỹ xuất thân như Nguyễn Tông Nho.

Bính Thìn, năm Vĩnh Trị thứ 1 (1676), tháng 10, triều đình hạ lệnh cho Binh Bộ thượng thư Nguyễn Mậu Trì và Công bộ thượng thư Hồ Sỹ Dương đều làm Tham tụng. Triều đình tổ chức thi Đông các, lấy 6 người vào hạng hợp cách: Nguyễn Tông Nho (Hàn lâm viện hiệu thảo), Nguyễn Việt Thứ (Lại khoa cấp sự), Nguyễn Đăng Long (Giám sát ngự sử), Nguyễn Tiên Triều (Hàn lâm hiệu thảo) và Nguyễn Đình Cồn (Giám sát ngự sử).

Năm Chính Hoà thứ 1 (Canh Thân -1680), Đông các đại học sỹ Nguyễn Tông Nho, tạ thế, thọ 31 tuổi. Gia đình và họ mạc đã an táng tương công ngay trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn quê hương Lũng Sơn, trên núi Sâu, xóm Phúc Hậu (kề sau đình làng) ngoảnh nhìn về hướng Nam.

Hiện nay, ở mộ tương công còn bia đá ghi rằng: "Thủy tổ khảo Nguyễn quý công, tự là Tông Nho, thụy là Đức Nhân vạn lý tiên sinh, đỗ Tiến sỹ khoa Quý Sửu



thời Lê Gia Tông, niên hiệu Dương Đức (1673), làm quan đến chức Đông các đại học sỹ, tặng Thượng thư. Bia tạo vào mùa xuân năm Tân Mùi".

Ở nhà thờ gia tộc, có bảng gỗ ghi khắc những điều răn dạy nhằm giáo dục truyền thông cho thế hệ kế tiếp cha ông.

“Ôi! nước phải có nguồn, chảy đi khắp nơi qua nhiều khe suối, cuối cùng cũng hợp lại thành sông. Cây sống được là nhờ có đất, không khí mới tốt tươi hoa lá. Thật vậy, con người sinh ra phải có gốc. Hàng ngàn, hàng vạn con cháu sinh ra cũng đều do tổ tiên vậy.

Các thế hệ của họ ta sinh ra và lớn lên ở nơi đây những vượng khí, sâu và dài như nước sông Tương (sông Tiêu Tương).

Bản chi hàng trăm đời phồn thịnh đều lớn lên, trưởng thành tại quê hương là một dòng họ lớn được ở đây từ trước vậy.

Họ ta là một chi đời đời chuyên đức cho nhau, nối được nghiệp trước, nêu cao sự nghiệp khoa bảng mà làm nên nghiệp lớn. Sở dĩ được như thế là người mở ra để dẫn dắt các thế hệ đời sau vậy. Đến khi nhìn lại thì các chi phải đều biết, chứ không xa đời mà chỉ nghe truyền lại không có gì làm bằng thì đó chẳng phải là điều sai lầm cơ bản sao? Mặt khác là để cho đời sau nhìn đó mà soi vào".

Cuộc đời và sự nghiệp khoa bảng vẻ vang của Đông các đại học sỹ Nguyễn Tông Nho mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ học tập noi theo./.

NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

LÊ VIỆT HÙNG

Lính Hải quân

Đêm ngày vượt sóng tuần tra
Những người lính thủy bóng hòa biển khơi
Đảo chìm, đảo nổi chơi vơi
Đàn Đê Ka (DK) tựa cái chòi, bão giông
Tây Nam, Bắc Bộ, Biển Đông...
Trường Sa, Phú Quốc, Bạch Long, Cái Bầu
Hoàng Sa, Côn Đảo, Thổ Châu...
Chủ quyền, chặn giặc đương đầu chẳng nan
Hi sinh cho nước, dân Nam
Hùng cường nhân ái xứng ngàn năm nay.

ĐOÀN HUY CẢNH

Với Cô Tô

Con về thăm Bác chiều nay
Cô Tô huyền ảo một ngày đắm mưa
Ngỡ còn thấy dấu chân xưa
Ngỡ như Người mới chỉ vừa tới đây.
Bóng Người lồng lộng trời mây
Sóng xanh biển, gió xanh cây... nhờ Người
Ngỡ như thấy Bác mỉm cười
Tượng cao. Đá cũng tốt tươi sang mùa
Chàng Sơn căng ngực gió lửa
Giữa ngân nga tiếng chuông chùa Trúc Lâm
Chẳng tin đã 63 năm
Chẳng tin Người đã xa xăm cõi Thiên.

Hiên ngang một mốc chủ quyền
Cô Tô - đảo nổi đất liền là đây!

Hát Quốc ca trên đảo

Muôn ngàn tia nắng ấm
Bình minh trên đảo xa
Biển ngân lên tiếng sóng
Hòa chung lời Quốc ca

Đại dương xanh bao la
Choàng ôm rừng khải đỏ
Lấp lánh ánh sao vàng
Trong mắt đàn em nhỏ

Trang nghiêm trước sân trường
Nơi tiên tiêu Tổ quốc
Sớm trên đảo thân thương
Quốc ca dồn chân bước

Thiên liêng hồn Đất nước
Giữa muôn trùng sóng xa./.



TRUNG DU

Chốt biên giới mùa thu

Trên cao đỉnh chốt sương mù
 Tinh thần cách mạng mùa thu vọng về
 Nhắc con giữ vẹn câu thề
 Canh cho cuộc sống miền quê yên bình.

Được đem sức trẻ của mình
 Đi làm nhiệm vụ quang vinh một thời
 Giữ từng tấc đất khoảng trời
 Quyết không xao nhãng buông lơi đêm ngày.

Vững vàng chắc súng trong tay
 Để cho đất nước dựng xây mạnh giàu
 Nền kinh tế phát triển mau
 Công trường, nhà máy đua nhau rộn ràng.

Đồng quê yêu dấu, bản làng
 “Nông thôn mới”, làn gió mang ngọt lành
 Cho em thơ rảo bước nhanh
 Vào năm học mới quyết giành điểm cao.

Đứng đây vinh dự tự hào
 Tinh thần quyết thắng, phong trào thi đua
 Vượt qua gian khổ gió mưa
 Việt Nam Tổ quốc ngàn xưa vững bền.

LÊ THỊ HUYỀN

Lặng nghe Quan họ

Nghe Quan họ giữa Trường Sa
 Mượt mà câu hát lòng ta bồi hồi
 Mênh mang sóng nước, mây trời
 Du dương gió với giọng người hoà ca.

Ơi câu Quan họ thiết tha
 Từ bao đời đã nuôi ta nên người
 Say trong tiếng hát nụ cười
 Dừng dang người ở cùng người đêm nay.

Lần đầu đến với nơi đây
 Biển bao la vẫn đêm ngày bao dung
 Chờ che nuôi những anh hùng
 Vững vàng tay súng, hoà cùng lời ca.

Quan họ em vẫn đợi chờ
 Lời thương em ngỡ, em chờ người thương
 Ơi câu Quan họ vẫn vương
 Em trao gửi những yêu thương tới người.

Đêm ngày tay súng canh trời
 Giữ bình yên đến muôn đời mai sau
 Thương nhau xin nhớ lời nhau
 Trường Sa đêm ấy nặng câu ân tình./.



CÁC VỊ TƯỚNG ĐÁNH GIẶC ÂN THỜ TẠI ĐẠI LÂM VÀ THỌ ĐỨC



MAI KHÁNG

Đó là 5 vị tướng là những người con của quê hương, sống là tướng thác là thần đã có công phò Vua giúp nước đánh giặc ngoại xâm, khi giặc tan đều không màng danh lợi mà hóa về trời được nhân dân 2 làng là: Làng Đại Lâm và làng Thọ Đức đều thuộc xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đưa vào đền, đình, nghè tôn thờ là Thành Hoàng làng. Đã hàng trăm năm nay nhân dân tứ thờ hương khói nhớ ơn. Họ đã trở thành các vị phúc thần bảo hộ cho đời sống tinh thần của nhân dân bình an, phồn thịnh. Các triều đại nhà nước phong kiến Việt Nam cũng ban nhiều sắc phong, gia tăng các mỹ tự ghi sâu công đức của các ngài. Các vị tướng đó là:

- Ông Phạm Nghiêm, sắc phong là Đệ nhất Tam giang hiển hách phụ quốc đại vương.

- Ông Phạm Minh, sắc phong là: Đệ nhị Phụ tá đại vương.

- Ông Phạm Trị, sắc phong là: Đệ tam Hải quốc tế trị đại vương.

Cả 3 ông đều được tôn là Thành hoàng làng thờ tại đình và nghè làng Đại Lâm.

- Ông Cao Lễ, sắc phong là: Lễ Trụ đế đại vương.

- Ông Cao Đức, sắc phong là: Kỳ Minh đức đại vương.

Cả 2 ông đều được nhân dân làng Thọ Đức tôn thờ là Thành hoàng làng đưa vào đình và đền phối thờ.

Riêng ông Phạm Nghiêm - Đệ nhất Tam Giang hiển hách phụ quốc Đại vương được cả 2 làng Đại Lâm và Thọ Đức tôn là Thành Hoàng và thờ tại đình, đền và nghè.

Về hoàn cảnh ra đời, thân thế sự nghiệp và công đức của các vị đều ghi đầy đủ trong Ngọc phả làng Đại Lâm và làng Thọ Đức. Điều khác với Thánh Gióng ở chỗ, các vị danh tướng đều là Võ quan của triều đình Hùng Vương

thứ 6, được Vua phong chức, giao cho cầm quân của quốc gia trấn ải những nơi hiểm yếu để bảo vệ đất nước. Khi xuất hiện Thánh Gióng họ đã phối kết hợp tạo thành sức mạnh toàn dân tộc tiêu diệt Vương Ân dẹp tan quân giặc.

Sau đây là nội dung (tóm lược) Ngọc Phả Làng Đại Lâm do Hàn lâm viện Đông các đại học sỹ thần Nguyễn Bính phụng soạn vào đời Vua Lê Anh Tông, niên hiệu Hồng Phúc nguyên niên (1572), đến năm 1882, niên hiệu Tự Đức thứ 35 bản xã Đại Lâm Tạo bia y sao bản cũ đưa vào nghề lưu giữ dài lâu. Bia tạo lập xong dựng bia vào ngày 13 tháng 5 năm 1882. Mở đầu bia ghi rõ lý do và nhấn mạnh công đức của các Ngài: "Từng nghe, những vị có tiếng tăm, sự nghiệp nổi rõ với đương thời thì nhân dân luôn tưởng nhớ tới, tiếng thơm để lại đến muôn đời và mãi mãi bất hủ. Nếu như không ghi tạc vào vàng đá thì sao có thể để cho ánh sáng ấy ngời ngời mãi tới những đời sau". Đức thánh phụ ta sớm sinh ra các bậc tướng văn, tướng võ giúp lập triều Hùng tiếng tăm còn rực sáng muôn đời mà xem như rất còn mới mẻ. Tất cả hương lão, kỳ mục bản ấp lo rằng sự việc quá lâu đời dễ bị mai một nên đã kính sao chép lại bản chính thực lục rồi khắc vào bia đá để truyền lại mãi mãi về sau"

Theo đó Ngọc phả chép rằng:

Vào thời Hùng Vương thứ 6 (Hùng Huy Vương) có ông người Châu Ái (Thanh Hóa) tên là Phạm Đài, vốn giỏi y thuật, dòng dõi phong lưu giàu có, vì lánh nạn mà sang Kinh Bắc làm nghề bốc thuốc

giúp đỡ dân lành. Ông ngụ tại chùa Đại Lâm và kết duyên cùng bà Trần Tố Nương là người bản xã. Một hôm bà ra sông phía trước làng Đại Lâm tắm mát. Đương lúc tắm rửa thì thấy Giao Long lướt tới rồi quần quanh Thái bà ba vòng. Thái bà kinh sợ chạy vụt lên bờ thấy mùi thơm sực nức. Khi Thái bà về nhà, vừa vào đến sân lại thấy một vì sao tự nhiên rơi xuống thân Thái bà, hào quang sán lạn, một lát tự biến mất. Từ đó Thái Bà mang thai, đủ ngày đủ tháng bà sinh ra một bọc nở ra 3 người con trai. Cả 3 đều cao lớn khôi ngô đĩnh ngộ đặc biệt. Cha mẹ đặt tên là Nghiêm Công, Minh Công, Trị Công.

Ông bà nuôi dạy các con trưởng thành, năm mười lăm tuổi đều trở thành những người thông minh, trí dũng, văn võ kiêm toàn. Mỗi khi đi ra ngoài đều có lọng mây đi giữa không trung che mát nơi đỉnh đầu, nên cả một vùng được râm mát. Lúc các ông mười tám tuổi đều thích giao du rộng rãi được nhân dân trong vùng tin yêu. Ba ông đã chiêu mộ hương binh tập hợp được hơn 1.000 người là gia thuộc và tráng đinh trong vùng, lập doanh sở ở làng Đại Lâm, làm hùng trưởng một phương. Nhà Vua biết tin cho mời vào triều, thấy có vóc dáng lạ thường, lại có tài văn võ bèn phong chức cho các ông.

- Nghiêm Công làm thống lĩnh Long chu thủy đạo Lạc tướng quân
- Minh Công làm chức Thiên Bò chính tướng quân
- Trị Công làm chức Thủy Tào tả điểu lại, Lạc long tướng quân.

Khi ấy Giặc Ân là Thạch tướng (Có tài liệu nói là Ân Vương) mang 30 vạn quân xâm lược nước ta, Vua Hùng ra lệnh cho 3 ông chia làm 3 đạo quân xây hàng loạt đồn doanh từ Kinh Bắc đến Hải Dương và Sơn Nam, đánh nhau quyết liệt với quân giặc vài chục trận. Hai bên không phân thắng bại. Thế giặc ngày càng đông thêm, ba ông dâng biểu lên nhà Vua xin được cấp thêm quân tướng, nhưng cả triều đình bó tay. Nhà Vua cho là nguy cấp tới nơi rồi, bèn cho sứ thần đi tìm anh tài trong thiên hạ. Khi xuất hiện Thánh Gióng nhà Vua bèn hạ lệnh cho 3 ông vâng mệnh đem ngựa sắt, rìu sắt đến. Thần Vương nghiêng người vụt dậy cao lớn 10 trượng, nhảy lên ngựa sắt mà bảo rằng: "Ta là Thiên Thần, ngựa bay như gió cuốn". Ba ông lại chia thành đường thủy, đường bộ tiếp ứng. Nháy mắt đã tới đất giặc chiếm đóng ở Vũ Ninh đánh một trận lớn. Thần Vương bắt sống được Thạch Linh thần tướng đem chém đầu. Còn lại các đạo tả hữu, thủy bộ truy giết vô số, chém được trên ba ngàn đầu giặc. Thần vương một mạch ruổi ngựa tới Sóc Sơn, bỏ ngựa bay lên không trung biến mất.

Nghiêm Công, Trị Công dẹp xong giặc, thuyền rồng thẳng tới ngã ba sông Bạch Đằng. Ngay hôm đó (2/9) trời đất tối sầm, sóng to gió lớn hai ông bỗng nhiên tự hóa.

Còn Minh Công, vâng mệnh đi thẳng về triều, bái tạ bệ hạ, đứng ở chính ngự trong long đình bay vụt lên không trung và hóa sinh bắt diệt (Hôm đó là 13/9).

Nhà Vua kinh ngạc thỉnh rằng: "Đều là thiên thần thủy tướng giáng trần gian

giúp nước" rồi truyền cho các quan và 2 quê nội ngoại Đại Lâm và An Khang dựng đền thờ và bao phong mỹ tự "Vạn cổ phúc thần" (tất cả 41 nơi thờ phụng).

(Thực lục Tam vị đại vương bi ký
Bản dịch của Vương Thành Dao)

Còn 2 vị danh tướng được thờ là Thành hoàng làng Thọ Đức là Lễ công và Đức Công có thân thể sự nghiệp và công đức được ghi trong Ngọc Phả làng Thọ Đức, xin chép (tóm lược) như sau:

Hai ông đều là thuộc tướng của Nghiêm Công ở Làng Đại Lâm nên phần đầu cuốn Ngọc phả như ở làng Đại Lâm, phần sau ghi tiếp:

Khi 3 vị tướng ở Đại Lâm về triều nhậm sự, nhà Vua ban cho Nghiêm Công vi bảo quốc chính về nhậm chức ở Thiệu Giang.

Thời ấy ở Thiệu Giang^(*), Tam Giang Thành có một nhà họ Cao tên Đạo, vợ là Đinh Thị Ngọc là nhà gia thế có quyền lớn một vùng. Một hôm ông bà ngồi chơi trước sân, uống rượu làm vui, bỗng thấy 2 con rết thân dài một thước từ trên trời sa xuống giữa bàn tiệc, rồi biến mất. Từ đấy bà Đinh Thị thấy mệt rồi có thai. Đến ngày 10 tháng 8 năm Giáp Dần thì sinh hạ được 2 con khôi ngô tuấn tú, tinh thần chính túc, hào khí đẹp thay, đầy năm hay nói, năm năm am hiểu âm luật, khiến cho cha mẹ rất yêu dấu, đặt tên con lớn là Lễ, con thứ là Đức. Thấm thoát ngày qua tháng lại đến lúc trưởng thành đều có trí lớn anh hùng, đức độ khoan dung bác ái. Nhân dân Thiệu Giang hết thảy đều nể phục và tôn là chủ trưởng đất Thiệu Giang.

Khi ấy Nghiêm Công nhậm chức Thiệu Giang biết tiếng họ Cao bèn qua chơi, được Lễ Công và Đức Công kính đãi rất hậu. Ba người ý hợp tâm đầu cùng giao ước kết làm bằng hữu. Từ đấy Tam công qua lại chơi bời giao kết tinh thần, tương thân tương ái, ví như anh em ruột.

Trải qua 3-4 năm, Vua xuống chiếu triệu Nghiêm Công về triều. Nghiêm Công tâu lên nhà Vua. Ở Thiệu Giang có một nhà có 2 con trai tài minh dũng lược, đức độ hơn người, thật là tuấn kiệt, mong bệ hạ triệu về triều sung nhậm, chớ bỏ rơi hiền tài trong thiên hạ. Vua nghe và truyền: "Trẫm đã nghe thấy vậy, nay lại được khanh tiến cử, trẫm gia tin bèn sai sứ thần mang hậu lễ và tờ chiếu Lễ Công, Đức Công nhập triều".

Hai ông tiếp sứ phụng chiếu chỉ rồi nhập triều yết Vua. Vua phong cho 2 ông "Vi đô đài ngự sử, điển lễ đại phu". Ngồi chức cùng trăm quan bên hữu, cho hưởng lộc một làng ở An Phú (Yên Phong). Xong cùng Nghiêm Công trở về cung sở ở Đại Lâm. Sau đi thăm địa hình trong huyện thấy làng Đông Triền (Thọ Đức) thế đất uồn lượn quanh co, long châu hổ phục, quy ngưỡng phượng dờn, núi không cao mà gò đồng nổi theo, nguồn sông giếng dẫn cho làn nước mát, bèn thiết lập công sở ở Đông Triền.

Từ đấy Nghiêm Công, Lễ Công, Đức Công ở Đông Triền, khuyên bảo nhân dân làm ruộng nuôi tằm, mở mang công việc, loại trừ việc hại, làm điều nhân nghĩa để kết chặt lòng dân.

Thời có giặc Ân Thạch linh thần tướng đem đại quân gồm 30 vạn tên, cờ xí rợp trời, gươm đao chặt đất sang xâm chiếm nước ta. Vua cả giận sai Nghiêm Công, Trị Công, Minh Công, Lễ Công, Đức Công đem binh cự chiến.

(Đoạn sau từ khi xuất hiện Thánh Gióng như Ngọc phả làng Đại Lâm).

Giặc tan 3 ông Nghiêm Công, Lễ Công, Đức Công về triều báo tạ. Nghiêm Công hóa ngay tại sân rồng. Còn Lễ Công, Đức Công, Vua ban vàng bạc gấm vóc mỗi thứ đều một nghìn cân phụng mệnh trở về làng Đông Triền, xây dựng miếu thờ Nghiêm Công cùng Tam Giang thần. Công việc vừa xong, chư Công làm lễ khánh thành, mở tiệc, mời dân cùng phụ lão yếm ẩm. Đương khi vui trong tiệc rượu, hai Công ngâm một câu thơ:

*Nhất đường chiêu mục tụy tinh thần
Vạn cổ hương yên nhật nhật tân
Tuy thị tửu chung hoan ẩm ngữ
Tình hữu Triền địa ức thiên xuân (**)*

Ngâm xong bỗng thấy trời đất mịt mù, mưa to gió lớn, trên trời hiện một phiến mây vàng và có hình dải lụa đỏ sa thẳng xuống. Hai Công đều tự hóa. Duy chỉ còn khăn áo 2 đồng (2 gò đó vẫn còn có tên là gò khăn và gò áo). Hôm đó ngày 6 tháng 3, nhân dân Đông Triền tâu lên Vua. Vua phong sắc cho các vị đều là Đại vương, ban mỹ tự và ban làng Đông Triền phụng thờ muôn thuở.

(Hàn lâm viện Đông các đại học sỹ Nguyễn Bính - Phụng soạn năm 1572. Dịch in lại tháng 6 năm 1989 Vương Thành Giao).

Khi nghiên cứu về đề tài: Thời đại Hùng Vương thứ 6 và cuộc kháng chiến chống giặc Ân, chúng tôi cũng dày công tìm tài liệu nhưng thấy rất ít. Đa số các sách cổ như: Lĩnh nam trích quái, Việt điện u linh, Đại Việt sử ký toàn thư chỉ nhắc đến truyện truyền thuyết Thánh Gióng và đều có nội dung giống nhau.

Xin dẫn đôi dòng trong "Lĩnh Nam chích quái" của Trần Thế Pháp xuất hiện đầu thời Trần ghi như sau: "Hùng vương cậy mình giàu mạnh mà chệnh mảng việc triều cận phương Bắc. Vua nhà Ân (1766 -1122 TCN) mượn có tuần thú sang xâm lược. Hùng vương nghe tin, triệu tập quân thần hỏi kế công thủ. Có người Phương sỹ tâu: Sao không cầu Long vương đưa quân âm lên giúp...". Vua nghe lời và sau đó cầu được Thánh Gióng, đánh tan quân giặc. Cũng từ đó nhà Ân đời đời 644 năm không dám ra quân.

Đi tìm các văn bản thần phả chúng tôi bắt gặp bài viết của của Nguyễn Thanh Điệp giới thiệu cuốn Ngọc phả lưu giữ ở đền Y Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cũng do Đại học sỹ Nguyễn Bính phụng soạn năm 1572 viết về võ công của vị tướng tiên phong triều đình nhà Hùng đánh giặc Ân là Hùng Linh Công. Ông là cháu ruột của Hùng Vương thứ 6 được Vua giao cho 500 binh mã vào rừng sâu núi cao diệt hổ dữ làm hại dân lành. Chỉ sau 5 tháng, tất cả hổ dữ đều bị bắt sống, cuộc sống được yên ổn.

Vua lại phong chức Thống quốc quân giám tả phụ, trông coi xứ Kinh Bắc. Khi giặc Ân xâm lược nước ta, ông đem 3

vạn binh mã đi tiên phong cự chiến. Đang lúc giằng co với giặc thì xuất hiện Thánh Gióng ông đã xuất binh phối hợp đánh một trận lớn giặc Ân tan rã. Xong lui quân về Hiệp Hòa đến ngày 8/8 trời mưa to, gió lớn sấm sét đùng đùng, Hùng Linh Công cưỡi trên lưng con hổ đen, tay cầm thanh kim đao từ từ bay lên đến đầu núi thì biến mất.

Ngoài ra trên trang điện tử: Nghiên cứu nhân vật lịch sử có bài viết: "Phát hiện Tượng cầm vò của Thánh Gióng" (Tác giả nhà sử học Đặng Hùng).

Tác giả bài viết cũng kể về cuốn thần phả lưu giữ ở đền thôn Khê Kiều, xã Minh Khai, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nói về vị Thành Hoàng là "An Dung Quảng Bác đại vương". Tướng thời Hùng Huy Vương có công cùng Thánh Gióng đánh giặc Ân.

Ông là Đỗ Phụng Trân, cũng là con cậu tự, khi lớn rất thông minh theo thầy học binh thư, võ nghệ, cung nỏ. Sau được cụ già bản trang mở trường mời về dạy học cho con em trong ấp. Khi có giặc Ân xâm lược nước ta, ông đã dẫn 50 học trò đi đánh giặc. Vì vùng dân cư ở đây khi làm nhà thường dùng vò nện chặt đất thành tường trong các khung gỗ nên họ rất giỏi cầm vò.

Đạo quân cầm vò của ông lên tới hơn 5 nghìn quân, hội cùng quân đội nhà Vua đánh nhau hàng chục trận không phân thắng bại. Sau xuất hiện Thánh Gióng, cùng đánh một trận lớn và tiếp tục truy kích tàn quân địch chém được vô số. Đến bờ biển mới quay lại về Hồng Châu làm lễ bái yết tổ tiên rồi cưỡi mây mà hóa.

Trên Báo điện tử tỉnh Hải Dương có bài viết về 3 vị tướng họ Phan là: Phan Chí,

Phan Khí và Phan Minh cũng là Tướng của triều đình chỉ huy đánh giặc Ân, (hai vị hy sinh tại trận tiền) cả 3 vị được tôn là Thành Hoàng làng hiện vẫn thờ tại đình làng Cao Xá, xã Thái Hòa, Bình Giang, Hải Dương.

Mở rộng các câu chuyện trên, cùng các vị danh tướng đánh giặc Ân ở Yên Phong chúng tôi thấy hầu hết đó là các câu chuyện truyền thuyết, những bản ngọc phả, thần tích tôn vinh những vị anh hùng đang thờ ở các đình, đền, nghè.

Thời Hùng Vương, nhà nước Văn Lang cách chúng ta gần bốn nghìn năm là thời tiền sử, chưa có chữ viết. Mọi sự kiện và nhân vật lịch sử đều ký thác trong các câu chuyện truyền miệng. Nếu lột bỏ những yếu tố kỳ ảo trong truyền thuyết sẽ thấy sự thật lịch sử đó là: Đất nước ta từ khi lập quốc đến nay luôn luôn phải đương đầu với các cuộc chiến tranh xâm lược của các nước lớn đặc biệt là phương Bắc. Chúng ta luôn tìm cách xóa bỏ quốc hiệu, lập quận huyện, đồng hóa giống nòi để tạo thành lãnh thổ của chúng ta. Lịch sử 4 nghìn năm của đất nước cũng là lịch sử đấu tranh kiên cường của nhân dân ta. Chúng ta không chịu khuất phục, "tuy mạnh yếu mỗi thời khác nhau, nhưng hào kiệt thời nào cũng có" (Nguyễn Trãi) đã luôn đấu tranh giành độc lập tự chủ.

Và các câu chuyện trên là nhân dân ta đã gửi gắm những niềm tin yêu vào những người anh hùng với sức mạnh vượt trội để chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Đồng thời cũng nói lên sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì từ già trẻ, lớn bé, từ Vua quan triều đình đến thứ dân

nơi xóm vắng đều có lòng yêu nước, cùng khát vọng tự do, độc lập sẵn sàng xông ra trận tiền chiến đấu với kẻ thù. Cũng qua các câu chuyện trên còn thể hiện sự thông minh sáng tạo của nhân dân ta. Từ thời cổ đại Người Việt đã biết tận dụng thế núi thế sông, địa hình hiểm trở, chế tạo vũ khí từ tre trúc đến sắt thép, đặc biệt là đồng sắt là thứ vũ khí sắc bén lợi hại trong cuộc kháng chiến. Vì thế tất cả các cuộc chiến tranh xâm lược của giặc đều bị đánh bại.

Với những người có công với nước nói chung, ở Yên Phong nói riêng nhân dân luôn nhớ ơn, tôn thờ linh thiêng và thành kính. Suốt mấy nghìn năm luôn có những hoạt động như lễ đàn sinh, ngày hóa, lễ hội làng đều nhắc tới như:

- Ở Thọ Đức (Tam Đa) từ xưa cứ đến hội xuân, ngoài tế lễ xong thì phải có hội vật để tưởng nhớ tới lệ tuyển Đô lực sỹ trí dũng, đức tài của các ngài xưa thường tuyển tướng đánh giặc. Giải thưởng cho các đô thắng cuộc hàng năm lên tới 50 triệu đồng.

- Còn ở Đại Lâm (Tam Đa) có tục đóng Tướng sống trong lễ rước hội làng. Tục đóng tướng từ ngày xưa đã trở thành thuần phong mỹ tục góp phần giữ truyền thống văn hóa đẹp đẽ ở làng quê.

Hàng năm bắt đầu từ ngày lễ giỗ Đức Minh Công (12/9 âm lịch) là Hội đồng hương lão, Kỳ mục họp ở đình làng để tuyển chọn người đóng tướng cho lễ hội xuân năm sau vào ngày 15/2 âm lịch. Số người được chọn là 3 người để đóng 3 vị tướng là Nghiêm Công, Minh Công và Trị Công. Người được chọn phải là người to,

cao, có dung mạo khôi ngô, gương mặt khả ái, phúc hậu, từ thiện. Gia đình còn đủ vợ đủ chồng, con cháu đùm huề, gia thanh gia đạo trong sáng nề nếp, trên bảo dưới nghe và làm ăn thịnh vượng.

Khi được chọn, người đó lấy làm vinh dự và có ý thức chuẩn bị tập luyện tác phong nghiêm trang thành kính. Gần đến ngày lễ hội khoảng 3 tháng phải trai giới, người đó không được dùng tửu sắc, luôn luôn sửa mình cho sạch sẽ chay tịnh

Ngày lễ rước Thánh 3 ông mặc đồ tướng phục, có áo giáp, mũ mũ, cân đai, hia giày, lưng đeo thanh bảo kiếm. Khi rước đi giữa hàng quân nghiêm sắc mặt oai vệ. Phía trước và sau là những cơ, đội quân nhà ngài gồm các đội Kỵ binh, Thủy binh, đội gươm trường, đội cung nỏ, các binh khí như gươm, giáo, xà mâu bát biểu, nghi trượng, tàn lọng cờ quạt rực rỡ. Phía trước đoàn quân có một người nữa đóng làm Tướng đi tiên phong, cùng các đội Thanh đồng, các ban ngành đoàn thể đi trong tiếng nhạc lưu thủy hùng tráng.

Mở sáng 15/2 đoàn rước làm lễ thánh tại Nghè, đưa lu hương lên kiệu bát cống có từ thời Lê đi qua chùa Thiên Phúc là nơi xưa Đức thánh Phụ và thánh Mẫu ở, rồi đi ra đường Quan Báo, đi vòng về đình làng, lễ tất, rồi tổ chức các trò vui. Trong các trò vui nhất thiết phải có vật để nhớ về lệ tuyền đô lực sỹ chỉ huy quân năm xưa.

Sau lễ hội, Những người đóng tướng lại sửa lễ ra đình ra nghè làm lễ tạ rồi về nhà sửa từ bốn đến năm mươi mâm cỗ mời các cụ, bà con dân làng, thân thích cùng con cháu thụ lộc tạ ơn. Bà con đến chúc tụng rất vui vẻ và tạt hào.

Từ xưa truyền lại những người được dân chọn đóng tướng, sau đó làm ăn rất phát đạt, con cháu ngoan hiền gia đình thịnh vượng, lại càng củng cố niềm tin cho mọi người cố gắng để mình cũng có vinh dự ấy.

Tóm lại: Khi nghiên cứu giới thiệu về các danh tướng đánh giặc Ân ở Yên Phong, chúng tôi nghĩ thời đại Hùng Huy Vương (1712 - 1632, TCN) và cuộc kháng chiến chống giặc Ân đã được các nhà khoa học nghiên cứu nói đến. Cho dù sự thật lịch sử như thế nào, thì quê hương Yên Phong vẫn là một miền đất cổ của nhà nước Văn Lang và là phen đậu của Kinh đô Bạch Hạc, Phú Thọ. Từng cầm quân chống xâm lược đóng đồn, trại ở núi Trâu Sơn, Vũ Ninh, Phả Lại, Thất Diệu, dọc sông Cà Lò, Nguyệt Đức... (Tức vùng Quế Võ, Yên Phong ngày nay). Từ làng quê Yên Phong xuất hiện những vị hào kiệt được Vua phong chức cầm quân đánh giặc đã đi sâu vào tâm thức nhân dân, được nhân dân tôn thờ hương khói nhớ ơn. Nhưng những tài liệu và bài viết trên thông tin đại chúng là rất ít nhắc đến rất mong các nhà sử học, khảo cổ học, khảo cứu và giới thiệu rộng rãi để tiếp tục giáo dục truyền thống cho hôm nay và mai sau./.

(* *Thiệu Giang*: Là vùng đất phía

Đông Bắc huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa

(**) *Dịch*: Một nhà hiện rõ tinh thần

đến cả cỏ cây

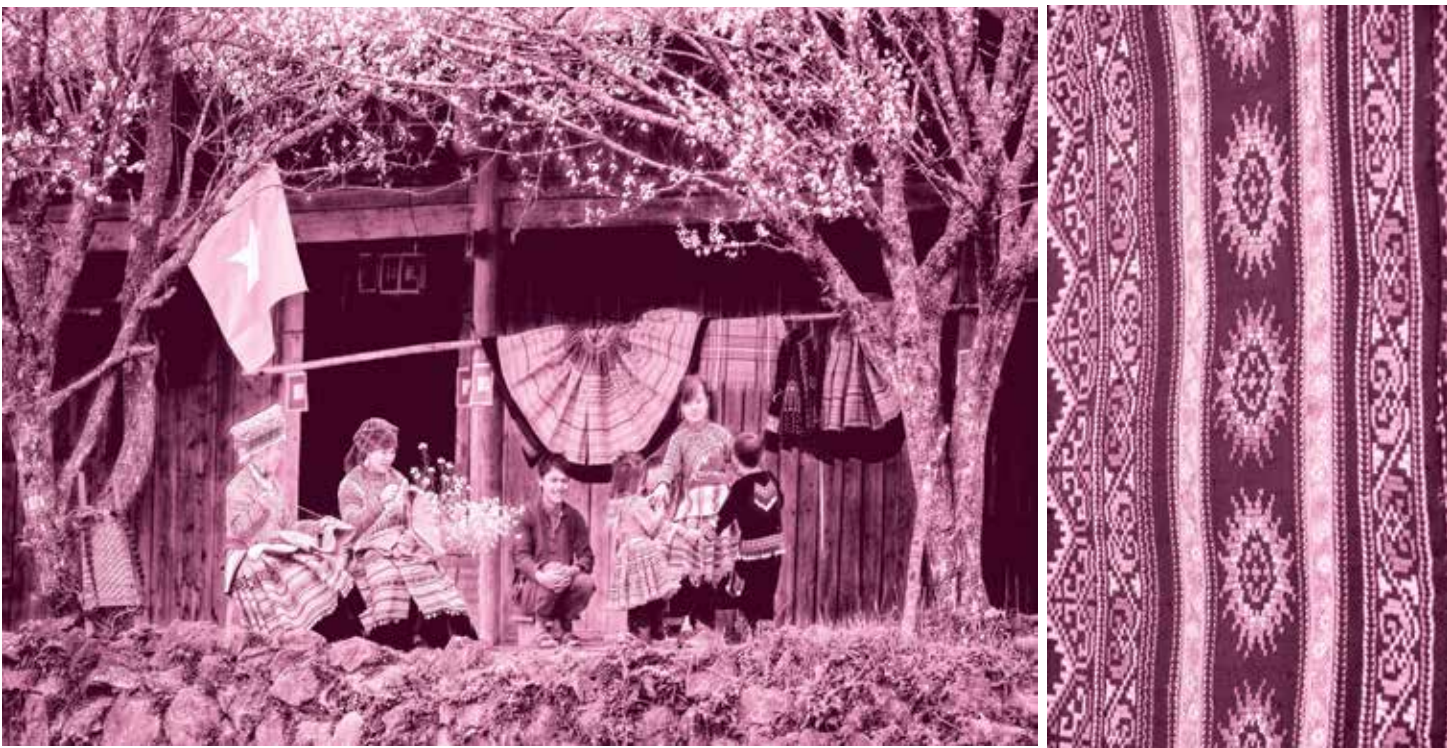
Mãi mãi hương khói ngày một mới

Chỉ còn vui say trong chén rượu

Tình cảm lưu lại đất Triền vạn nghìn xuân./.

NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ TRÊN TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI H'MÔNG HOA BẮC HÀ LÀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUỐC GIA

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG



Mỗi nhóm H'Mông có những hoa văn, họa tiết thổ cẩm riêng biệt, thể hiện bản sắc văn hóa độc đáo của họ. Hoa văn thổ cẩm H'Mông thường mang ý nghĩa tâm linh, tín ngưỡng, phản ánh quan niệm về vũ trụ, cuộc sống và con người. Màu sắc thổ cẩm H'Mông rực rỡ, tươi sáng, tạo nên vẻ đẹp ấn tượng và độc đáo.

Nghệ thuật trang trí trên trang phục của người H'Mông được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, qua đó lưu giữ và phát triển những kỹ thuật tinh xảo. Người phụ nữ H'Mông rất khéo léo trong việc sử dụng các nguyên liệu tự nhiên như bông, lanh, vỏ cây... để dệt thành vải. Họ cũng sáng tạo ra nhiều kỹ thuật thêu thùa khác nhau để tạo nên những hoa văn tinh tế và đẹp mắt.

Hiện nay, cũng như các dân tộc khác, dân tộc H'Mông Hoa hay còn gọi là Mông Lênh ở Bắc Hà còn giữ được nhiều phong tục, tập quán độc đáo. Một trong những nét đẹp đó là việc dệt vải, thêu, may các bộ trang phục, rực rỡ đậm bản sắc của những phụ nữ dân tộc H'Mông Hoa. Đồng bào H'Mông Hoa là cộng đồng dân tộc có truyền thống văn hoá đậm đà bản sắc, nổi bật là trang phục và nghệ thuật tạo hình trên các trang phục thổ cẩm của phụ nữ. Thường, bộ trang phục thổ cẩm của thiếu nữ Mông đẹp rực rỡ sắc màu, hoa văn tinh xảo, tạo ấn tượng sâu sắc cho khách du lịch đến khám phá nét đẹp văn hóa bản làng, thăm chợ phiên vùng cao...

Nghệ thuật trang trí thổ cẩm của

người H'Mông không chỉ là trang phục mà còn là vật dụng sinh hoạt, quà tặng và là biểu tượng của văn hóa H'Mông.

Năm 2021, nghệ thuật trang trí trên trang phục phụ nữ Mông Hoa, huyện Bắc Hà được công nhận là danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đây thực sự là niềm vui, tự hào của đồng bào Mông Hoa, huyện Bắc Hà nói riêng và đồng bào Mông cả nước nói chung.

Nghệ thuật trang trí trên trang phục của người H'Mông góp phần làm phong phú thêm kho tàng văn hóa phi vật thể của Việt Nam. Nét đẹp văn hoá này đang được bảo tồn và phát huy, góp phần thúc đẩy du lịch và phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương có người H'Mông sinh sống./.



Bước nhẹ tới Mùa thu

NGUYỄN HÀ HẢI



Mùa thu ơi! Tôi khẽ giật mình cất tiếng gọi nhẹ nhẹ từ bên khung cửa sổ, khi bất chợt thấy những nàng mây trắng như sứ giả mùa thu mang theo cái nắng trong xanh, ấm áp đến mê lòng thả xuống. Ngoài kia, qua con gió mát trong đang đưa thu về qua ngõ, tiếng trống khai trường bắt chợt vang lên như gọi cả tuổi thơ trong trẻo, hồn nhiên và đầy mơ mộng về trên trang mực tím, cùng với cánh hoa thu ướp vội trong trang vở học trò mở ra trong tôi cả một bầu trời kỉ niệm. Khi tiếng ve đã gói mùa hè cất vào thẳm sâu kí ức, thì những bông cúc vàng lại hé mở đón thu sang. Chẳng biết tự bao giờ, tôi yêu mùa thu, yêu tuổi thơ đến thế, cái tuổi thơ chẳng được tròn đầy, lạnh lặn nhưng đó là cả thế giới diệu kì mà tôi đã bước qua. Cho đến hôm nay, trên những chặng đường thu đầy hạnh phúc, tình yêu cuộc sống từ bao điều bình

dị lại nảy mầm và luôn ấp đầy trong trái tim tôi. Từ khi sinh ra, tôi đã bị khuyết tật đôi chân, chiếc xe lăn là người bạn đồng hành với tôi suốt thời thơ ấu. Nếu niềm vui của lũ bạn cùng trang lứa là những trò nghịch ngợm, là những trận bóng hăng say và mãi miết trên bãi cỏ phía sau làng, là chân trần chạy trên cánh đồng theo con diều vi vu gió lộng, thì tôi, niềm vui duy nhất là đọc sách. Những cuốn truyện mượn được từ bạn bè, từ hiệu sách cũ, có những cuốn đã rách hết bìa, trang giấy nhàu nát, chữ thì mờ nhạt vì thời gian, nhưng với tôi, trong đó luôn luôn có bao điều mới mẻ. Tôi yêu sách, tôi yêu bầu trời rộng lớn kia, tôi yêu những người bạn nhỏ như yêu chính bản thân mình.

Mười sáu năm đi học là cả một chặng đường gắn với những vòng xe lăn quay đều của mẹ. Mẹ là đôi chân của tôi, giọt mồ hôi của mẹ thấm vào từng trang sách, có vị mặn của cuộc sống, vị ngọt ngào của tình mẫu tử, tiếp bước và truyền cho tôi ngọn lửa đam mê học tập. Và rồi một ngày đầu thu, tôi được trở về với mái trường cấp 2 yêu quý ngày xưa và lại được gắn bó với các em, với sách, với những điều không thể thiếu trong cuộc sống của tôi.

Hằng ngày, vẫn trên con đường quen thuộc, tôi đi xe lăn từ nhà đến trường, các em học sinh đi bên cạnh kể tôi nghe biết bao chuyện ở lớp, ở trường, những câu chuyện không tên, dí dỏm, giúp tôi thêm yêu cuộc sống. Đó cũng là nguồn cảm hứng để tôi viết, viết cho bản thân mình, viết cho các em, viết cho cuộc sống, viết để tồn tại và viết để thêm yêu những gì mình đang có. Với tôi, hạnh phúc không có gì cao sang, xa vời cả, nó gần gũi, nhẹ nhàng như tuổi thần tiên. Tôi muốn ôm cả cái thế giới thần tiên ấy vào lòng, hôn chúng như ngày xưa mẹ vẫn thường hôn tôi vậy. Và tôi hi vọng, qua những sáng tác của mình, cánh cửa tâm hồn tôi sẽ mở rộng hơn để chào đón chút nắng vàng của tuổi thơ, đón những hạt mưa trong veo, tinh nghịch đầu mùa và cho tôi có thêm nghị lực bước tiếp trên con đường vạn dặm xa xôi phía trước.

Bạn và tôi, và tất cả chúng ta đang đứng giữa guồng quay của cuộc sống bộn bề, chúng ta như những chiếc kim đồng hồ ngày đêm mãi miết đuổi theo nhau để vươn tới và tìm kiếm bằng được cho mình một điều gì đó, có thể hữu hình và cũng có thể là vô hình, và rồi ánh sáng muôn màu của cuộc sống, những chuyển động của thế giới xung quanh, bạn sẽ không còn thấy nữa khi bạn vẫn đang cố kiếm tìm một đích đến xa vời nào đó....

Hôm nay bạn được nghỉ, thay vì ngồi lì trong phòng chơi điện tử, lướt facebook, zalo hay dán mắt vào màn hình ti vi với những bộ phim hoạt hình đã quá quen thuộc. Xin bạn hãy ra ngoài, mở rộng cánh cửa trái tim mình, thả tâm hồn mình vào khoảng không gian rộng lớn, bạn sẽ nghe thấy tiếng con đé đang kêu ri ri ở đâu đó, trong thảm cỏ xanh mướt kia, hãy bắt một con rồi thả vào chiếc bao diêm để cùng lũ bạn chơi trò chơi đé, hãy để mái tóc mình vàng hoe một chút

bởi nắng trời thay vì vào tiệm nhuộm, hãy lắng nghe tiếng phành phạch của những chú chuồn chuồn bấp ngô vàng óng như máy bay trực thăng đang hạ cánh mà sân bay chính là cánh đồng lúa mênh mang và trên bầu trời bao la, chỉ có nắng và gió, hãy để hồn mình bay theo cánh diều chơi vui giữa làn mây bạc, cánh diều ấy đang chở những ước mơ của bạn và biết bao nhiêu bạn nhỏ khác tới những chân trời rộng lớn, bao la. Hãy nằm duỗi chân lên cỏ để những bông lau rụng trắng bàn tay như trăm ngàn bông tuyết nhỏ xinh, cùng chợp mắt lại để đón giấc ngủ mùa thu nhẹ nhàng, thoải mái, trong giấc mơ ấy, bạn sẽ được những cánh cò trong lời ru của bà chờ mưa tháng bảy, nắng tháng ba, chờ cả mảnh trăng cong cong như trái chuối chín vàng đến bên cạnh, chờ cô Tấm dịu hiền bước ra từ quả thị góc vườn, chờ những nốt nhạc vui tươi theo bước ta đến trường. Bạn hãy khắc tên mình lên chiếc lá, rồi cuộn lại thành cái bô hèo, hay cái mũ nhỏ xinh tung lên và hứng lấy, hãy vẽ một đường chỉ dài để kéo những ngôi sao nhỏ đang nhòe miệng cười phía bầu trời cao kia xuống gần bên bạn để cùng chơi trò trốn tìm sau những đồng rơm còn thơm mùi của đất, của hương trời và cả mồ hôi của mẹ...

Mùa thu của tuổi thơ, mùa thu của ước vọng, cái tuổi thơ đầy trong sáng và hồn nhiên, tôi muốn níu giữ nó, muốn ôm nó vào lòng, muốn ép nó vào trong trang sách học trò, để mỗi lần mở ra là một lần được trở lại với kí ức của một thời chưa bao giờ là quá khứ. Mỗi buổi sớm mai thức dậy, hãy mở toang cánh cửa, hít một hơi thật sâu để hương thu căng tràn lồng ngực, hãy chia bàn tay để nâng vạt nắng thu khẽ buông rèm mắt lá, hãy để chú chuồn chuồn ớt đậu trên vai thì thầm trong tiếng thở thời gian. Và hơn thế nữa, hãy mở rộng tâm hồn mình để gieo mầm những hạt giống mùa thu./.

NHIẾP ẢNH LÀ LỬA

Còn ta là “chất cháy”

NGUYỄN CÔNG HẢO

“**N**hiếp ảnh là lửa, còn ta là chất cháy bất kể lúc nào” là lời tâm sự của Nghệ sĩ Nhiếp ảnh, cựu chiến binh Trần Thanh Phan với bạn bè và đồng nghiệp... câu nói này thể hiện lòng say mê, yêu nghề rất lớn và quả thật ông mê nghề nhiếp ảnh từ lúc còn là học sinh cấp 3 (năm 1970), rồi đến năm 1982 mới chính thức được “bấm máy” (còn gọi là chụp ảnh) ở một lớp bồi dưỡng cho cộng tác viên của Báo Phòng không - Không quân tổ chức, từ đó nghề Nhiếp ảnh luôn song hành cùng ông đến tận bây giờ.

Trần Thanh Phan (Trần Phan) sinh năm 1955 tại Cầu Đào, xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Tháng 12 năm 1972, ông nhập ngũ được biên chế về Tiểu đoàn 124 (Trung tâm đào tạo tân binh) thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân. Sau huấn luyện tân binh 3 tháng, ông được giữ lại làm cán bộ khung rồi được cử đi học lớp sơ cấp kỹ thuật sửa chữa ô tô, xe máy tại trường lái xe Quân chủng Phòng không - Không quân. Kết thúc khóa học được nhà trường giữ lại bồi dưỡng trở



NSNA TRẦN PHAN

thành giáo viên thực hành và được chọn đi học lớp giáo viên dạy nghề tại trường Trung cấp Quản lý ô tô - xe máy thuộc Tổng cục Kỹ thuật ở Sơn Tây (Hà Nội ngày nay). Sau 2 năm học tập từ 1975 đến 1977 lại trở về Quân chủng Phòng không - Không

quân làm giáo viên lý thuyết, dạy thợ sửa chữa ô tô và bổ túc cho sĩ quan chỉ huy kỹ thuật ô tô của quân chủng tại trường Hậu cần Quân chủng Phòng không - Không quân. Năm 1980 được nhà trường bổ nhiệm làm Đại đội phó, phụ trách công tác Đảng (Chính trị viên Đại đội). Năm 1982 đi học lớp cán bộ chính trị tại trường Sĩ quan chỉ huy kỹ thuật tên lửa và ra đa (nay là Học viện Phòng không - Không quân) kết thúc khóa học trở lại trường Hậu cần Quân chủng Phòng không - Không quân với cương vị Bí thư Đoàn trường và Thư ký Công đoàn rồi Trưởng Ban Tuyên huấn. Cũng năm ấy, được Báo Phòng không - Phòng không bồi dưỡng lớp cộng tác viên về nghiệp vụ làm báo và chụp ảnh. Sau lớp tập huấn này Trần Phan lại cháy lên niềm say mê về chụp ảnh, tác phẩm đầu tiên là “kiểu ảnh” chụp con gái đầu lòng mới 1 tuổi đang chập chững biết đi, chụp bằng phim đen trắng, tự tráng phim và làm ảnh, máy ảnh cũng là máy đi mượn của một anh bạn ở Quân đoàn 3.

Rời từ tiền tiết kiệm Trần Phan cũng mua được chiếc máy ảnh Zenit (Liên Xô cũ), thế là tha hồ tác nghiệp, tranh thủ ngày được nghỉ, đi chụp ảnh đám cưới, lễ hội, các sự kiện vừa để nâng cao nghiệp vụ kiếm thêm tiền để đầu tư mua thêm máy phóng ảnh và máy chụp ảnh tốt hơn (máy Paratica của Đức). Ảnh của ông chụp đẹp hơn, ngoài những tác phẩm ảnh gửi cho Báo Quân chủng, Báo Quân đội còn là làm ảnh lưu trữ cho phòng truyền thống của đơn vị. Tuy nói là vậy chứ nghề nào cũng có khó khăn riêng của nghề ấy, vất vả có

thể khắc phục được, còn hỏng phim mới tiếc. Ngày ấy chụp xong về tráng phim mới biết kết quả, không hiện đại như bây giờ, chụp xong, xem thấy hỏng, thấy kém chụp lại được ngay. Ngày ấy mà hỏng thì tiếc vì sự kiện không thể diễn lại để chụp lại, ngoài ra cháy một cuộn phim là mất tiền kiểu đó, vì thế phải rèn luyện kỹ năng và tay nghề giỏi. Trần Phan vào nghề như vậy và cũng “giỏi” luôn từ ngày ấy.

Năm 1991, do hoàn cảnh gia đình Trần Phan xin ra quân rồi theo học lớp đạo diễn, quay phim tại Trường Sân khấu điện ảnh với dự định xin chuyển về làm báo hoặc truyền hình ở tỉnh nhưng lúc đó các cơ quan của tỉnh đóng tại Bắc Giang (Trung tâm hành chính tỉnh Hà Bắc là tỉnh hợp nhất hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang từ năm 1963 đến 1997) từ nhà đến thị xã Bắc Giang (nay là thành phố Bắc Giang) lại khá xa, vì vậy ông quyết định ở nhà mở cửa hàng dịch vụ quay phim, chụp ảnh ở Phố Ngụ (Cầu Đào - Nhân Thắng). Thời điểm ấy vợ ông là giáo viên, lương thấp không đủ ăn, các con còn nhỏ, hoàn cảnh rất khó khăn, vì thế ngoài làm dịch vụ quay phim, chụp ảnh ông còn làm thêm cả về quảng cáo, đắp tượng và làm cộng tác viên cho một số tờ báo trong và ngoài Quân đội. Kinh tế gia đình được cải thiện, ông lại có điều kiện thực hiện đam mê làm ảnh nghệ thuật, việc này đã được ông chú tâm từ thời gian học ở trường Điện ảnh Việt Nam, lúc ấy ông được tiếp xúc với các nghệ sĩ, đạo diễn lão thành như: Trần Trung Nhân, Mai Nam, Hà Tường, Hồng Nho... các thầy đã truyền cảm hứng và kinh nghiệm cho ông rất nhiều.

Lần đầu tiên năm 1997, ông gửi 4 tác phẩm ảnh dự Liên hoan Ảnh nghệ thuật khu vực Đồng bằng sông Hồng tại Hải Phòng (Tỉnh Bắc Ninh mới tái lập tỉnh nên có 20 tác phẩm được chọn đi dự Liên hoan triển lãm), chủ yếu là ảnh của các tay máy gạo cội. Cũng năm ấy (năm 1997), ông được kết nạp vào Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh. Hai năm sau, năm 1999, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh đăng cai Triển lãm Ảnh nghệ thuật khu vực Đồng bằng sông Hồng, Trần Phan đoạt được một giải Huy chương Đồng, một Huy chương Bạc Triển lãm Ảnh nghệ thuật toàn quốc và một giải Nhì tác phẩm Ảnh Báo chí Ngô Gia Tự (Giải Báo chí của tỉnh Bắc Ninh). Một năm gặt hái về giải thưởng chính là động lực để Trần Phan có niềm tin vào tay máy của mình để phấn đấu, ông tham gia sinh hoạt với Câu lạc bộ Ảnh Báo chí Báo Bắc Ninh và Hội Nhà Báo Việt Nam. Năm 2000, Trần Phan vinh dự được kết nạp là hội viên Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam. Thời gian mới tái lập tỉnh Bắc Ninh (tháng 01 năm 1997), Báo Bắc Ninh còn khó khăn cả về nhân lực, vật lực, với kinh nghiệm đã làm báo trong Quân đội Trần Phan đã tích cực đi sáng tác, đóng góp nhiều tin bài về ảnh thời sự, nghệ thuật cho Báo Bắc Ninh, cùng với 7 năm liền (1999-2006) có giải Báo chí Ngô Gia Tự, năm 2006 Trần Phan vinh dự được kết nạp vào Hội Nhà Báo Việt Nam tỉnh Bắc Ninh.

Với vai trò là hội viên Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nhà Báo Việt Nam, nghệ sĩ Trần Phan đã kết bạn với nhiều nghệ sĩ Nhiếp ảnh có tiếng tăm ở các tỉnh vì thế ông có điều kiện đi giao lưu

sáng tác ảnh nghệ thuật với các tỉnh bạn, ngoài khu vực đồng bằng sông Hồng, Trần Phan còn vác máy đến các tỉnh Tây Bắc - Việt Bắc để săn tìm cảnh đẹp thiên nhiên và những điểm văn hóa đặc sắc của vùng cao. Kể về những chuyến đi này nghệ sĩ Trần Phan tâm sự: “Cách đây hơn chục năm đi lại rất vất vả, từ Bắc Ninh lên Mù Cang Chải (Yên Bái) phải mất 2 ngày nên mỗi năm cố gắng đi được một lần, năm nhiều thì đi được 2 đến 3 lần. Mỗi chuyến đi chuẩn bị đồ ăn, đồ uống dự phòng khi vào sâu trong bản trưa không ra kịp còn có đồ mà ăn. Mỗi chuyến đi phải mang theo khoảng 20 đến 30 cuộn phim. Vất vả nhưng vui vì có đi như vậy mới có những tác phẩm ảnh “độc đáo” để hàng năm tham dự Liên hoan ảnh nghệ thuật khu vực, toàn quốc và quốc tế. Tất nhiên gần như năm nào dự Liên hoan tôi cũng có giải thưởng”. Mỗi năm nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Phan nói là đi sáng tác ở ngoài tỉnh từ 2 đến 3 lần, có năm ông còn vào tận Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Cà Mau, Phú Quốc.. để sáng tác, ngoài việc bạn bè ở các tỉnh hỗ trợ, còn kinh phí đi lại và ăn nghỉ đều phải lấy từ “nồi cơm” nhà mình chứ ai cho? Thôi thì bớt tiền kinh doanh được để có tiền nuôi chụp ảnh nghệ thuật.

Năm 2008 là một năm đặc biệt đáng ghi nhớ đối với nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Phan. Năm ấy, vợ ông bị tai biến nằm liệt giường làm cho đôi chân của ông bị chặn lại vì phải chăm sóc vợ nhưng niềm đam mê không cho đôi chân ngừng nghỉ, tranh thủ thứ 7, chủ nhật có người chăm vợ ông lại khoác máy đi lấy tin và có cả chụp ảnh nghệ thuật, thật là “cái khó ló cái khôn” và

“gái có công, chồng không phụ” năm ấy nghệ sĩ Trần Phan gặt hái khá nhiều giải thưởng: 1 Huy chương Bạc Triển lãm ảnh nghệ thuật quốc gia; 1 cúp Đồng Vapa, 1 huy chương Đồng Liên hoan ảnh khu vực, 2 giải Ba Triển lãm Ảnh tỉnh Bắc Ninh - Lạng Sơn, 1 giải Báo chí Ngô Gia Tự,... Giải thưởng đã “tiếp sức” cho nghệ sĩ Trần Phan vượt qua khó khăn trong hoàn cảnh gia đình: vợ nằm viện và nuôi hai con học Đại học để đến năm 2011, nghệ sĩ Trần Phan đã tổ chức một “Triển lãm nghệ thuật” cá nhân tại Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh (Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam bảo trợ). Với chủ đề “Đất nước - con người” 60 tác phẩm ảnh được Trần Phan chọn trưng bày tại Triển lãm, được công chúng trong và ngoài tỉnh, bạn bè đồng nghiệp khắp mọi miền đất nước về chúc mừng và thưởng thức. Một Triển lãm đặc sắc mà không phải cá nhân hội viên nào cũng thực hiện được. Kết thúc Triển lãm Trần Phan đã tặng cho Bảo tàng tỉnh 24 tác phẩm để làm tư liệu trưng bày tại Bảo Tàng.

Sau Triển lãm cá nhân của nghệ sĩ Trần Phan đã tác động tích cực đến lực lượng Nhiếp ảnh trẻ Bắc Ninh, nhiều nhiếp ảnh gia trẻ đến với Trần Phan để được học tập và ông đã quyết định thành lập một câu lạc bộ Nhiếp ảnh (CLB Nhiếp ảnh Nam Sông Đuống) có 10 thành viên tham gia. Các buổi tập huấn nâng cao chất lượng nghiệp vụ được tổ chức cùng với các buổi đi thực tế đã thu hút các tay máy ở các huyện, tỉnh bạn như Tiên Du, Từ Sơn (Bắc Ninh), Quảng Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên... về tham dự. Câu lạc bộ Nhiếp ảnh Nam Sông Đuống đã

bổ sung cho Chi hội Nhiếp ảnh tỉnh Bắc Ninh (thuộc Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh) 5 hội viên nhiếp ảnh trẻ, đến nay đều phát huy tốt trong việc sáng tác ảnh nghệ thuật.

Say mê với sự nghiệp là những liều thuốc quý để có những thành công, nghệ sĩ Trần Phan từng tâm sự với bạn bè: “Những hôm thời tiết đẹp phải nuôi vợ ở bệnh viện hoặc bận công việc đột xuất, không khoác máy đi chụp được cứ như người mất một “món tiền to” nhất là đồng vụ chí kỳ của mùa hoa, mùa đổ nước, mùa lúa chín... của vùng Tây Bắc hay mùa sen của vùng quê Gia Bình”. Trần Phan là một tay máy đam mê chụp sen của quê hương, là một trong những người phát hiện ra giống sen nhị sắc (hai màu) của huyện Gia Bình quê ông. Giới Nhiếp ảnh gọi: “Phan Sen” là nói đến niềm đam mê săn tìm “cái đẹp” của Trần Phan với những tác phẩm hoa sen nổi tiếng của ông.

Ngoài việc tích cực cho sáng tác của cá nhân, nghệ sĩ Trần Phan còn tích cực tham gia công tác của Hội như UVBCH Hội Văn học nghệ thuật tỉnh 2 khóa I, II, Phân Hội Trưởng Phân hội Văn học nghệ thuật huyện Gia Bình từ năm 2007 đến nay; Chi hội Phó Chi hội Nhiếp ảnh thuộc Hội Văn học nghệ thuật tỉnh. Các công việc ông đảm nhận đều hoàn thành tốt và được anh em bạn bè đồng nghiệp mến mộ. Cựu chiến binh, nghệ sĩ Nhiếp ảnh Trần Phan thực sự là tấm gương lao động cống hiến hết mình cho sự nghiệp Nhiếp ảnh Việt Nam, một tấm gương đáng được để giới nhiếp ảnh tỉnh Bắc Ninh học tập và noi theo./.

HOA GẠO TRỞ VỀ

BÙI VIỆT PHƯƠNG

Ly gặp Đạt trong Lễ kí kết giao ước thi đua trong khối. Chẳng rõ anh ta ở đơn vị nào nhưng mới được hai ly mặt đã đổ gay. Thế rồi mọi người lại đá sang chuyện bờ bên kia. Có vẻ như Đạt muốn làm đánh lạc hướng mọi người để hãm chậm cái tốc độ cụng ly. Hiền “béo” có khoe bộ ảnh cưới chụp với hoa ban. Liên kể anh chồng có lần câu được con trắm sông nặng gần chục cân. Bà Phúc nhếch mép cười nhạt. Ở cái tuổi bốc hỏa bà chợt dạ nghĩ đến gã nhân tình có cái quán nhậu Padorama...

Ly đang nghĩ vẩn vơ bỗng giật mình bởi tiếng “cạch” của hai chiếc ly thủy tinh. Đạt đang vươn tay nhìn thẳng vào mắt cô bằng cặp mắt đầy khó hiểu sau cặp kính cận. Cả mâm rộ lên, mọi người ra một điều kiện: “Nếu anh mời được người đẹp cùng tên với dụng cụ đựng rượu thì chúng em tha cho anh bữa này!”. Đương nhiên, cô không

uống với một người xa lạ nhưng ít ra cũng phải cho hắn ta một lí do để hựt hăng.

- Anh Đạt sang bên đây đã tìm thấy... con trướng bỏ chưa?

Sau câu nói của Ly cả mâm im bật. Có lẽ sự mỉa mai không có trong “thực đơn” chém gió của cả mâm. Lại. Đạt không hề biến sắc mà còn hào hứng:

- Anh chính là con trướng bỏ và bỏ thật. Anh tìm thấy gốc gạo già bị bỏ quên ở con dốc đi lên một cái gò. Nếu Ly uống ly rượu này, anh sẽ đưa em sang đó để chụp một pic ảnh đẹp...

Trời. Đúng là gốc gạo già ấy thì không thể nào khước từ được. Nhưng nếu uống sẽ tự loại mình ra khỏi dự định lái xe dong duỗi như mọi chiều... Đạt lại như nhìn thấu tâm can của cô:

- Nếu em biết ai đã dựng tấm biển bằng đá khắc ngay dưới gốc cây gạo thì anh sẽ uống thay em ly rượu này...

Cả mâm “ò” lên cổ vũ cho sự ga lăng của Đạt. Hoặc anh ta đã say, hoặc tỉnh trong sự đại gái. Chỉ Ly hiểu Đạt thực sự là người say mê nghệ thuật mới dành cho cô câu hỏi ấy. Không còn sự lựa chọn nào khác, cô chấp nhận uống chén rượu đó nhưng chỉ thấy vị đắng đầu lưỡi bởi trong lòng đang dâng lên một cảm giác ngọt ngào bởi sự đồng cảm...

Đêm ấy, Ly mất ngủ, cô lục tung facebook để tìm nick của Đạt nhưng vô vọng. “Người lạ ơi”, chẳng lẽ trên đời lại có người cũng si mê nghệ thuật đến mức chẳng dùng mạng xã hội. Cô ân hận khi lúc ấy mình không nói với anh ra rằng tấm biển là minh chứng cho việc từ hai mươi năm trước cha con một người họa sĩ nghèo đã tạo tác không gian nghệ thuật để mai sau có cái gọi là check in.

* *

*

Ly còn nhớ mình từng có một căn nhà mái bằng cao ráo, nền lát gạch bông Bách Khoa giữa con phố trung tâm của thị xã nhỏ. Một ngày, cha cô đi làm về đứng giữa cửa, khuôn mặt ông chưa bao giờ rạng ngời như thế. Ông nói oang oang về cái dự định biến gò đất hoang bên kia sông thành không gian kí ức.

Mẹ lặng im, nụ cười tắt trên môi bà từ hôm đó. Người nào cũng linh cảm được sóng dữ đang rình rập con thuyền hạnh phúc nhỏ bé của mình. Không một khách ghé qua, nợ đến hạn phải trả. Gia đình cô phải chui rúc vào tận hẻm núi. Ly không bao giờ quên tiếng mẹ cô van nài những

người đến đòi nợ. Âm thanh ấy cứ lằm rằm như tiếng mọt gặm cột nhà tre tươi dựng tạm bợ đêm đêm.

Thế rồi, trời cũng không triệt đường con người. Con đường lại xẻ vát một góc quả đồi, mảnh vườn cần cỗi mọc đầy hoa xuyên chi của nhà Ly lại nằm trên con đường dẫn vào khu tái định cư. Nhưng từ lúc nhà được xây cất khang trang, bạn bè, họ hàng mừng cho cái sự khôi phục cơ nghiệp gia đình thì cha cô lại lui thủi một mình. Ông gần như đóng cửa, né tránh mọi mối quan hệ. Người duy nhất ông nói chuyện là một người thương binh nặng, lúc nhớ lúc quên.

- Tại sao cả ngày bố chỉ nói chuyện với bác Hưng?

- Bác ấy giờ như một đứa trẻ. Chẳng gì hơn là chơi với một người chẳng còn nhớ gì. Bác ấy luôn giống trang giấy trắng...

* *

*

Thi thoảng, Ly lại giật mình bắt gặp nét nào đó của Đạt ở những người trên phố. Khi thì chiếc áo sơ mi Owen màu xám, lúc là cặp kính Gucci và cả chiếc máy ảnh lằng tữ đeo trước ngực. Ly nhớ ai đó từng nói: *“Với thế giới, bạn có thể chỉ là một người, nhưng với một người, bạn có thể là cả thế giới”*. Thì cứ coi như mình si mê một nhân vật trong phim.

Sáng nay, không khí điều hui của một ngày nồm.

- Này Ly, em xem sang phòng gặp chị Phúc đi, đúng lĩnh vực của em đấy!

Ly miễn cưỡng kéo ghế đứng dậy,

Hiền “béo” cầm bút đánh dấu mấy chỗ quan trọng trong văn bản rồi lấy điện thoại ra hí hoáy nhắn tin cho chồng chưa cưới. Cái bụng nó đã lùm lùm trong chiếc váy size đại nhưng nhà chồng vẫn chưa chọn được ngày cưới. Liên hình như vừa chạy từ viện về. Anh chồng đi câu sảy chân ngã xuống bờ đá gãy chân đang phải bó bột. Họ đều không tự quyết định được cuộc sống của mình. Ba đứa chả ưa nhau nhưng cùng chồng chành trên một con thuyền đành sống bằng sự thương lượng, mặc cả.

- Sếp Vinh chẳng biết ăn phải bùa mê thuốc lú gì mà lại rước cái bọn làm dự án văn hóa về. Cháu phụ trách thiết kế ý tưởng sự kiện. Đúng người nhé.

- Thế cháu phải làm những gì ạ?

- Thì mình là phòng chuyên môn nên cứ làm cho có, đi gặp giám sát xem đối tác họ làm gì về viết báo cáo. Hết.

Ly cúi nhìn hồ sơ. Điều mà bà Phúc lo sợ nhất đã đến, rồi sẽ không ai để yên cho cái quán nhậu Padorama không phép. Nhưng ở đó còn có cây gạo già và cái gò hoang. Mùa xuân đến, nó trở hoa đỏ như muôn vàn tàn lửa trong cái đêm cuối ở đây khi mà cô lén theo cha đi tìm lời giải cho những lời đồn. Đêm ấy trời u ám và đen đặc. Cha cô đột được đi lẫn thẩn trên gò như một người bị ma bắt mất hồn. Ông không tin vào đất dữ nhưng tại sao cái quán gió xây bằng gạch bản đầy thi vị mà ông đã dành dụm tiền bạc và công sức lại sứt, nứt vỡ như một sự trừng phạt...

Cuối cùng thì mình cũng có cơ để hẹn anh ta. Như một người đại dột leo lên

cành cây cao đợi mãi rồi cũng được chạm vào mặt đất. Cảnh xưa vẫn vậy, cỏ xuân lên xanh rì nhưng lúc này không thể hoài niệm một cách yếu đuối. Ly liếc đồng hồ, “đã quá đến ba mươi mấy phút rồi đấy anh bạn trẻ. Ngần ấy thời gian đủ để nói một lời chia tay rồi đó...”.

Nhưng Đạt đã xuất hiện theo cách của một người đàn ông chân thật. Thay cho lời xin lỗi anh bước đến với tấm hình đẹp đến bất ngờ của Ly hiện ra trên màn hình máy ảnh.

- Sao anh chụp đẹp thế?

- Là nhờ người nào đó và thời gian đã để lại những bậc thang gạch mộc rêu phong, gốc cây gạo với tỉ lệ khuôn hình và sự biểu cảm của Ly nữa...

Ly cảm thấy sống mũi cay cay, ánh mắt cô nhìn Đạt như muốn nói: "Anh có biết không? Nơi anh đang đứng từng là nền nhà của gia đình tôi đấy. Cái bậc xây bằng gạch mộc kia chính là lối lên căn phòng mà tôi đã cất tiếng khóc chào đời. Ở cái chỗ bậc có hòn gạch cong vênh kia, tôi đã trượt ngã may nhờ có bác Hưng đỡ tôi dậy.

- Anh chụp giúp em thật nhiều nhé, em muốn có một bộ ảnh ghi lại tất cả các góc độ trước khi họ kéo máy ủi đến san phẳng tất cả.

Đạt không trả lời mà buông một câu xa xôi:

- Anh sinh ra ở một mom đất nhô ra sông, cũng có cái gò cao như thế này...

Nghe anh kể mà như tất cả đang hiện ra trước mắt. Con thuyền chở những người trai ngược dòng lên huyện đội khi anh còn

ấm ngứa. Mẹ dắt anh lên cái gò cao ấy để ngắm cha về từ chiến trường miền biên viễn xa xôi, Đạt bảo: “Dòng sông bao giờ cũng nghiệt ngã vì nó chỉ chảy xuôi, đâu cho chúng ta được tiếc nuối. Cha anh đã ra đi như thế, ông và những người bạn đã ngược dòng và phạm vào điều cấm kị của cả làng”.

- Thế rồi mẹ anh vẫn đợi sao?

- Đúng thế, cũng tầm tuổi em bây giờ. Bà đã đợi như thế từ lúc xuân xanh cho đến khi tóc bạc. Bà đã khóc hết nước mắt cho đến khi anh đủ lớn đến lo sợ rằng thay vì nước mắt là những giọt máu đã rớt xuống gốc gạo để có thứ hoa đỏ như thế.

Ly liếc nhìn đồng hồ. Cũng chẳng thấy đôi tác nào đến động thổ hay ngó nghiêng. Cô đứng lên, định chào tạm biệt:

- Thật ra, em cũng không muốn đến đây nhưng không thể kháng lệnh của sếp.

- Thế ngày mai?

- Họ không hẹn làm việc với em, nhưng em vẫn muốn đến đây để xem anh chụp.

Hôm sau, Ly đã thấy Đạt mua cà phê muối rồi bắt cô ngồi dưới một chiếc ô của người câu cá để lại cho khỏi nắng. Chiếc ô nhỏ, đã sờn và rách để một tia nắng xuân rọi vào má Ly. Cứ thế, thứ ba rồi thứ tư... sếp không giục, đôi tác không xuất hiện. Ly đứng dạy, phải những bông cỏ bám trên gấu quần:

- Tạm biệt nhé, từ mai em sẽ không ra đây nữa. Báo cáo đã đầy đủ chi tiết trong máy.

- Ồ, nhưng đừng viết là gặp anh đấy nhé.

Ly lườm Đạt. Anh chàng ngốc này hóa ra cũng biết “tán gái” cơ đấy. “Anh không biết anh là đối tác của em sao?” - cô thầm nghĩ.

Ly gắng sức đẩy chiếc xe lăn đến gần cái gò để bố có thể nhìn rõ hơn. Con tai biến khiến ông không thể tự mình leo lên đó được nữa. Có lẽ khoản tiền đền bù giải phóng mặt bằng khá lớn vẫn không đủ khiến ông thôi day dứt. Đúng lúc đó, một chiếc xe xuất hiện, mấy người lạ bước xuống. Đạt như từ dưới chân chui lên chạy đến trước mặt Ly:

- Em yên tâm rồi chứ. Cháu chào bác. Dự án bên anh đã bảo tồn nguyên trạng không gian này để làm phim trường. Lúc ấy anh không tiện nói với em.

Ly lườm Đạt, cô vẫn chưa thèm nói chuyện với anh dù trong lòng rất vui. Đúng lúc ấy, từ phía sau, bác Hưng bước đến túm lấy sợi dây chuyền trên cổ Đạt khiến anh lúng túng. Nhưng rồi chính Ly cũng ngỡ ngàng:

Sao anh lại có mặt dây chuyền giống của bác Hưng, cha nuôi em...

Hai người đàn ông ôm lấy nhau, gắn chặt vào nhau bằng những giọt nước mắt sánh như keo. Đạt không thể tin nổi anh và cha mình đã tìm thấy nhau ở một nơi như thế này. Một bông hoa gạo đỏ bỗng rớt xuống. Phía xa, đoàn làm phim đang khởi quay bộ phim có tên: **“Mùa hoa gạo trở về”**./.

HAI CÁCH HIỂU VỀ

Một bài thơ ngắn

NGUYỄN ANH THUẤN

Thơ đương đại Việt Nam đang cố gắng đổi mới cả về nội dung và hình thức để có thể tiếp cận được với thơ khu vực và thế giới. Thơ ngày càng ngắn hơn, kiệm chữ, kiệm lời. Nhưng nội hàm trong thơ lại được dồn nén một cách tối đa. Sức khái quát cao hơn. Đặc biệt thơ hiện đại cần sự đa dạng về hình thức và đa nghĩa về nội dung. Nhà thơ chỉ nêu vấn đề, gợi mở những thông điệp, giúp bạn đọc tự tìm ra những ẩn số. Một bài thơ hiện đại có thể được giải mã theo nhiều cách khác nhau. Tùy theo khả năng và sự cảm nhận của bạn đọc. Tôi xin nêu một ví dụ để bạn đọc tham khảo, từ một bài thơ nổi tiếng của nhà cách tân thơ, nhà nghiên cứu mỹ thuật Nguyễn Lương Ngọc (1958 - 2001):

Gọi Hạc

*Con cắt trắng
Xếp cánh
Khi gặp con khướu vàng.
Con khướu vàng
Khép mỏ khi gặp con hạc đỏ.
Con hạc đỏ*

*Nức nở...**Nhìn**Con hạc trắng.**Hạc trắng!**Hạc trắng!**Những con đã sinh ra thì đã chết**Những con chưa chết thì chưa sinh ra.***Nguyễn Lương Ngọc****Cách hiểu thứ nhất:** Tạm gọi là phân

tích bài thơ này theo hình chiếu phẳng, theo bề nổi hình tượng và ngôn ngữ thơ. Hình như tác giả muốn dẫn bạn đọc vào một cuộc so tài của các loài chim: Chim cắt, chim khướu, chim hạc. Một cuộc so tài rất khập khiễng, rất khó hiểu, có vẻ như tình nguyện nhưng lại có kết quả rất rõ ràng:

- Chim cắt trắng, với sở trường là bay nhanh đúng như người đời thường ca ngợi: “Nhanh như cắt” đã vội vàng “xếp cánh” xin thua con khướu vàng với sở trường là giọng hót, đúng như câu “Hót hay như khướu”.

- Đến lượt con khướu vàng với giọng hót tuyệt vời của mình đã phải “khép mỏ”, xin chịu thua con hạc đỏ - một loài chim

thanh cao nhờ kiêu dáng và bộ lông màu đỏ rực rỡ.

- Nhưng hạc đỏ cũng chưa phải là “hoa hậu” của cuộc thi này vì còn có loài hạc trắng xinh đẹp hơn: *“Con hạc đỏ/ Nức nở/ Nhìn con hạc trắng”*. Và bài thơ kết thúc thật bất ngờ: những con hạc trắng không còn trên cõi đời này nữa. Thông điệp của bài thơ được giải mã từ nhiều phía, tùy theo nhận thức và sự đồng cảm của bạn đọc. Nó nhắc ta nhớ tới bài đồng dao: *“Sáo sậu là cậu sáo đen/ Sáo đen là em tu hú/ Tu hú là chú bồ câu/ Bồ câu là bác chim di/ Chim di là di sáo sậu...”*.

Từ cách hiểu thứ nhất này, phải chăng nhà thơ muốn gửi một thông điệp: “Trong tự nhiên, cũng như trong cuộc đời này không có điều gì là toàn năng. Vạn vật sinh khắc lẫn nhau. Người giỏi ở lĩnh vực này vẫn có thể chào thua ở lĩnh vực khác”. Và các tài năng, các đỉnh cao tôn trọng lẫn nhau, góp phần tạo nên sự đa sắc đa thanh của cuộc sống.

Cách hiểu thứ hai: Bây giờ chúng ta thử phân biện lại những điều mà tác giả đã trình bày trong bài thơ này để tìm ra sự khập khiễng, vô lý trong cuộc đua tài giữa các loài chim:

- Con chim cất trắng bay nhanh tại sao lại phải chịu thua “Xếp cánh” không bay nữa trước con chim khướu vàng, với sở trường là giọng hót hay như khướu?

- Con khướu vàng hót hay, nói giỏi tại sao lại phải im tiếng “khép mỏ” trước con hạc đỏ? Chim hạc được đánh giá cao ở dáng hình, tư cách, ở bộ lông chứ đâu phải giọng hót?

- Đến lượt con hạc đỏ khi nhìn thấy

con hạc trắng thì lại phải khóc “nức nở”, vì sao vậy? Cùng là chim hạc với nhau, có chăng chỉ khác màu sắc của bộ lông, con có chi mà phải đau lòng đến thế?

Chìa khóa tư tưởng của bài thơ nằm ở hai câu kết, hóa ra hạc trắng *“Những con đã sinh ra thì đã chết/ Những con chưa chết thì chưa sinh ra”*. Tôi đề rằng, tác giả mượn chuyện thi chim để cảnh báo về sự lộn xộn, rối loạn tiêu chí trong việc đánh giá, so sánh những cá thể sống trên hành tinh này. Thêm nữa, tác giả cũng cho rằng: sự tuyệt hảo trong tự nhiên bây giờ không còn nữa, hoặc là chưa xuất hiện. Từ đó gửi đi một thông điệp: bao giờ thì những con Hạc trắng, nữ hoàng của các loài chim sẽ trở lại trên hành tinh của chúng ta?... Trong khi trái đất đang tiếp tục bị tàn phá dữ dội!

*Hạc trắng Hạc trắng Hạc trắng
Những con đã sinh ra thì đã chết
Những con chưa chết thì chưa sinh ra...*

Từ chuyện thi tài của các loài chim, dẫn dụ bạn đọc đến vẻ đẹp muôn màu của đời sống, đến sự khiêm nhường tôn trọng tài năng của nhau. Sau đó thì xa xăm nhắc nhở về sự biến mất của các giá trị tuyệt vời khác trong tự nhiên, trong đời sống. Không chỉ là nhắc nhau bảo vệ môi trường trái đất mà còn là biết bảo vệ những con “Hạc trắng” trong tâm hồn, trong thơ ca, trong đời sống riêng biệt của mỗi người. Hiếm có được những thi phẩm thâm trầm và sâu sắc như thế. Tiếc rằng nhà cách tân thơ Nguyễn Lương Ngọc ra đi quá sớm! Nhưng ông vẫn kịp dâng tặng cho cuộc đời những thi phẩm đặc sắc, dị biệt. Một chân dung thơ không thể nhòa lẫn trong nền thơ ca Việt Nam đương đại./.




MIỀN ĐẤT HÚT HỒN



LÊ XUÂN SƠN

Tôi có một cái duyên gì đó với đất Bắc Ninh, có lẽ là do thuộc kiểu người mê văn hoá dân gian, ở đây là mê Quan họ và các lễ tục.

Ấy nhưng lần đầu đến Bắc Ninh lại là một chuyến chẳng liên quan gì đến văn hoá cả. Năm 1981, trước khi đi Liên Xô học, tôi đã đi lên chơi nhà Nguyễn Bá Quân - người sau này trở thành Giám đốc các cảng hàng không quốc tế lần lượt là Đà Nẵng rồi Cam Ranh. Chúng tôi kết bạn khi cả hai cùng tiểu đội trong Đại đội 156 - đơn vị chuẩn bị cho những người được đi du học Liên Xô theo tuyến Quân đội. Hình ảnh đọng trong ký ức là bố mẹ bạn cặm cụi ngồi lặn, cắt những điều thuốc cuộn thủ công.

Mãi đến hơn 10 năm sau, đầu những năm 90, tôi mới trở lại Bắc Ninh, mà kể từ đó thì đi nhiều ở vùng Kinh Bắc và những chuyến đi đậm hương văn hoá. Làm ở tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, tôi đã

có nhiều chuyến đi lên vùng văn hoá Kinh Bắc, đặc biệt là khi chủ trì làm hẳn một chuyên đề về văn hoá Kinh Bắc trên tạp chí Diễn đàn.

Nhờ vậy, tôi tiếp xúc với các văn nghệ sĩ chủ chốt của Kinh Bắc ở Hội Văn nghệ tỉnh khi đó như nhà văn Phan Thu (Chủ tịch Hội), nhà thơ Trần Anh Trang (Phó Chủ tịch), Hồng Thao, Nguyễn Thanh Kim, Trần Quốc Thịnh, Hoàng Kỳ... Cũng nhờ đó, tôi đến được các làng Quan họ, làng cưỡi, các di tích lịch sử - văn hoá, đền chùa Hà Bắc (khi đó còn chưa tách thành Bắc Ninh và Bắc Giang).

Phó Chủ tịch Hội Trần Anh Trang là người trực tiếp dẫn tôi đi thực tế để tôi có chất liệu làm chuyên đề. Anh Trang là nhà thơ nhưng người chân chất, hiền lành, dáng hơi mập, đeo kính cận khùng. Hai anh em hai xe đạp đều cóc ghè như nhau đi làng Lim đang vào mùa lễ hội, qua Đền Bà Chúa Kho, rồi đến làng cưỡi Dương Sơn,

lại qua cả chùa Dâu. Nhớ nhất là hôm đến làng Lim đang ngậy ngát không khí chuẩn bị lễ hội chính, nghe canh Quan họ rồi ngủ lại nhà ai, sáng ra được chủ nhà đãi mâm cỗ hậu, ấn tượng nhất có bát thịt chó nấu nhựa mận (theo phong tục của vùng). Cũng chính hôm đó, tôi lần đầu được nhận khẩu trầu cánh phượng, rồi ngồi nghe một phụ nữ trẻ, nhìn đen đúa, lam lũ, nhưng giọng hát thậm hay, nghe nói lấy chồng ở nơi xa, nhớ hội làng đem con gái về chơi. Đứa con gái của chị khoảng 12 - 13 tuổi, cũng đen gầy như mẹ nhưng hát rất hay. Khi đó, tôi cảm thấy chắc chắn cái mầm Quan họ đã tình lại đã được gieo ở một mảnh đất mới.

Quan họ là thứ tôi đắm đuối nhiều nhất trong các loại văn nghệ truyền thống của dân tộc. Thế mới có những đêm chạy xe rong hết làng Lim, làng Diềm, làng Bịu... rồi lại đi đò vượt sông sang làng Thổ Hà để nghe Quan họ hát canh. Lại nhớ những lần lên Trung tâm văn hóa Quan họ vào cỡ ngày 10 tháng Giêng theo lời mời của nhạc sĩ Đức Miêng để nghe các liền anh, liền chị đất Quan họ gốc đưa tài trong những màn hát đối.

Tôi thích Quan họ có lẽ do cảm cái da diết, cái tình lớn trong đó. Tôi nhớ một năm đã xa theo đoàn của Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, lần đầu lên Bắc Ninh nghe Quan họ gốc. Đã kinh ngạc trước cái tình của người con gái con trai trong Quan họ khi nghe trong lời dẫn chương trình câu: “*Đi tu cùng ở một chùa/*

Chàng thời kinh sử, em thời đèn nhang”.

Kinh ngạc rồi để tâm, rồi đến tìm hiểu, kết quen với vài người Quan họ. Tôi đã đến Yên Phong thăm nhà ông Cách - một người sưu tập được đến mấy trăm câu (bài) Quan họ ở Yên Phong, nghe ông giảng thế nào là câu Quan họ và thế nào là Quan họ gốc để phân biệt với lối hát mà ông bảo người Quan họ gọi là “Quốc doanh”. Tôi cũng dự đám cưới con trai ông, lấy một liền chị Quan họ tên là Mến, một đám cưới theo lẽ lối xưa, mà cô dâu và chúng bạn mặc áo mớ ba, mớ bảy, cặp nón quai thao, đứng e ấp ở mé bờ ao.

Thậm vô lý nhưng có lẽ đến hơn chục năm rồi không về Kinh Bắc vào mùa Quan họ theo lối lang thang, thường ngoạn được, ngoài một đôi lần dự chương trình nghệ thuật “Qua miền Quan họ” theo lời mời của tỉnh. Cuộc sống bận rộn và lệ thuộc của con người bây giờ tước đi của ta quá nhiều thứ. Ông Cách nghe đâu đã trở thành người thiên cổ. Cô Mến xinh tươi ngày nào chắc đã trở thành mệnh phụ và không hiểu có còn đi hát? Và cháu gái ngày xưa theo mẹ về làng, có trở thành một liền chị tài danh? Nhớ Quan họ một hôm đã bật ra trong tôi thành bài thơ “Quan họ”:

*Đi tu cùng ở một chùa
Niềm khao khát ấy người xưa cháy lòng
Giã từ, tương ngộ còn không
Hay như chiếc áo qua sông bay rồi
Thiết tha níu dấn người ơi
Sông sâu chớ lội, đò voi hẵng về*

Lòng còn nặng giữ câu thơ
 Dầu sang kiếp khác hẹn về, lại lên
 Để nghe ba sáu tiếng chim
 Đâu đình để lại có em hát cùng
 Thưa mau con nhện giăng mừng
 Bồn chồn mơ cảnh con chung một ở nhà
 Những là cảnh trúc, cội đa
 Trăng soi song cửa, sương sa mạn thuyền
 Tựa lâu rồi có nên duyên?
 Trai tài với gái thuyền duyên sánh cùng
 Truyền đời mơ chuyện tương phùng
 Để trong câu hát cha ông gửi về.

Nhưng Kinh Bắc đâu chỉ có Quan họ là quyến rũ. Tôi cũng mê đắm với hệ thống Đền, Đình, Chùa và kèm theo là những lễ hội giàu có và phong phú của đất này. Năm qua Đình Bảng, thăm Đền Đô, tôi rất ấn tượng với bức ảnh của Anh hùng Lao động, nhà giáo nhân dân Nguyễn Đức Thìn có tên “Bát Đế vân du” chụp tám dải mây trắng xoè nan quạt trên mái đền Đô cổ kính thờ các vị vua Triều Lý. Khi tốt nghiệp Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, làm kỹ yếu lớp học, tôi đã cùng nhà thơ Nguyễn Thuý Quỳnh, người sau này trở thành Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Thái Nguyên, Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên liên thủ làm bài thơ “Những chuyến đi” (về những chuyến đi thực tế, du ngoạn của lớp cử nhân chính trị mà chúng tôi cùng theo học). Trong bài thơ đó có câu: “Bát đế vân du qua trời Đình Bảng/ Đến sông Cầu lại nhớ sông Thương”.

Tôi không nhớ chắc tôi hay Quỳnh đã

viết câu thơ ấy vì chuyện đã gần 25 năm, nhưng đó là câu thơ tôi thích. Cái vùng văn hoá sông Cầu, sông Thương thật là quyến rũ ấy không chỉ có Quan họ mà còn có nhiều thứ ở vị trí hàng đầu Việt Nam, ví dụ như văn hoá Phật Giáo.

Kinh Bắc là vùng đất đầu tiên văn hoá bản địa Việt Nam giao thoa với văn hoá Ấn Độ và văn hoá Trung Hoa. Cụ thể, đây là nơi đầu tiên Đạo Phật du nhập vào Việt Nam. Từ khoảng 1800 năm trước đã có Chùa Dâu, ngày nay được xác định là ngôi chùa cổ nhất Việt Nam. Theo nhiều nhà nghiên cứu, từ thế kỷ thứ hai, Chùa Dâu đã trở thành trường đại học Phật giáo và đầu tiên ở nước ta. Theo nhà báo Hoàng Kỳ trong bài “Hành trình về vùng Văn hoá Kinh Bắc” đăng trên số 4/1994 Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam thì: “Ở đây thường có 3.000 người theo học, độ được 500 vị cao tăng, dịch được 15 bộ kinh, xây được 20 ngọn bảo tháp”. Kinh Bắc còn các chùa nổi tiếng khác nữa mà một vài có thể kể ra đây như Phật Tích, Vĩnh Nghiêm...

Phật Tích là nơi mà tôi đã đến và ngây ngất trước pho tượng Phật bằng đá xanh mà tôi cho rằng đẹp nhất Việt Nam (pho tượng này không biết có từ bao giờ nhưng cách đây một số năm, người ta tôn tạo chùa, đào đất dưới sâu thì phát hiện nó bị chôn vùi dưới đó). Tôi cũng đã từng đến chùa Vĩnh Nghiêm, được xem các bản khắc in gỗ bằng gỗ thị chuyên dùng để in ấn kinh kệ, tuổi đã mấy trăm năm mà

không cong vênh, nứt nẻ. Lại cũng kinh ngạc khi người trong chùa chỉ một cái cây mảnh khảnh cao chỉ hơi quá đầu người nói nó trông thế thôi mà tuổi đời đã hơn 700 năm. Chính cái cây này cùng cây dã hương hơn nghìn năm tuổi ở Bắc Giang (mà gắn với đó có nhiều chuyện ly kỳ khiến ta nghe phải tin đây là Thần Mộc) đã làm nảy trong tôi một ước mơ là viết được một cuốn sách về kỳ mộc Việt Nam, một ước muốn mà đến giờ chưa thực hiện được.

Kinh Bắc không chỉ có Phật Giáo. Người ta cho rằng Đạo Giáo, đạo tu tiên đã từng phát triển mạnh ở đây và để lại các dấu tích trong những cái tên lẫm mạn như Tảo Khê, Thiên Thai, Tiêu Tương... trong các tuyến cổ tích như Từ Thức gặp tiên (theo truyền thuyết thì Từ Thức quê Thanh Hoá nhưng làm quan ở nơi nay là huyện Tiên Du, Bắc Ninh và dường như nơi Từ Thức gặp tiên lần đầu chính là Chùa Phật Tích), Vương Chất gặp tiên (Vương Chất quê ở Đông Ngàn, Bắc Ninh, lên núi tìm tiên, gặp và xem hai tiên nữ đánh hết ván cờ mà trở về thì đã qua bốn, năm đời, mấy trăm năm, không còn gì thân thuộc với ông).

Vùng Kinh Bắc là điểm đầu tiên Phật Giáo đứng chân ở Việt Nam và một thời gian dài phát triển rực rỡ như thế có lẽ do nó từng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá cổ xưa của nước ta. Những thủ phủ, những kinh đô cổ xưa nhất của Việt Nam (dẫu cho đó thường gắn với chính quyền đô

hộ phương Bắc trong 1000 năm Bắc thuộc) đến nay chúng ta biết được đều thuộc Kinh Bắc. Đó là Cổ Loa, Long Biên (vùng đất hiện là quận Long Biên, huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh nơi có Cổ Loa ngày xưa đều thuộc Kinh Bắc), Luy Lâu. Kinh Bắc cũng ắt hẳn là trung tâm lớn của văn minh nông nghiệp Việt Nam. Trong bài báo đã dẫn ở trên, Hoàng Kỳ viết: “Kinh Bắc có trên 60 giống lúa, nhiều giống lúa ngon (tám thơm, nếp, cẩm, nếp hoa vàng); gà Hồ, cam Bó Hạ, rượu Vân, nem Bạng; làng sản xuất nông cụ Đồng Xuất, Đa Hội, làng cung cấp sức kéo Đồng Kỵ; các làng nghề thủ công, mỹ nghệ: gốm sứ Bát Tràng, Phù Lãng, Thổ Hà; sơn mài Đình Bảng, đúc đồng Đại Bái, khắc gỗ Kim Thieu; các làng dệt cung cấp y mực cho các tổ nữ Quan họ; làng giấy Phong Khê, làng mực Tư Thế sản xuất bút nghiên cho các Tiến sĩ, cử nhân, tú tài đông đảo hàng đầu đất nước; làng Hồ sản xuất đồ chơi trẻ em, Xuân Lai làm gậy cho các cụ già...”.

Tôi từng được dự một cuộc gặp mặt đầu xuân của các văn nghệ sĩ người Kinh Bắc sống ở Hà Nội và nghe họ nói về quê hương. Ấn tượng nhất là Kim Lân bởi cách nói chậm rãi, rõ từng âm tiết, âm vực sang trọng, nghe thấy ngay chất văn hoá của ông. Nhờ chính là người viết bài tường thuật cuộc gặp mặt cho tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam mà tôi còn giữ được những đoạn y nguyên lời phát biểu của Kim Lân (và của các văn nghệ

sĩ khác nữa) trong cuộc gặp mặt đầu xuân năm Giáp Tuất (1994) đó. Kim Lân nói: “Tôi là người gắn bó ít có với quê hương Kinh Bắc. Càng già thì sự chú ý với quê mình càng sâu xa hơn nhiều. Tôi rất vui thấy hôm nay ở đây có nhiều nhạc sĩ, ca sĩ, họa sĩ. Đó chính là truyền thống của quê ta đây. Quê ta có tranh Đông Hồ, có Quan họ và còn có nghề làm tượng, làm đồ gỗ tuyệt vời. Cái nền đó cho ta những nhạc sĩ, diễn viên, họa sĩ nổi tiếng hôm nay.

Tôi mê tranh Đông Hồ và hát Quan họ đã đành, nhưng muốn nói thêm rằng quê hương Hà Bắc còn có những đặc sản khác cũng rất văn hoá: cam sành Bó Hạ và quýt Bó Hạ. Xưa. Tết mà trong nhà không có một gài giường cam Bó Hạ để đãi khách là không yên tâm. Để bảo quản cam được lâu có một cách rất hay là trảy quả làm sạch rồi bôi vôi cuống và trôn cam. Đó là một nếp sống. Nó cũng đáng tự hào không kém tranh Đông Hồ. Đề nghị tỉnh phải có những biện pháp phục hồi cam Bó Hạ mà mấy chục năm qua đang mất dần đi...”

Hôm đó nhà thơ Hoàng Cầm cũng có mặt. Ông chia sẻ: “Dòng họ nhà tôi sống ở Hà Bắc đã mười mấy đời. Một điều thú vị là nếu không có quê hương Kinh Bắc thì tôi không có được bài thơ nào đáng giá. Những *“Bên kia sông Đuống”*, *“Lá Diêu bông”* và một số bài được anh em thích đều do quê hương nuôi dưỡng, sinh thành, chẳng qua là tôi có được cái may mắn thể thôi. Toàn bộ tác phẩm của tôi đều do quê

hương sinh ra”. Đặc biệt, trong cuộc gặp mặt đó, nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn tiết lộ: “Trong kháng chiến chống Pháp, tôi với anh Hoàng Cầm lẫn lộn ở Hà Bắc trong Đoàn Văn công Việt Bắc (Hoàng Cầm trưởng đoàn, Nguyễn Đức Toàn phó đoàn - TG). Chúng tôi đi cả vào vùng địch tạm chiếm, diễn văn nghệ cho đồng bào nghe dưới đêm trăng, trong điều kiện người xem, người nghe không dám vỗ tay vì đồn địch các đó không xa. Lẫn lộn như thế nên tôi mới viết được bài hát “Quê em miền trung du”. Một thời Vĩnh Phú bản khoả không biết đó có phải là bài hát của Vĩnh Phú không. Tôi cũng chưa bao giờ nói bài này sáng tác ở đâu. Nhưng hôm nay tôi xin đăng ký rõ “hộ khẩu” của nó là Hà Bắc đó”.

Cứ như thế, như thế, những nhân vật nổi danh trong văn nghệ nước nhà như đạo diễn điện ảnh Bành Bảo (phim “Đến hẹn lại lên”), các nhà thơ Anh Thơ, Lữ Huy Nguyên, nhạc sĩ Hồ Bắc... đã nói lên cái hay, cái đẹp đáng tự hào và tình yêu của họ đối với quê hương Kinh Bắc. Họ là người Kinh Bắc, họ yêu Kinh Bắc là phải, đến như tôi không sinh ra và lớn lên ở đó mà cũng thấy đây là mảnh đất kỳ lạ, miền đất hút hồn. Và xin chép mấy câu thơ của Huy Cận để kết thúc bài viết này: *“Nếu còn có một đời sau/ Tôi xin trở lại hát câu tâm tình/ Theo làn Quan họ Bắc Ninh/ Với người Quan họ kết thành anh em”*./.

TRẦN LƯU ĐÓA

Nhớ rễ khoai của mẹ

Tuổi thơ nào rồi cũng qua đi
Dòng sông quê thì vẫn luôn bình dị
Nhưng chỉ có những tháng năm đời mẹ
Ký ức tìm về, nước mắt lại tuôn rơi.

Bao nhiêu năm con đi khắp muôn nơi
Đã ăn bao đặc sản quê người...
Nhưng vẫn thấy không có gì sánh được
Với rễ khoai ngày ấy mẹ yêu ơi!

Rễ khoai ấy, đến bây giờ còn đượm
Vị ngọt bùi từ đồng đất quê ta
Lại thương mẹ bao năm làm lữ
Mẹ khô gầy cho khoai lúa nở hoa./.



DƯƠNG DANH MỸ

Tuổi cao gương sáng

Tuổi cao gương sáng ngời ngời
Ơn nhờ Đảng, Bác cuộc đời đẹp thay
Tinh thần, vật chất đủ đầy
Tự hào Tổ quốc từng ngày thăng hoa!

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM

Chiều thu

Giữa cảnh lam chiều quện sắc thu
Hoàng hôn phảng phất vạt sương mù
Cho màu rắng nhuộm êm đêm trời
Để cánh hoa cười lặng lẽ ru
Rực rỡ trên giàn bông lý thoảng
Đìu hiu bãi cỏ tiếng chim gù
Khung trời ảo diệu làm say đắm
Cứ tưởng mơ hoài mộng viễn du./.



LÊ ANH PHONG

Áo trắng tựu trường

Trời diu diu rây mưa
Lá bàng khê đung đưa
Sân trường bay áo trắng
Nắng lên rồi... lạ chưa?

Náo nức những mùa Thu
Mùa khai trường tung tẫy
Gió thơm mùi vở mới
Trời xanh màu ước mơ.

Mắt bạn bè nai tơ
Trong veo niềm khao khát
Lòng ngân nga khúc nhạc
Xôn xao sáng tựu trường.

Vui như buổi chợ phiên
Tiếng nói cười rôm rả
Ba tháng hè xa nhớ
Thỏa tâm tình hôm nay.

Ôi ! Tình bạn, nghĩa thầy
Ôi ! Mùi thơm vở mới
Lòng lâng lâng phơi phới
Bao ước vọng trào dâng.

Tung tăng buổi tựu trường
Xôn xang năm học mới
Niềm vui còn tươi rói
Áo học trò tinh khôi ...



NGUYỄN NGỌC HÙNG

Tựu trường

Nhớ thời xưa mỗi đầu thu
Bâng khuâng hơi nắng pha mù sương bay
Lòng thơ nao nức suốt ngày
Soạn sách vở sắm may áo quần.

Trước hôm khai giảng cả tuần
Từ chân đến chóp đã dân bánh bao
Rộn ràng lớp thấp lớp cao
Muôn đàn bướm trắng xôn xao tựu trường...

Mông năm vẫn giữ lệ thường
Sao giờ... (Cứ nghĩ mà thương học trò)
Nhập trường cả tháng thẳng ro
Còn thiêng chi nữa giả đồ thiêng liêng?

Hoài công đợi mấy hôm liền
Nhặt phèo tiếng trống rơi nghiêng qua lòng!





Tản mạn quanh CHIẾC BÁNH TÈ ĐỒNG NGƯ



HOÀNG GIÁ

Nói tới bánh tẻ người ta nghĩ ngay tới bánh tẻ Yên Phong. Nhưng nếu ai đã từng một lần ăn cỗ ở làng Đồng Ngư (thuộc xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) thì không khỏi ngạc nhiên khi được thưởng thức bánh tẻ của làng.

Về hình thức thì bánh tẻ Đồng Ngư cũng tựa tựa như bánh tẻ Yên Phong. Nhưng bánh Đồng Ngư dẻo hơn. Dẻo đến mức người ta có thể cuộn lại, buông ra vẫn không thay đổi khuôn hình.

Vào những ngày lễ, ngày tết, hiếu hỷ và đặc biệt ngày hội làng (15/4 âm lịch) thì hầu như gia đình nào cũng tự gói loại bánh tẻ này. Tôi cũng nhiều lần được thưởng thức. Ngoài đặc trưng là bánh rất dẻo thì hương vị, độ ngọt, độ giòn, bùi, mịn mát... vô cùng quyến rũ, không kém gì bánh tẻ Yên Phong.

Nhân dịp tết Quý Mão, tôi tới chơi nhà ông Dương Thành Thuận - Nguyên

Trưởng phòng Văn hóa - Thể thao - Du lịch huyện Thuận Thành, với ý định tìm hiểu về nguồn gốc, cách làm bánh và tìm câu trả lời cho sự hoài nghi: Tại sao Đồng Ngư có loại bánh ngon như thế mà ít ai biết đến?

Ông Thuận vui vẻ bảo:

- Kể cũng khó trả lời. Có lẽ do từ xưa có lời nguyên hoặc lời răn dạy nào đó của các cụ để lại, nên dân làng tôi mới giữ kín nghề. Đây là nói ngày xưa, chứ bây giờ thì thoải mái.

- Vậy, ông có thể “bật mí” về nguồn gốc, về cách gói bánh? Mà cũng phải nói thật. Ông kể là tôi viết công khai lên báo. Nếu thấy “phạm húy” thì thôi...

Ông cười:

- Yên tâm đi. Đã sắp qua một phần tư thế kỷ hai mươi mốt rồi, thế giới đã là thế giới phẳng, ai còn cổ hủ thế nữa.

Rồi ông thông thả kể:

- Nghe các cụ nói lại: Vào cuối đời nhà Lý, Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng kéo quân qua cánh đồng Cùg, thấy làng tôi và làng Mãn Xá xảy ra xích mích bèn dừng lại khuyên can, còn tổ chức cho hai làng kết chạ. Từ đó hai làng làm ăn thuận lợi, mùa màng tươi tốt, chăn nuôi ít khi dịch bệnh. Để tỏ lòng biết ơn, sau khi Đông Hải Đại Vương tạ thế, làng tôi đã tôn Ngài lên làm Thành Hoàng, lập đền thờ quanh năm hương khói, còn nghĩ ra loại bánh vừa dân dã, vừa thơm ngon, giòn dẻo để bái tế. Chính là loại bánh tẻ độc đáo của làng.

Còn cách làm thì trước hết phải chọn nguyên liệu. Đầu tiên là gạo. Phải là loại gạo tẻ không dính, đều hạt, sáng mặt. Thứ hai là đỗ xanh. Thứ ba là thịt ba chỉ.

- Thêm Mộc nhĩ, Nấm hương, Hành khô... nữa chứ?

Tôi hỏi chen vào. Ông Thuấn lắc đầu, bảo:

- Đây chính là sự khác biệt giữa bánh tẻ làng tôi với bánh tẻ Yên Phong nổi tiếng.

Tôi gật đầu, hỏi tiếp

- Thế còn cách gói?

- Cũng khá công phu đấy. Gạo phải vo kỹ, ngâm với nước sôi trong khoảng bốn, năm tiếng, vớt ra, vo đãi lại rồi đổ ra rá cho róc hết nước mới đem xay bằng cối đá tay. Khi xay thì cứ một thìa gạo, đổ một thìa nước sôi nhạt để trong vào. Chất lượng bánh tùy thuộc khá nhiều vào độ đậm nhạt của nước sôi. Bột xay xong, nêm một ít muối, chút xíu hàn the, rồi cho vào nồi quậy. Lúc này phải cần đến đôi cánh

tay lực điền mạnh mẽ. Hai chiếc đũa cả rộng bản phải quậy liên tục, đến khi bột dẻo quánh thì đem ra gói.

Đỗ xanh xay, đãi hết vỏ, cho ít muối thệp chín, giã nhỏ mịn, dàn mỏng trên mâm gỗ, dùng dao xắt từng miếng nhỏ dài như chiếc đũa ăn cơm.

Thịt ba chỉ cũng xắt như vậy.

Lá dong bánh tẻ trải dọc. Dùng một cái thìa làm bằng mo cau (để không dính, lại dễ xúc) múc bột rải đều lên lá dong, dài khoảng 20 cm, rộng 5 đến 6 cm, rồi đặt thịt, đỗ vào giữa, khéo léo gói lại, sao cho bột gạo bọc kín đỗ và thịt. Cắt bẹ chuối tươi, phơi khô, tước nhỏ làm dây buộc bánh.

Lấy một nén hương chiều dài bằng chu vi chiếc bánh. Bánh xếp vào nồi (không chật quá), đổ ngập nước. Khi nước sôi thì đun nhỏ lửa và đốt hương. Hương cháy hết thì tắt lửa. Bánh chín, vớt ra, để chỗ thoáng cho nguội là được...

Ông Thuấn dừng lại. Tôi cũng buông bút, nói đùa:

- Thế là bí mật mấy trăm năm của các cụ đã bị ông hậu duệ cựu Trưởng phòng Văn hóa tiết lộ rồi nhé. Tết này, mời ông lên nhà tôi thưởng thức món bánh tẻ Bút Tháp do cô con dâu khéo tay của tôi tự gói theo đúng cách mà ông đã kể. Thử xem “Mèo nào cắn mừ nào”. Và lại, nếu bài viết này được đăng thì độc quyền bánh tẻ làng ông mất là cái chắc. Ông không sợ các cụ phạt vạ như phạt ả Thị Mầu à?...

Cả hai chúng tôi cười vang, cùng nhìn ngắm những chiếc bánh tẻ, cùng háo hức đợi Tết về...

MÁI TRƯỜNG NGÀY ẦY, BÂY GIỜ

NGUYỄN THỊ HÀ

Vừa đi làm về đến nhà, cất xong cái xe, bỗng điện thoại “Ting” báo có tin nhắn đến. Hạ mở điện thoại, thấy mình vừa được tham gia một nhóm mới “Cộng đồng Học sinh khóa (1995 - 1999) Lê Văn Thịnh”. Một cái tên mà ngay tức khắc đưa Hạ trở về miền kí ức khi mới 12-15 tuổi!

Ngôi trường Trung học cơ sở Lê Văn Thịnh khi ấy là nơi tập trung hầu hết những học sinh ưu tú nhất của cả huyện theo học. Đó là những học sinh được tuyển chọn qua những kì thi học sinh giỏi các môn văn hóa

hàng năm. Giống như Hạ năm đó, sau khi đạt giải học sinh giỏi cấp huyện, thầy Phú đại diện nhà trường đã về tận cơ sở làm thủ tục chuyển trường và nhập học cho Hạ. Hạ nhớ như in khoảnh khắc ngồi sau lưng thầy trên chiếc xe Honda Cup về trường mới! Cảm xúc vừa vui vừa lạ lẫm và hồi hộp. Suốt quãng đường dài 6, 7 cây số, thầy Phú cứ hỏi chuyện Hạ rồi lại kể chuyện trường mới, bạn mới như thế nào. Với sự nhiệt tình của các thầy cô như thế, học sinh muôn phương về đây rất nhanh chóng có thể hòa nhập với nhau. Mỗi khối chỉ vắn vắn có ba lớp, mỗi lớp hơn ba chục học sinh nên hầu hết các bạn quen biết với nhau. Chưa kể một số bạn và thầy cô nhà xa trường đều sẽ ở lại trong khu tập thể nhà cấp 4 gắn bó với nhau suốt mấy năm trung học. Có lẽ vì thế nên đối với học trò, ngôi trường cùng thầy cô và bạn bè cùng khóa như một đại gia đình, gắn kết một cách rất tự nhiên. Ở trên lớp, thầy cô ân cần dạy dỗ, dẫn dắt học trò khám phá kho tàng tri thức mênh mông vô bờ. Sau giờ học, thầy cô lại như cha mẹ, vừa rèn luyện vừa chăm sóc những cô nhóc, cậu nhóc đang tuổi “nhất quỷ nhì ma” trong khu tập thể, hướng dẫn từng nếp sinh hoạt như cái ăn, cái mặc, quét dọn phòng, rửa chén đĩa... vừa đôn đốc việc học hành rồi cả tư vấn tâm lí... Học trò không thiếu trò nghịch ngợm nhiều khi còn nghịch dại nữa nhưng vừa nghiêm khắc, vừa kiên nhẫn, thầy cô đã kim cương những con ngựa non để chúng dần nhận thức đúng những vấn đề gặp phải. Mỗi khi có vấn đề không biết làm thế nào, mỗi khi nhớ nhà, nhớ bố mẹ, tất cả chúng trở thành điểm tựa của nhau và luôn được thầy cô động viên, chia sẻ và vỗ về, an ủi! Cứ thế, chúng cùng lớn lên, cùng trưởng thành qua những năm tháng ấu thơ.

Ngôi trường huyện những năm tháng ấy không có nhiều hoạt động ngoại khóa như học sinh bây giờ nhưng phong trào học tập các lớp thì rất sôi nổi. Như thầy Chung vẫn nói: “Các em hãy cố gắng để học giỏi một hoặc hai môn văn hóa, học khá nhiều môn chứ đừng học lệch nhé!” Và trong kí ức của Hạ, mọi người đều thật sự say mê học tập. Mỗi người đều có những sở thích, sở trường riêng biệt nhưng có chung sự miệt mài, kiên trì và luôn cố gắng không ngừng để đạt thành tích tốt hơn. Để phát huy tố chất riêng, các thầy cô từ quá trình giảng dạy sẽ định hướng, khuyến khích học sinh theo đuổi thế mạnh của mình, và cả khuyến khích cũng như tạo ra sự tự do cho các học trò tự khám phá chính mình. Thế nên trong các kì thi hàng tháng, học sinh có thể đăng kí một hay nhiều môn thi yêu thích theo nguyện vọng của mình. Nhờ đó, lên lớp 8, rồi lớp 9, học trò dần dần ổn định hơn với định hướng rõ ràng hơn về khả năng, sở thích thực sự của chính mình. Mỗi tháng, nhà trường sẽ dựa trên kết quả học tập và thi tháng để khen thưởng những học sinh tiêu biểu trong từng lĩnh vực riêng. Các học sinh sẽ được tuyên dương và nhận phần thưởng là một cuốn vở viết mới tinh được trao tặng trước thầy cô và học sinh toàn trường trong giờ chào cờ đầu tuần. Được đứng dưới cờ nhận khen thưởng trong tiếng vỗ tay náo nhiệt của cả trường, cảm xúc thật tự hào sung sướng. Và chính với cách tổ chức như thế của nhà trường đã phát hiện ra rất nhiều hiện tượng nổi bật như Hoàng Phương, cô gái học giỏi toàn diện nổi bật nhất toàn trường bởi đăng

kí thi ở môn thi nào cũng trở thành người đứng đầu. Hoàng Phương trở thành tâm gương học sinh giỏi toàn diện bên cạnh cương vị là lớp trưởng, hoạt động đoàn, đội nhiệt huyết. Hay như Phú “nhành” liên tục dẫn đầu ở môn Hóa, Sinh. Với sự trao thưởng của nhà trường, hầu như cả năm cậu không phải mua vở viết bao giờ. Những tâm gương học tập điển hình còn có như Hồng Nhung, Huyền, Thủy luôn xuất sắc với môn Văn, Tiếng Anh; Hà, Thúy với môn Địa lí, Lịch sử... Mỗi bạn với những thế mạnh riêng, thiên hướng riêng và tất cả đều rất hăng say, yêu học nên nghĩ lại những năm tháng ấy, Hạ luôn có cảm giác ngôi trường như một vườn hoa ngát hương, rực rỡ các sắc màu, rất đẹp, rất đặc sắc, luôn ngập tràn sức sống vươn lên.

Ngoài thi đua học tập, Hạ và các bạn gắn bó với nhau một cách rất tự nhiên, hồn nhiên như lứa tuổi 12-15 trẻ trung, rực rỡ. Những bạn ở khu tập thể cùng chung sinh hoạt, bảo ban nhau học hành. Một số bạn nhà xa nhưng đạp xe đi buổi thường ở lại trưa ở trường sẽ hay rủ nhau mang cơm nắm, muối vừng, xôi hay đồ ăn chuẩn bị từ nhà. Tan học, cả lũ rủ nhau bỏ ra ăn chung, vừa ăn vừa nói chuyện vui thật là vui. Có hôm sang hơn, chúng được bố mẹ cho tiền ăn “com bụi” ở quán nhỏ gần trường, dư chút ít có thể góp chung để mua ít đồ ăn vặt nữa thì hết sảy. Ăn uống xong xuôi thì mỗi đứa nghỉ ngơi ngay trên mặt bàn hay băng ghế để chiều tiếp tục học mà không ngủ gật. Thỉnh thoảng mấy bạn nhà gần trường lại rủ các bạn vào nhà mình nghỉ trưa trong sự đón tiếp nhiệt tình của cả phụ huynh nữa.

Những ngày ấy, có khi chúng được bố mẹ bạn tiếp đãi hoa quả, hay mời ăn cơm cùng cả gia đình, rồi có một giấc ngủ trưa thoải mái... Rồi có những hôm, thầy Hoàng Hiệu trưởng nhà rất gần trường nhưng vẫn ở lại trưa cùng học trò. Thầy lên xem học trò ăn uống ra sao, trò chuyện vui vẻ và còn hay đùa chúng nữa, kiểu như: “Cơm ngon quá làm thầy cũng thấy đói đây này!”, “Nam còi ơi, chắc là ở nhà hay được bố mẹ giục ăn lắm phải không?”... khiến các bạn cười nghiêng ngả. Thật sự thầy làm Hiệu trưởng nhưng học sinh chẳng đũa nào “sợ” bởi thầy đặc biệt vui tính, thân thiện, gần gũi học trò. Thầy có thể nhớ tên rất nhiều học sinh trong trường. Thầy hay lên tiếng trước cả học trò khi gặp gỡ đâu đó, thường trực miệng cười và hỏi: “Em đi đâu đấy?”,

“Chào em! Chúc em một ngày vui vẻ!”,...

Cứ như vậy nên ngôi trường huyện những năm tháng ấy thực sự là ngôi nhà thứ hai, thầy cô là những người cha mẹ thứ hai, bạn bè thân thiết như anh em một nhà. Hạ cảm thấy thực sự có những năm tháng hạnh phúc, vui vẻ, đầy ắp tiếng cười và kỉ niệm trong veo của tuổi học trò.

Quên sao được những buổi học hành vất vả ngọt bùi. Những buổi gió rét gặm rít hay mưa lớn như trút hoặc nắng nóng đổ lửa, một đám học trò lớn bé gò lưng cùng đạp xe đến trường. Quên sao được sự ân cần dịu dặt của thầy cô. Và quên sao được những buổi không phải học chiều, những ngày Chủ nhật cùng nhau đạp xe khắp huyện về mọi miền quê bạn bè, để vui vẻ trong khu vườn đầy trái cây của nhà Chiên ở Trùng



Xá, để đắm mình trong hương sen thơm ngát ở đầm sen quê nhà Đạt, Hài trên những chiếc thuyền nan chòng chành, để cùng kéo tay nhau lên núi Thiên Thai lộng gió, mang cả đàn ghi ta, cả chiếc máy ảnh mượn được cùng hát, cùng liên hoan nhâm nhi vài thức quả quê bố mẹ cho mang theo,... Nhớ sao những buổi về nhà Sơn “nghệ sĩ” - hát hay, vẽ đẹp, cùng “chém gió” cả chiều không ngớt chuyện, những buổi về Nấp chơi nhà Nhung có ông bà làm điểm tựa nhưng vẫn vời vỏi nỗi nhớ bố mẹ đi làm ăn xa... Những con đường mòn đất đỏ quạch, nắng thì bụi, mưa thì lầy, đầy ổ gà ổ vịt nhấp nhô, bập bênh nhưng đâu đâu chúng cũng đi qua, giòn tan tiếng nói cười...

Năm tháng cứ thế trôi đi!...

Lên cấp ba, rồi vào đại học, đi làm. Cả trăm đứa bay đi muôn ngả. Hạ và đám bạn năm ấy giờ chủ yếu gặp nhau qua “phây” hay “zalo”. Hoàng Phương vẫn là một cô gái năng động, giỏi giang, sớm giành học bổng du học Châu Âu và giờ trở thành doanh nhân thành đạt với mấy chi nhánh công ty trong Nam ngoài Bắc. Cô nàng bận rộn với những chuyến công tác Châu Âu dày đặc. Nhìn những hình ảnh rạng ngời của Hoàng Phương thì ai cũng không thôi ngưỡng mộ.

Lượng “còi” tốt nghiệp xuất sắc Đại học Y Hà Nội, với điểm thi bác sĩ nội trú cao nhất miền Bắc và khả năng của mình, cậu giành nhiều học bổng đi tu nghiệp Thái Lan rồi làm nghiên cứu sinh y khoa ở Nhật Bản. Giờ đây cậu trở thành bác sĩ, Tiến sĩ chuyên về da liễu nổi tiếng lắm rồi. Với cô

vợ xinh đẹp, hai đứa con khỏe mạnh, Lượng trở thành hình mẫu thành đạt cả về gia đình và sự nghiệp trong con mắt mọi người.

Đã rất nhiều bạn bè có thành công rực rỡ trở thành những doanh nhân nổi tiếng như Tân “lùn” ở Hà Nội, thành các chuyên gia như Giang, Đạt Thắng. Có những cuộc đời tròn trịa như Thủy, Hồng Vân, Huyền... với những công việc ở các doanh nghiệp có tiếng, lương cao và gia đình yên ấm. Có cả những công việc thầm lặng làm công ăn lương ở các cơ quan, công ty hay đơn giản như Hạ, trở thành một giáo viên như những giáo viên của cô và bạn bè trước đây. Hạ hiện đang công tác tại một mô hình trường điểm hết như ngôi trường Trung học cơ sở Lê Văn Thịnh từng theo học ngày trước, miệt mài với sự nghiệp gieo chữ, trồng người. Trước cơ chế đổi thay quá nhiều, Hạ cố gắng dung hòa với những giá trị đích thực mà giáo dục cần hướng đến, như lời thầy Chung từng nói: “Sự hiểu biết của con người là sự hiểu biết do chính mình tự tìm ra, hoặc nhờ bên ngoài kêu gọi mà khám phá, và chính sự hiểu biết ấy mới thật sự là hiểu biết... Thiên chức của các thầy, các cô giáo không phải là những người nhồi nhét kiến thức cho học sinh, mà họ chỉ là những người kêu gọi tri thức mà thôi, chứ việc làm của họ không cốt để truyền bá tri thức, hay tư tưởng gì cả. Mà cốt sao cho học trò phải vận dụng công phu suy nghĩ và lắng nghe cái tiếng dội nơi sâu thẳm của lòng mình” và “Nhiệm vụ của giáo dục là tạo điều kiện cho học sinh tự học, chí ít là tôn trọng thời gian tự học của học

sinh”. Những lời chỉ dạy trân quý đó của thầy giáo cũ trở thành kim chỉ nam của Hạ trong quá trình làm việc.

Vậy là cùng dưới một mái trường, nay mỗi đứa đều đã có một cuộc sống riêng. Thoảng cái đã 25 năm trôi đi. Không còn là những cô bé, cậu bé ngây thơ thuở nào, tất cả đều đã là “người lớn” thật rồi! Một ban liên lạc được lập ra bởi những thành viên tích cực nhiệt huyết để có thể tập trung đủ 105 thành viên cả khóa trong nhóm chat này. Mọi người trò chuyện vui vẻ, sôi nổi về kế hoạch hội khóa. Có cả chia sẻ về cuộc sống hiện tại, có cả những kỉ niệm được nhắc lại, những dự kiến công việc, những lời kêu gọi các bạn về dự hội khóa... Có thể một số bạn rất thành đạt thì thường bận rộn “sắp mặt” nên cũng bận khoản không biết có về được không, bởi vị trí, sự có mặt hay vắng mặt của họ ở nơi làm việc có thể ảnh hưởng đến nhiều thành viên khác. Có những bạn bận khoản vì lâu rồi ít liên lạc với mọi người nên cảm thấy ngại vì nghĩ chẳng biết có ai còn nhớ mình không? Cả có những ngập ngừng bởi một số người còn tất bật lo toan thường nhật, tự thấy mình chưa có nhiều thành tựu như bạn bè... Dù không nói ra, nhưng Hạ cảm nhận rõ những điều ấy. Trong thâm tâm, cô và ban liên lạc chỉ mong sao các bạn về được đông đủ nhất có thể.

Công tác chuẩn bị thật vất vả vì trong ban liên lạc, mỗi người một nơi, chủ yếu trao đổi qua điện thoại. Dù vậy, các bạn đã luôn nỗ lực hết mình trong mọi công việc, từ khảo sát lại nhà trường, xây dựng kịch

bản, in thiệp, mời thầy cô, chuẩn bị phong bật, hoa quà, âm thanh, ghi hình,... Trước thời điểm hội khóa một ngày, các bạn đã huy động thêm nhiều bạn khác nữa tự tay hoàn tất công việc từ những chi tiết nhỏ nhất như cắm hoa, kê dọn bàn ghế, thống nhất lại nội dung cho phù hợp... Thế mà đêm ấy mưa gió sập trời, sấm sét dông lốc ầm ầm! Trong lòng ai cũng lo lắng không nói nên lời! Thật may sao, sáng sớm hôm sau trời quang mây tạnh. Bầu trời lại trong xanh, gió mát, cây cối được tắm táp xanh tốt vơi vơi. Hạ hồi hộp gọi điện cho một nhóm bạn đã hẹn trước cùng trở về trường cũ. Lòng bỗng ngập ngừng khi cổng trường dần hiện ra trước mắt trên con đường xưa. Mọi người xuống xe, bắt gặp những gương mặt thân quen ngay trước mắt, mọi cảm xúc như vỡ òa. Cả bọn ào ào chạy về phía nhau, gương mặt rạng ngời hạnh phúc với những cái ôm thật chặt, rồi ríu rít hỏi han trò chuyện! Có những cái nhíu mày để nhớ lại tên bạn bè rồi lại nhanh chóng hòa vào nhau. Chỉ còn đây những ánh mắt long lanh của các cô cậu học trò năm nào, tiếng nói cười rộn rã, những cái nắm tay,... tựa hồ như chưa từng đi xa bao giờ! Vẫn là Tất Hoàn dí dỏm với những câu chuyện cười không dứt, là Hoàng Phương vừa trở về từ chuyến công tác nước ngoài với nụ cười tươi rói và vẻ thông minh từ đáy mắt long lanh. Là Hồng Vân nhỏ bé xinh đẹp đáng yêu như ngày nào. Là Ngọc Thúy với giọng hát ngọt lịm khiến mọi người rung rung ướm mi khi hát lên khúc ca “Người thầy”, “Mong ước kỉ niệm xưa”... Là Năm - cô

nàng sành điệu hay cười, vượt đại dương từ nước ngoài trở về hội khóa và rất tích cực với công tác tổ chức. Là Minh “mun” tràn đầy nhiệt huyết và giàu năng lượng!...

Xúc động nhất là gặp lại những thầy cô giáo cũ! Mái tóc thầy cô đã nhiều sợi bạc hơn, một số thầy cô sức khỏe không được tốt nhưng vẫn cố gắng trở về với học trò, đồng nghiệp! Vẫn là thầy Hoàng, thầy Hiệu trưởng năm xưa với giọng điệu hào sảng, vui vẻ thường thấy. Là Thầy Dũng ân cần, niềm nở và tình cảm thiết tha như một người cha đáng kính. Là thầy Phú thâm trầm sâu lắng. Thầy Chung với tinh thần lạc quan hiếm có và ánh mắt luôn tươi cười vui vẻ. Là cô Hòa dù đau chân, đi lại khó khăn nhưng khuôn mặt không thể rạng rỡ hơn khi gặp lại học trò, đồng nghiệp cũ. Vẫn là cô Điểm xinh đẹp yêu kiều, ôn nhu trong mọi hoạt cảnh khiến học trò không thôi yêu mến! Thầy Dị luôn hài hước khiến cho không gian tràn ngập tiếng cười!...

Gác lại mọi hối hả của cuộc sống, tất cả thầy cô và bạn bè như được sống lại những năm tháng thanh xuân đẹp đẽ! Mọi người cùng nhau chia sẻ những câu chuyện cũ và mới, cùng nhau ghi lại những khoảnh khắc đáng nhớ sau hàng chục năm mới có dịp hội ngộ đông đủ. Mỗi người một dáng vẻ, một câu chuyện cuộc sống nhưng cùng hòa nhịp tâm hồn đồng điệu của những người bạn học thuở niên thiếu, của tình thầy trò thắm đượm. Ngỡ như lạc về miền kí ức những năm tháng còn đi học, chẳng còn ranh giới nào dù thời gian xa cách đàng đẵng. Chỉ còn lại là những rộn ràng, vui

vẻ, những sự kết nối gắn bó tự nhiên muôn màu muôn vẻ như một bức tranh đa sắc màu, mà mỗi người là một mảnh ghép không thể thiếu trong đó. Để rồi lúc chia tay bịn rịn không nói lên lời! Tất cả lại chia đi trăm ngả tiếp tục với những hành trình dựng xây cuộc sống riêng mình và góp phần xây dựng quê hương, đất nước! Và ai nấy còn mang thêm trong mình hành trang về tình yêu bè bạn, thầy cô và cả những áp ứ, mong đợi hội khóa lần sau! Những năm tháng hoa niên đã thực sự trở thành một góc nhỏ trong đời không thể nào quên! Để rồi gia đình thứ hai này không chỉ là điểm xuất phát để các bạn bay cao bay xa mà còn là nơi chốn để trở về như Hạ đã chia sẻ đầy cảm xúc: “Những năm tháng dưới mái trường yêu dấu cùng các thầy cô, bè bạn không dài nhưng không phải là ngắn đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời chúng em. Dù cuộc sống đổi thay, mỗi người vẫn đang trong hành trình với những mơ ước riêng, phấn đấu không ngừng nghỉ cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để vươn tới những khung trời rực rỡ thì đến cuối cùng thứ mà trong mỗi người mong muốn nhất vẫn là những tình cảm vẹn nguyên, chân ái cùng những người thân thương trong đó có thầy cô, bè bạn. Hôm nay, trở về đây, có thể cùng nhau nói cười, cùng nhau hát những khúc hát yêu thương thật sự là một hạnh phúc không thể nói hết thành lời. Cảm ơn thầy cô và bạn bè vì đã là một phần trong thanh xuân của chúng em! Dù cho cuộc sống có nhiều đổi thay thì thầy cô, các bạn luôn là một phần yêu dấu trong trái tim, không bao giờ quên!”.

NGỌN NGUỒN MÁI ẤM

VŨ THẾ THỰC

Ông An đi ăn cỗ gặp gỡ hội đồng niên về, ông mang cho bà túi phần to cả thịt xôi hoa quả bánh kẹo, ông nói giọng vui vẻ hồ hởi:

- Phần bà đây, ở nhà lại ăn to hơn người đi. Nhiều người ủng hộ quá, ông Hà mang cho con gà luộc bốn ký bảo năm qua có tin mừng thêm một cháu nội trai, ông Biên ở Quảng Ninh về bảo những năm qua vắng mặt nay về thêm vào bữa mấy ký mực tươi, ông Hình ở Hà Nội về bảo con trai vừa lên chức ủng hộ quỹ hai triệu, nhà ông Cường đăng cai ủng hộ xôi và rượu, tha hồ ăn còn gói mang về.

Bà nhận túi phần từ tay ông vẻ cảm động lắm, cảm động không vì túi phần to mà vì tình cảm ông dành cho bà càng ngày càng sâu đậm. Bà chưa kịp nói gì ông lại tiếp:

- Anh em tôi sinh năm tản cư 1953, tản cư có gì vui mà năm ấy đông người sinh ra thế, ban đầu hai mươi bốn người, mất năm người, hiện một ông nằm liệt còn mười tám, hôm nay có mặt mười bốn hai mâm bảy. Ngại quá, ai cũng hỏi khi nào có cháu nội? 70 tuổi mà chưa có cháu nội thì chờ đến bao giờ.

- Ôi dào, dỗi hơi. Mỗi cây mỗi hoa mỗi nhà mỗi cảnh thấy người ta không vui mà cứ xoay vào là vô duyên. Con nhà mình muộn chứ có làm sao đâu, giờ khoa học như thần nhờ khoa học tác động là có con ngay khỏi phải nghĩ - bà động viên ông.

* *
*

Hôm nay chủ nhật, vợ chồng thằng Diệu về thăm nhà. Bọn này ở cách bố mẹ có 20 km nhưng chồng cũng mê mãi công việc, vợ làm Trưởng ban quỹ của ngân hàng nhiều khi thứ bảy chủ nhật vẫn phải đi nạp tiền vào các cây tiền. Gia đình lập nhóm zalo, hàng ngày nhà ai có công việc, vui vẻ hay ốm đau đăng lên để cả nhà cùng biết cùng chia sẻ, hôm nào các con về chúng đều thông báo trước, ông bà cứ nuôi gà cho béo, đẻ nhiều trứng con cháu về không phải mua, còn thì thịt mang đi là cha mẹ vui. Hôm nay nhà con gái bận chỉ vợ chồng con trai về. Bữa cơm có bốn người, mọi khi hai mâm chả khi nào con dâu ngồi cùng cha mẹ. Bữa cơm hôm nay nhiều món, con dâu ưu tiên gấp cho mẹ chồng, mực xào, mè gan gà xào mướp

nấm linh chi, tôm chiên đầy bát... đợi con dâu ngoảnh đi bà lại trút sang cho chồng. Ông An hiểu nên ông nhận hết, ông gấp cho bà miếng lườn lợn luộc. Chợt con dâu nhìn thấy ngỡ mẹ chồng có ý gì nên rất băn khoăn, cô bảo:

- Mẹ ăn đi, mẹ ăn gì mẹ gấp, chúng con ít về nên làm mấy món không biết có hợp bố mẹ không?

Thấy cần nói cho các con biết, ông An lên tiếng:

- Các con ít về nhưng con dâu tâm lý đầy. Bố thì cái gì cũng ăn được, chỉ có điều là cách ăn khác mẹ các con thôi, mẹ con nhiều bệnh thành khó tính, bệnh khớp nên nuôi gà mà ngại ăn thịt gà, có ăn một miếng cũng phải bỏ da, bệnh dạ dày kiêng chua cay, bệnh đại tràng sợ mỡ, không ăn cá da trơn, thịt chó... chỉ thích đồ luộc, mà phải luộc nhừ. Nhà có hai vợ chồng mà ăn uống theo hai trường phái, rau thịt luộc kỹ cho mẹ, vừa tới cho bố. Con thích ăn cay, nước chấm cho nhiều chanh chua và ớt cay thì làm một bát nước chấm chay cho trẻ con và cho mẹ, hôm nay có đĩa muối chấm thịt gà nên bà ấy không làm bát nước chấm riêng nếu không đã dậy làm lâu rồi, tôm, cua, mực không ăn, chỉ xương ninh khoai, thịt lợn luộc, tôm rang cá và rau luộc diễn quanh năm.

- Thế ạ. Con cũng thích luộc, ăn luộc rất tốt cho sức khỏe nhưng sợ mẹ bảo đơn điệu nên con làm thêm mấy món, mẹ không ăn thì bố ăn, ăn mà thấy ngon miệng mới tốt bố ạ.

Cơm xong cả nhà ngồi bàn uống nước. Cô con dâu xúc ấm pha trà, hỏi:

- Pha đặc hay loãng hả bố?

- Chúng may làm sổ sách quen uống đặc chứ bố thảo thảo thôi.

Cậu con trai hỏi:

- Thảo thảo là thế nào hả bố?

Ông giáo bật cười vui vẻ:

- Ngôn ngữ của ta hay thế đấy, một vừa hai phải, nhan nhát, thảo thảo là ước lượng không có định lượng, cho phép dung sai rất lớn nói thế ý là loãng thôi.

- Bố có phong thái chính trị, nói cái gì cũng bao la chứ hồi con làm bên tòa án, sai một ly đi một dặm. Bố có biết câu chuyện chỉ một dấu phẩy từ trọng tội thành vô tội không? Con dâu hỏi.

- Xã hội biết bao nhiêu chuyện, trừ chuyện đưa vào sách giáo khoa để học thì ai cũng nhớ chứ chuyện trong đời vô lượng vô biên ai biết hết, chuyện thế nào con kể nghe đi!

- Hồi làm ăn hợp tác xã, chuẩn bị bầu Ban Chủ nhiệm là cả làng xôn xao, phe nhóm nổi lên như nấm, người yếu bóng vía không ai dám ra làm chủ nhiệm. Nhưng kinh nghiệm dẹp loạn của lãnh đạo lại rất đơn giản, trước hết công bố khẩu phần được chia liên hoan mừng đại hội cho từng xã viên, mổ trâu mổ lợn chia phần cho toàn dân ăn từ hôm trước, còn cử 25% đại biểu trong tổng số xã viên hợp tác xã đi dự Đại hội thôi, căn cứ đó mỗi đội về họp chọn đại biểu đi dự, người đi dự ngoài được trả công như đi làm còn được nhắm một bữa toi bồi, đại hội bầu Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, trừ Trưởng ban người của tổ chức còn họ chọn mỗi đội một ông to mồm nhất tham gia. Họ quán triệt, nịnh nọt xoa dịu, lên đây cốt rằng các ông bà về đây là đại biểu tinh hoa phải có trách nhiệm và tinh

thần xây dựng để Đại hội thành công... thế là im đét hết. Chuẩn bị Đại hội, lão Chủ nhiệm ra xã báo cáo và xin thịt bốn con bò gầy yếu cho bốn đội liên hoan. Chủ tịch xã đề vào đơn chuyên văn thư đóng dấu trả lại Chủ nhiệm: “Bò cày không được thịt”. Tay Chủ nhiệm hoa cả mắt, đã công bố có chén rồi mà thôi là dôi trá, lừa đảo thì trượt là cái chắc, hấn nghĩ ra kế mua cái bút đồng màu mực, sửa lời phê của Chủ tịch vào đơn là “Bò cày không được, thịt!”. Đại hội xong, lãnh đạo xã gọi lên hỏi tội, hấn chìa đơn cho Chủ tịch xem. Chủ tịch hoa mắt chịu im. Chủ nhiệm thắng bố ạ.

Ông An bảo:

- Luật nào cũng có kẽ hở bị kẻ xấu lợi dụng. Bộ Nội vụ lấy bằng cấp để chuẩn hóa chất lượng cán bộ nhưng lại ra quy định bằng bổ túc, bằng hàm thụ, bằng chính quy đều có giá trị như nhau khiến tầng lớp giả cày ngang nhiên chiến thắng. Đây là tham nhũng chính trị, khi người có quyền mà không có bằng thì họ đề ra như thế, khi họ dọn dẹp xong xuôi thì họ lại thay đổi để cuộc cái lợi vào lòng mình làm xã hội chao đảo cả nhà ạ. Chỉ khi nào xuất hiện minh chủ mới có thể thay đổi được, trừ tôn giáo còn chưa có để chế nào bền vững vĩnh cửu cả chỉ khi nào khoảng cách bất công ngắn lại thì khi ấy xã hội mới dân chủ thực sự. Bố chỉ mong các con học tập giỏi dang, làm ăn trung thực, đồng tiền chân chính nó nằm trong nhà, đồng tiền bất chính nó ở ngoài sân nhưng tránh xa đấu đá tranh giành nếu muốn về hưu sống yên ả. Giờ bố mẹ chỉ cần có cháu nội thôi, 70 tuổi mà chưa có cháu nội là mong lắm.

Cậu con trai thông báo:

- Bố chuẩn bị nhé, con sẽ mượn mẹ mấy năm liền đây, vợ con mà sinh em bé chúng con về đón mẹ đi với cháu, bố đi cùng thì tốt, không coi như cho bố ra ở riêng? Chúng con kế hoạch để đi học chứ đâu có trục trặc gì, Nga vừa học xong Thạc sỹ, con vừa xong Tiến sỹ nên thời gian qua chúng con ít về thăm nhà bố mẹ ạ.

Nghe con nói mà mặt mày cả ông lẫn bà rạng rỡ như bắt được của, nỗi lo bấy nay giờ mới rõ. Ông bảo:

- Các con có chí như thế mà chả báo với bố mẹ một câu để chúng tao đêm mong ngày ngóng. Thật vậy thì còn gì bằng.

Con dâu bảo:

- Anh Diệu bảo thôi chả cần thông tin thông báo liên hoan liên hiếc kéo người ta lại báo nhà ấy đang nổ, bây giờ thùng rỗng kêu to, đồ giả mới cần nổ, mình học thật chất thật cần gì phải nổ, cũng như trong hội đồng niên của bố mỗi nhà mỗi cảnh, nhà ai thế nào nội bộ hội bố mới rõ, ở cơ quan con cũng vậy ai thế nào biết hết nhưng dây dợ đan xen thời gian đâu mà gỡ rối tơ lòng kiêu gì sự thật vẫn là sự thật. Như cái kim trong bọc, hàng giả không sớm thì chày cũng bị thải loại.

Ông An nhìn con dâu đầy ngưỡng mộ, ông lại nhìn người bạn trăm năm đang nói cười vui như Tết thì con trai ông thông báo:

- Nga đã mang bầu sang tháng thứ ba, thai khỏe, cháu trai bố mẹ ạ!

Ông An vụt lên như lò so tháo chốt, chìa hai tay ra định để bắt tay chúc mừng con dâu thì kịp khựng lại lại vờ đưa tay lên vuốt tóc. Phải trấn tĩnh một lát ông mới nói được:

- Thảo nào, mấy tháng nay không mấy tối là không có dơi bay vào nhà, ong vàng về làm tổ ngay tán cái quạt trần, bố bảo mẹ đây là dấu hiệu vui đậm âm không được đuổi hay đụng chạm đến chúng, không dùng quạt trần nữa thì dùng quạt cây, dơi, ong, bướm, chim về là sinh khí tốt, không phải ngẫu nhiên mà người ta truyền bảo nhau như thế. Bố cứ thầm mong năm tới là năm Giáp Thìn, năm con rồng vàng mà có cháu bé thì quý giá biết bao, nay trúng ý rồi, cảm ơn trời đất tổ tiên.

Rồi ông kể:

- Các con biết không, nhà ta có được như ngày hôm nay là công lao của bà cả Viên. Họ Đặng nhà ta gốc quê Nam Định, do đói kém cụ bốn đời nhà ta phiêu dạt về làm con nuôi nhà cụ Bá, cụ Bá thấy cụ nhà mình khỏe, hiền mới gả con gái cho lại gán cho làng ba sào đất cửa đình để mua cho cái chức trương tuần nên cụ có cái danh là cụ Tuần. Cụ Tuần sinh ra mỗi mình ông, ông lấy vợ tên là Viên không sinh con, năm ông 45 tuổi lụ khụ rồi cụ Viên mới tìm cho cô vợ bé, vợ bé sinh hai con gái, năm ông nội sáu mươi già sòm rồi cụ Viên lại ép ông lấy bà ba. Bà ba xấu xí bé nhỏ nhưng còn trẻ và sinh ra bố đây, hoàn cảnh rất khó khăn nhưng bà cả Viên quyết tâm cho bố đi học thành giáo viên, bố mẹ cũng chỉ có hai chị em chúng mày nhưng được cái hai con chăm ngoan học giỏi tiến bộ biết chọn vợ tìm chồng, biết tìm việc làm bố mẹ cũng mát mẻ đôi phần, giờ các con lấy nhau ba năm không có kết quả gì bố cứ suy nghĩ miên man... nay các con báo tin thế này bố mừng vui khôn kể.

Cô con dâu nhìn yêu chồng bảo:

- Bà cả khôn thế chồng nhỉ, vất cho kiệt rồi tìm người bỏ vô. Rồi cô lại quay sang hỏi bố chồng:

- Thế bố có báo cáo với bà cả Viên là bố mẹ mong sớm có cháu nội không?

- Có chứ. Rất nhiều. Sau một ngày đêm mưa gió nằm bệt trong nhà, nhìn trời quang là bố ra thăm mộ sớm. Đi qua khu đồng nổi thấy có cây hoa trạng nguyên nở. Bố bẻ một cành mang cắm trước mộ mẹ cả thế mà hôm nọ ra thăm cây đã sống, đã nở một bông hoa đỏ chói. Linh cảm thấy vui. Hôm nay nghe tin mừng đúng là một loạt báo ứng phù hộ độ trì.

- Thế là bà cả là người có công chứ bố nhỉ, lại linh thiêng nữa - Thằng Diệu hỏi.

Ông An quả quyết:

- Sáng suốt lắm, không có bà cả thì rồi ai cúng tổ tiên, đời bố, đời các con đâu đã được thế này. Mỗi lần ra thăm mộ bố đều tâm sự rất nhiều với mẹ cả còn các mộ khác chỉ chào hỏi là thôi.

Bà giáo ngồi nhích gần con dâu giọng nói ngậm ngùi:

- Đàn bà phải chịu vất vả mang nặng đẻ đau con à, có người sinh nở tự nhiên nhưng có người gánh chịu nhiều oan nghiệt, cụ Hòa sau nhà mình đấy, 11 bận chữa đều bị xảy thai, lần thứ 12 phải đi nằm bệnh viện phụ sản, đến tháng thứ 7 lại xảy, may mà xảy ở bệnh viện họ đưa và lồng kính sấy mới có cô Hòa bây giờ. Tạo dựng nên một gia đình bình thường thôi cũng gian nan lắm, mẹ tin ở hai con.

Bà đặt tay lên bụng con dâu chia vui. Nga nói trong niềm tin: con siêu âm thai khỏe và thuận mẹ ạ, cơ quan con có một

chị bụng bầu từ tháng thứ tư phải treo hai chân lên vì dạ con thấp, chị ấy bị tụt hai lần, lần thứ ba sinh được cháu gái thì thôi bảo sợ lắm.

Nghe mẹ chồng con dâu trò chuyện ông An xúc động chen vào:

- Thiên chức mà, nhà này đàn bà là số một, ty tử người ta đã ngợi ca công đầu thuộc về phụ nữ, nhưng không ai hay hơn là ông Gorky:

*Ta ca người phụ nữ
Nhu người mẹ hiền từ
Cả thế giới nương nhờ
Dưới đôi bầu vú sữa.*

*Đời không ánh nắng không hoa nào nở
Đời vắng yêu đương lạch nhữg sầu
Đời thiếu mẹ hiền không phụ nữ
Anh hùng thi sỹ há còn đâu.*

Đây, vai trò của đàn bà phụ nữ trong xã hội bình thường mà vĩ đại như thế. Thơ văn ở ta nhiều bài cứ véo von như sông như biển mà nhạt phèo như canh không muối.

Nét mặt hửng khởi ông An giục vợ:

- Bà xem ngất qua buổi đẹp, hái lá trầu vàng, cau tươi trong âu còn đầy sắp đĩa trầu, con dâu thay cho bố chén nước mới trên ban thờ, con trai châm cho bố cái đèn, châm ba nén hương báo công thổ công thổ

địa và tiên tổ, cụ tổ Đặng Duy Hồ, cụ bà Trương Thị Mai, ông nội Đặng Duy Hiến bà cả Viên bà hai Tuyền bà ba là Sung cùng thổ công thổ địa để tổ tiên biết chung vui và phù hộ độ trì sang năm nhà có thêm thành viên mới.

Bọn chúng xì xụp khăn vải kê lễ cầu xin khá lâu. Đợi chúng xong xuôi ông mới nắm tay chúc mừng con dâu, ông bảo:

*Con gái là con người ta
Con dâu mới thực là ma nhà mình*

Bố cảm ơn con. Sinh con và dạy con là con đó, tấm gương bà cả Viên không thường được đâu! Con nhớ giữ gìn, ăn uống đầy đủ, ngủ nghỉ đúng chế độ, đi lại hạn chế không phải về thăm bố mẹ nữa đâu để đúng hẹn tháng tư sang năm nhà ta đón chào dịp lôm của ông.

Nga ôm lấy bố ghen ngào:

- Vâng, con sẽ cẩn trọng ạ, con cảm ơn bố mẹ nhiều.

Người ta vẫn bảo tính cách nhà giáo là chi ly, việc tiêu pha rất chừng mực không khi nào bốc đồng cả rất trùng với cách sống của thầy giáo An, vậy mà Tết năm nay tự ông thay máu, từ chiều hai tám ông đã ra khỏi nhà đi tìm mua một cây đào lớn trồng trong chậu đặt ở hiên nhà và một chậu hoa lan rất thơm và đẹp đặt trên bàn tiếp khách, lòng ông ló ló sảng vui, nét mặt cứ tươi như hoa ngày Tết./.



Ngọt ngào GIẾNG QUÊ

NGUYỄN THỊ ĐƯƠNG

Mỗi khi đi đâu đó mà vô tình bắt gặp một cái giếng, tôi đều thấy bất ngờ, thú vị đến rung rung! Tưởng như gặp lại một cố nhân đã xa vắng. Ngày tôi còn bé, nhà tôi cũng có một cái giếng. Thực ra, có nhà nào trong làng ngày ấy lại không có một cái giếng. Thế mà dần dà, những cái giếng biến đi đâu mất. Để tôi tìm đồ mất.

Giếng nhà là giếng đất, được đào từ lúc ông bà cho bố mẹ ra ở riêng. Khi tôi lớn lên, cái giếng đã thấm trải đủ nắng mưa mà đổi màu sang nâu sẫm. Thành giếng bên ngoài nhẵn nhụi, bên trong lô nhô vết

gạch và những ngấn nước đọng thành hàng qua bao năm tháng. Bố sắm một cái gàu nhỏ để anh em tôi có thể kéo nước. Cái gàu nhỏ mà phải cố hết sức tôi mới kéo lên nổi; đến miệng, có khi chỉ còn phân nửa. Giếng chung mạch với cái ao ngoài cổng nên nước không được trong, phải mang lọc mới ăn, uống được. Một cái bể con bên dưới, một cái vại ở trên, đổ lần lượt than hoa, cát, sỏi... đến lưng lửng, nước thấm dần rồi lọc tạp chất để chảy xuống thứ nước trong veo, ngọt lành. Nhưng sau một thời gian, khi lớp cát vàng, lắng dày cặn thì nước chảy rất chậm. Nhiều khi, ngồi đợi

dòng nước tí tách chui qua cái vòi tí tẹo mà sột ruột. Tôi đã từng ao ước suốt ấu thơ, là có ông bụt hiện lên bên bờ giếng như trong câu chuyện Tấm Cám; không phải để bày chọn xương cá lấy quần áo đẹp mà là để kéo nước vào vại lọc giúp tôi.

Những ngày tháng 6, tháng 7 - đúng đợt giỗ ông bà nội, mưa nhiều; nước ao tràn lên cả ngõ và cái giếng nhà tôi cũng dâng cao; cầm gáo có thể vục xuống mức. Mẹ sợ trẻ con nghịch ngợm bày trò múc nước khéo lộn cổ nên phải lấy cái nia ra che miệng giếng. Nhìn cái nia, tôi lại nhớ đến câu chuyện hoang đường của đám trẻ trong làng. Chúng truyền tai nhau rằng, sắp tới sẽ có một cơn mưa tro bụi rắc xuống mặt đất, nhà nào nhà nấy phải che chắn giếng, bể... nếu không nước dính phải ăn vào sẽ gặp họa. Tôi đã lo sợ biết bao nhiêu, ngó ý với bố mẹ việc che đây nhưng chỉ gặp nụ cười xòa. Mẹ chỉ mang nia ra đây miệng giếng những ngày nước lớn chứ tuyệt nhiên không hề dao động bởi những lời đồn thổi kia.

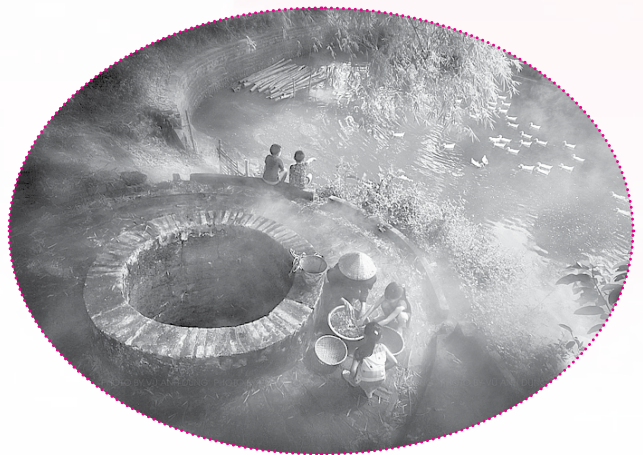
Tôi cũng quên dần câu chuyện ấy cùng những nỗi sợ mơ hồ để chiều chiều thơ thẩn bên bờ giếng cùng lũ trẻ trong xóm nhặt hoa mướp rụng chơi đồ hàng. Đôi đóm vàng lơ dềnh đậu trong lòng giếng, nổi bập bênh trên mặt nước như những đóm nắng cuối ngày rục rỡ. Bên trên, gió xao xác đùa cùng với lá, ràn rạt khúc nhạc đắm say. Tôi tưởng đang lạc bên bờ cỏ tích, xa xăm mà gần gũi.

Khi chiều muộn, chúng tôi tập trung bên giếng nhà bác cả. Giếng nhà bác cả sâu nhất xóm, nước kéo lên mát rượi; bên cạnh là bể nước mưa được dẫn từ mấy tàu

cau mọc thếch nối nhau. Từng gàu nước được dội từ đầu chảy xuống chân, nghe lạnh đến tâm can. Nhưng chỉ lũ con trai đủ dũng cảm và hào hứng với trò đó, lũ con gái chỉ dám vầy nước trong mấy cái chậu đã được đổ đầy, bọt tung trắng xóa. Xong lại uống từng ngụm nước mưa ngọt lịm, ngọt hơn mọi thứ nước trên đời. Cái giếng nhà bác cả không bao giờ cạn nước như những trận cười thơ ấu mỗi chiều hè - bất tận mãi không tan. Hơi nước mát từ những tháng năm xưa cũ còn tỏa đến hôm nay, dịu dàng, thanh thản.

Sau này nhà nhà xây bê, lấp bồn, dùng nước sạch; những cái giếng cứ thừa dần. Lúc nhìn bãi gạch phẳng phiu bố lấp lên miệng giếng cũ, tôi tưởng một phần ấu thơ đang bị lấp đi, cùng những giọt nước mát trong ngày nắng lửa. Vài bông hoa mướp cuối mùa khe khẽ rụng, va vào nền gạch khô khốc, lăn hoài trong bóng nắng buồn tênh.

Nếu có ông bụt bất ngờ xuất hiện, tôi chỉ ước thêm một lần được soi mình trong làn nước trong veo, nhìn lại bầu trời trong đáy mắt giữa vòm mây thành giếng cũ./.





TRĂNG TRÊN BIỂN

VŨ THỊ HUẾ

Tôi đã từng đi biển nhiều lần, nhưng đi đúng vào tuần trăng để được ngắm trăng trên biển thì đây là lần đầu tiên.

Nơi tôi sinh sống là một thành phố không có biển, có những ngôi nhà cao tầng san sát, thậm chí càng ngày càng có nhiều tòa nhà chọc trời mọc lên. Trăng trong tôi bị khuất lấp từ khi nào tôi cũng không nhớ nữa. Sở thích nằm ngửa ngắm trăng trên bờ đê lộng gió ngày bé, khi còn ở quê, dần trôi vào dĩ vãng. Sau này, có một đôi lần tôi không cưỡng nổi sự đam mê trăng, tôi tự leo lên ban công tầng cao nhất để ngắm trăng, nhưng nhạt nhẽo quá, trăng ở phố

tan loãng vào ánh sáng của đèn cao áp, khiến tôi hụt hẫng. Mặt khác ngắm trăng ở phố phải đợi thật muộn, chờ trăng lên cao đỉnh đầu, không còn bị các tòa nhà chọc trời che khuất, khi đó trăng mới lộ ra đầy đủ và tròn trịa. Nhưng muốn nhìn trăng, cổ tôi luôn trong tư thế phải ngẩng lên, rất mỏi. Thường thức trăng, thường thức cái đẹp mà lòng cứ vương mối như vậy, đâu còn gì hứng thú. Tôi đành gác lại thú vui ngắm trăng từ đó.

Không sắp đặt trước mà chuyên đi biển trong đợt hè này lại vào đúng tuần trăng, thật là một cơ duyên hiếm có với tôi. Tôi không lựa chọn bãi biển sầm uất, mà

tìm đến một bãi biển hoang sơ, nơi đây du lịch chưa thực sự phát triển, gần như mọi thứ còn mang nét tự nhiên vốn có. Nước biển trong xanh, bãi cát vàng trải dài, thoải thoải. Người dân sinh sống trong những làng chài thưa vắng nhưng mến khách và nồng hậu. Trên bờ biển có những rặng phi lao luôn vươn thẳng quanh năm vì vút gió. Nó là giống cây có sức sống bền bỉ mang trong mình nhiệm vụ cao cả che chắn cho đất liền. Khung cảnh hoang sơ nơi đây đã đánh thức tâm hồn thơ mộng trong tôi. Tôi chân trần dạo bước trên bờ cát mịn. Mỗi khi con sóng vỗ vào bờ vội vã, những hạt cát nhỏ li ti trở thành chiếc máy mát xa cho đôi chân mệt mỏi của lũ khách. Nhẹ nhàng, mềm mại mà thấm sâu vào da thịt, cảm giác thoải mái theo các tế bào thần kinh lan khắp cơ thể. Hình như, cát cũng có linh hồn, nó như muốn nói: “Này vị khách phương xa, cứ tận hưởng đi, cứ để tâm hồn được mặc sức thả trôi ngao du cùng cái đẹp, đừng bận tâm đến những mệt mỏi, đã có tôi xoa dịu.”

Trong tâm trạng thoải mái, tôi vô tư tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên mà tạo hóa ban cho vùng biển nơi đây. Mãi mê rong ruổi, khám phá, ngày đã khép lại từ lúc nào, tôi chợt nhận ra và thốt lên: trăng biển. Xa xa phía đông, trăng to như một chiếc mâm vàng đang nhô lên từ biển, thứ ánh vàng tỏa ra nhể nhại. Ngạc nhiên đến sững sờ, trong vài giây tôi đứng như bất động. Ánh mắt tôi, biển và trăng như vẽ trên một đường

thẳng. Lần đầu tiên tôi được ngắm trăng theo hướng nhìn thoải mái nhất. Trăng to quá, trăng dát vàng trên biển. Trăng chiếu sáng, mát dịu, nhìn rõ cả làn nước biển xanh, rõ cả những con sóng bạc đầu. Sóng nhấp nhô nô đùa dưới trăng, lóng lánh ánh vàng nhảy nhót cùng làn nước bạc, đẹp đến mức tôi ước sao những con sóng đừng vỗ vào bờ để khỏi phải tan ra. Biển mênh mông, thoáng đãng và bình yên. Trên cao, bầu trời lấp lánh những vì sao như hàng nghìn con mắt của các vị thần đang hướng về biển. Dải Ngân Hà chưa bao giờ gần đến thế, cả ông Thần Nông nữa, bao giờ thì ông xong công việc tát nước của mình để cho chiếc gàu sòng được nghỉ. Đêm trăng trên biển, trời đất như gần nhau hơn, những ngôi sao vì thế cũng hiển hiện rõ hơn.

Trăng dần lên cao, kích thước nhỏ đi một chút, lúc này trông nó như một cái đĩa bạc. Không rõ do góc nhìn hay do lên cao bầu trời trong hơn, trăng không vàng dịu như lúc mới xuất hiện mà chuyển sang màu trắng bạc. Mọi vật lộ lộ dưới trăng. Trăng soi tỏ không gian trong ánh sáng dịu dịu của nó. Chưa khi nào tôi thấy trăng sáng đến thế. Tôi từng đọc, từng nghe tả về cảnh trăng ở biển nhưng phải được tận mắt thấy, tôi mới nhận ra nhiều khi nói gì cũng chưa lột tả được hết vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo hóa. Dưới ánh sáng bạc của trăng, những con Dã Tràng vẫn miệt mài xe cát. Chúng dùng hết tốc lực của đôi chân để nặn những viên cát tròn nhỏ, xếp

thành lâu đài của riêng mình chẳng? Tôi tưởng tượng như thế, và thật xót xa khi thấy những con sóng vô tình cuốn phăng công sức của Dã Tràng ra biển. Chợt nhớ đến câu ca dao quen thuộc: “*Dã Tràng xe cát biển Đông/Nhọc nhàn mà chẳng nên công cán gì*”. Tôi tự hỏi, sóng biển có vô tình đến thế không? Rồi khi tìm hiểu kỹ tập tính của loài Dã Tràng, tôi mới thấy biển không hề vô tình, những con sóng xô bờ giúp Dã Tràng có nguồn thức ăn phong phú. Cả loài Dã Tràng nữa, chiến thuật kiếm ăn độc đáo của chúng sao lại bị hiểu rằng chúng đang làm việc miệt mài mà vô ích nhỉ?

Sóng vẫn rì rào vỗ vào bờ, quần quanh vui đùa bên đôi chân của lũ khách. Gió biển du dương mà làm nghiêng ngả những hàng phi lao vững chắc. Hình ảnh đôi trai gái tay trong tay không rời như tô điểm thêm bức tranh lãng mạn của đêm trăng biển. Chàng trai trẻ chốc chốc lại đưa tay vén những sợi tóc dài buông xõa của cô gái bị gió nô đùa thổi tung vương vít. Ánh trăng chiếu qua phát sáng những sợi tóc tơ mềm mượt. Cô gái nhỏ nhắn trong chiếc váy trắng tinh khôi có vẻ thích thú đùa nghịch trên những con sóng. Nhìn đôi trai gái bên sóng biển đêm trăng, những vần thơ tình của thi sĩ Xuân Diệu trong bài thơ “**Biển**” cứ ngân nga trong tôi.

Biển thoáng đãng, mênh mông, ngọt ngào đến thế, biển sẽ mãi là nguồn cảm hứng vô tận cho tâm hồn thơ ca của thi sĩ nhiều thế hệ.

Càng về khuya, trăng càng rờ rờ, trăng đem đến cho biển một vẻ đẹp huyền ảo. Xa xa những con thuyền đánh cá của ngư dân ẩn hiện, nhấp nhô, làm cho biển đêm thêm sống động. Những ngọn gió thổi vào từ biển mang theo vị mặn mòi của muối. Hơi biển ngấm vào từng thớ thịt, cho tôi cảm giác được xoa dịu. Bao mệt mỏi, bao muộn phiền lo toan của cuộc sống như tan biến. Những cốc cần, những nhãn nhỏ, cái bản đời thường đã tự nguyện nhường chỗ cho tâm hồn mộng mơ, lãng mạn thuở nào. Chợt nhận ra tâm hồn con người cũng cần nuôi dưỡng lắm chứ, hãy thưởng cho mình những chuyến đi để tâm hồn được thanh thoi rong chơi với trời, trăng, mây, gió. Thiên nhiên là người bạn tri kỷ nhất cho chúng ta mở lòng và trải lòng. Khi con người hướng về thiên nhiên là khi con người có được tâm hồn thiện lương. Giữa cuộc sống xô bồ, phức tạp, rất cần những tâm hồn thiện lương như thế.

Chuyến đi biển lần này cho tôi nhiều kỷ niệm đẹp, mà đẹp nhất là kỷ niệm được ngắm cảnh biển trong đêm trăng. Hình ảnh trăng trên biển đã nhắc nhở, đã đánh thức tâm hồn cần cỗi trong tôi. Ngày mai trở về với thành phố thân quen, lại bận bịu trong công việc, tôi biết tâm hồn mình sẽ bớt khô cằn hơn, bởi tôi đã có cho mình một đêm trăng tuyệt đẹp và trọn vẹn trên biển./.

CHÈ THÁI NGUYÊN Ở *quê tôi*

PHẠM THUẬN THÀNH

Làng tôi có tên gọi là làng Ngo, một làng quê cổ kính với truyền thống hiếu học và khoa bảng rực rỡ thời phong kiến, có 2 vị đỗ Trạng nguyên, 4 vị đỗ Tiến sĩ. Trạng nguyên Nguyễn Quang Bật đỗ thời Lê Thánh Tông và là thành viên Tao Đàn hội do đích thân vị vua anh minh làm Đô nguyên súy. Làng là xã, rồi đông dân chia tách thành ba xã, nhưng xã Bình Ngô vẫn là xã lớn, lấy tên xã làm tên tổng. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, làng Ngo chia thành 5 thôn của xã An Bình, nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Bắc Ninh là quê hương nhà Lý, triều đại có công dời đô từ Hoa Lư ra Đại La và đổi tên gọi mới là Thăng Long, xây dựng nền độc lập, tự chủ vững chắc, hình thành quốc gia, dân tộc bền vững. Suốt thời phong kiến, Bắc Ninh-Kinh Bắc có đến gần 1/3 số đỗ đại khoa và cũng gần 1/3 số Trạng nguyên của cả nước. Nơi đây nổi

tiếng về hững di tích đền, đình, chùa và lễ hội. Phương ngôn có câu “Chùa Bắc, đình Đoài”. Do lắm lễ hội nên phong cách ẩm thực cũng độc đáo qua câu phương ngôn khác “Ăn Bắc, mặc Kinh”. Bia đá làng Đình Cả, trung tâm hội Lim còn ghi hàng chục món bánh ngày xuân, ngày hội.

Tôi lớn lên thời Hợp tác hóa đang thịnh. Sân kho Hợp tác rộng mênh mông. Có máy tuốt lúa liên hợp của Liên Xô. Có máy phát điện sáng rực rỡ ở sân kho ngày mùa. Chơi nhởi chán ở sân kho thì tạt vào nhà ông ngoại xét na xét ỏi. Ông dáng người nhỏ, da trắng, trán cao thông minh nhưng ít nói, suốt ngày ngồi trầm ngâm bên bàn ôn ấm trà và cái điều bát. Thỉnh thoảng có khách đến nhờ ông đọc chữ Hán, giải nghĩa lá thẻ rút ở đền nào đó, hoặc nhờ ông xem cho ngày tốt ngày hạn để lo công việc. Những lúc ấy ông vui và xởi lởi giúp không lấy công. Nhận lại lời



cám ơn cụ Tổng. Sau này tôi mới biết lai lịch bên ngoại nhà tôi rất hiển hách. Cụ đời trước từng là tướng quân ứng chiếu Cần vương phò vua Hàm Nghi đánh Pháp vùng ba tỉnh Bắc Ninh - Hải Dương - Hưng Yên, được phong Đô đốc tán lí quân vụ, tục gọi là Đốc Tít, chỉ huy căn cứ Pháo Sơn. Cụ được ghi trong sách giáo khoa. Ông ngoại là người có học, giữ chức Phó tổng Bình Ngô, dân quen gọi là cụ Tổng Thì, gọi theo tên bác cả. Thời cách mạng, ông tham gia hoạt động từ sớm, cùng hai cụ Lý trưởng thuộc cấp giữ các chức vụ chủ chốt xã An Bình suốt chín năm kháng chiến, một cụ Lý là Bí thư Chi bộ, một cụ Lý là Chủ tịch

Ủy ban hành chính. Còn ông ngoại là Chủ tịch Liên Việt. Thời cải cách ruộng đất ông ngoại có bị lên bờ xuống ruộng nhưng sớm được sửa sai, may có bà ngoại tháo vát chợ búa nên cơ nghiệp vẫn còn giữ lại ít nhiều. Nhà ngói 5 gian cửa bức bàn, sân gạch Bát Tràng rộng, có bể nước mưa lớn. Trước ban thờ có cửa võng, y môn, hoành phi, câu đối cổ. Đặc biệt ấn tượng là bộ bàn ghế lim mặt đá, đơn sứ rất sang trọng. Thỉnh thoảng tôi thấy bà bán thuốc lão Vĩnh Bảo và bà bán chè móc câu Thái Nguyên đến tận nhà giao hàng. Thuốc lão đóng bánh bọc lá chuối khô ông nhận liền cắt ngay vào hòm thóc. Chè thì ông dồn

vào cái lọ màu da lươn một ít, còn cũng gói thêm mấy lượt giấy dầu rồi dúi sâu vào hòm thóc. Tôi rất tò mò về tên gọi chè. Lúc thì gọi là chè Thái. Lúc thì gọi là chè móc, hoặc móc câu. Lúc thì gọi là chè móc. Ông ngoại lấy ra một cánh chè để lòng bàn tay cho tôi xem. Cánh chè săn tít, uốn như lưỡi câu thật và lại ánh lên một lượt nỉ mốc nhờ nhờ. Ông bảo, người Thái trồng chè đất tốt, sao tỉ mỉ lắm, cả ngày mới được một mẻ, rồi lại đánh mốc rồi mới đem bán. Chè ngon bậc nhất, chỉ người sành chè mới dám dùng. Một cối thóc (12 kg) mới mua nổi một lạng chè đấy. Cái thời buổi con người ta chỉ cốt no bụng thì ai dám đánh đổi cái no lấy cái thích này. Riêng ông thà nhịn đói chứ không nhịn chè. Thói quen này bây giờ kể cũng coi là hư nhưng khó bỏ, mà bà lại vẫn chiều nổi ông mà. Bà ngoại thì bảo, phong cách cụ Tổng chả bỏ làm gì cho mất oai gia phong. Thời kháng chiến ra sống vào chết mà ba cụ đầu nào có bỏ nổi đâu. Bây giờ thời bình rồi bỏ làm gì. Bộ ấm chén sứ cổ màu trắng nhờ như mặt đá bàn ghế cổ vẫn chỉ có ba cái chén. Nhưng ông luôn uống một mình. Hai cụ đầu nào kia đi vào Nam hoạt động chả biết bao giờ về.

Thầy tôi tính quảng giao, sáng ra pha ấm chè là gọi toáng lên mời hàng xóm sang cùng uống. Hoặc hễ có ai đi qua cổng là gọi vào. Có điều chỉ là chè bánh, chè ban, chè bồm thôi. Ấm chén cũng tuềnh toàng, ấm sành chén vại. Chỉ có niềm vui

là nhiều. Nếu ai vội không kịp uống chén nước nóng hôi hổi thì thầy tôi thế nào cũng bữa miếng chè bánh độ một hai ấm đưa cho làm quà về nhà pha uống sau. Chính cách uống chè cầu vui này đã gọi cho tôi tứ thơ: “Mỗi sớm pha ấm trà/Niềm vui đến chật nhà/Hương bốn mùa gói lại/Gửi tặng người đường xa”. Có lẽ đây vốn là cách uống chè phổ biến của người Bắc Ninh quê tôi từ xa xưa. Lời ca Quan họ cổ có câu, khách đến chơi nhà, đốt than quạt nước pha trà mời người xoi. Thời trước miếng trà là đầu câu chuyện, bây giờ ấm trà là đầu câu chuyện. Dù người không quen uống chè nhưng hễ có khách, hoặc nhà có việc cần họ hàng bàn bạc là đi mua lạng chè mời. Đã mua là kén chè Thái thứ thiệt, loại ngon nhất để tỏ lòng hiếu khách nhất. Ấm chén sứ thì nhà nào cũng có sẵn một vài bộ, một bộ bày bàn sẵn sàng đón khách, một bộ vẫn nguyên trong hộp giấy để dành khi đông người cần dùng. Chè Thái thì bày bán khắp chôn, từ hàng quán nhỏ đến cửa hiệu to. Lại còn mấy đại lí lớn cất chè thẳng từ Tân Cương về giao cho cả vùng. Rồi chè đóng bao gói đẹp, hút chân không để lâu không sợ mất mùi. Ngày Tết thì có chè gói nhỏ, chè hộp bao nhãn mừng xuân bắt mắt. Nhưng đã lâu lắm rồi tôi tịnh không thấy loại chè móc câu đánh mốc nữa. Chỉ còn trong hồi ức. Cũng như ông ngoại tôi mãi mãi trong hồi ức./.

TẬP HUẤN CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN HÓA, VĂN NGHỆ SAU 50 NĂM ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

Sáng 27/8, tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Hội đồng Lý luận, phê bình Văn học, nghệ thuật Trung ương khai mạc Hội nghị tập huấn năm 2024 với chủ đề **“Công tác lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ sau 50 năm đất nước thống nhất, đổi mới và phát triển - Thực tiễn và những vấn đề cần quan tâm”**.

Tham dự có đồng chí Hồ Quốc Dũng - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Định; Nhà văn Nguyễn Thế Kỷ - Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, nguyên Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương; Các ủy viên Hội đồng Lý luận, phê bình VHNT Trung ương; Lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh Bình Định; cùng 365 học viên là lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, thành ủy phụ trách văn hóa, văn nghệ; cán bộ quản lý nhà nước về văn hóa, văn nghệ; Hội VHNT các tỉnh; cán bộ nghiên cứu lý luận, phê bình VHNT; đội ngũ phóng viên, biên tập viên cơ quan báo chí, các nhà xuất bản,



giảng viên các trường đại học khu vực phía Nam; 9 tỉnh, thành phía Bắc; Báo quân đội nhân dân và Đại học Văn hóa nghệ thuật quân đội; có 2 người Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật từ Đức về nước tham dự lớp học. Đoàn Bắc Ninh có 9 đại biểu tham dự lớp tập huấn.

Hội nghị nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, cũng như cho những người hoạt động trong lĩnh vực lý luận và phê bình VHNT. Đồng thời, cung cấp thông tin về những thành tựu quan trọng của VHNT, cùng với sự đóng góp của đội ngũ văn nghệ sĩ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc suốt 50 năm qua.



Phát biểu khai mạc Hội nghị, PGS. TS Nguyễn Thế Kỷ, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương cho biết: *"Những tác động của mặt trái của cơ chế thị trường, quá trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng và quá trình chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo ảnh hưởng đến sự phát triển của văn học, nghệ thuật. Từ thực tiễn đời sống văn học nghệ thuật nước nhà trong suốt 50 năm qua, đòi hỏi các cơ quan văn hóa, văn nghệ cần tăng cường hơn nữa việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn một cách toàn diện để nâng cao hiệu quả tư vấn, tham mưu, giúp Đảng, Nhà nước tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, nhằm thúc đẩy lĩnh vực văn học, nghệ thuật phát triển"*.

Các đại biểu nghe báo cáo viên chia sẻ 5 chuyên đề quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ như: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị (Khóa X) và Kết luận số 84 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ

thuật trong thời kỳ mới; "Văn học nghệ thuật sau 50 năm đất nước thống nhất, đổi mới và phát triển: Thành tựu, những vấn đề đặt ra và định hướng phát triển"; Văn học, nghệ thuật với sự phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam; Văn học, nghệ thuật Việt Nam ở nước ngoài với sứ mệnh hàn gắn, kết nối và quảng bá các giá trị văn hóa, văn nghệ Việt Nam; Vai trò của kiến trúc tại Việt Nam với sự phát triển bền vững của đất nước - xu hướng đổi mới và hội nhập hiện nay.

Trước yêu cầu mới, các cơ quan Tuyên giáo, văn hóa, văn nghệ, giáo dục - đào tạo, báo chí, xuất bản cần tăng cường hơn nữa việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn một cách có hệ thống, có chiều sâu để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động, tham mưu nhằm phát triển mạnh mẽ, vững chắc hơn nữa công tác lãnh đạo, quản lý văn hoá, văn nghệ.

Hội nghị bế mạc ngày 29/8/2024

THANH HUYỀN - HOÀNG YẾN

CHI HỘI ÂM NHẠC CHÀO MỪNG NGÀY ÂM NHẠC VIỆT NAM

Ngày 3/9/2024, tại Trung tâm Tổ chức sự kiện URI PLACE (thành phố Bắc Ninh), Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh phối hợp cùng Chi hội Âm nhạc - Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh tổ chức thành công chương trình Liên hoan ca nhạc chào mừng Ngày Âm nhạc Việt Nam.

Tới dự có nhà báo Lê Thanh Huyền - Phó chủ tịch Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh cùng lãnh đạo các đơn vị trong tỉnh có hội viên của hai Chi hội đang công tác. Đặc biệt, chương trình được đón tiếp nhạc sĩ cao tuổi Ngô Quốc Tính - nguyên Chánh văn phòng Hội Nhạc sĩ Việt Nam; Phó Giáo sư, nhạc sĩ, NSND Thiều Hoa cùng tham dự và đóng góp tiết mục liên hoan.

Chương trình diễn ra sôi động với 14 tác phẩm âm nhạc của các nhạc sĩ Bắc Ninh sáng tác, được trình diễn bởi các Hội viên, cộng tác viên của hai Chi hội. Tiêu biểu như: Rondo **“Dân ca - Dòng sữa mẹ”** của nhạc sĩ Ngô Quốc Tính do nữ nghệ sỹ Thanh Loan biểu diễn, tốp ca Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh với tác phẩm **“Bắc Ninh khát vọng tỏa sáng”** của nhạc sĩ Đào Tuấn, đơn ca nữ Ánh Tuyết với tác



phẩm **“Rượu ngon mời bạn”** của nhạc sĩ Trọng Tĩnh, đơn ca nữ Phương Anh với tác phẩm **“Người ơi thương nhớ”** của nhạc sĩ Ngọc Lương, đơn ca nam Tề Vân với ca khúc Quan họ đương đại **“Yêu nhau thì lấy quách nhau đi”** của nhạc sĩ Nguyễn Trung... đã cuốn hút khán thính giả trong nhiều cung bậc cảm xúc.

Cuộc gặp mặt hội viên và Liên hoan nghệ thuật của những người hoạt động âm nhạc tỉnh Bắc Ninh năm nay đã thực sự trở thành một hoạt động ý nghĩa, hòa trong các hoạt động của cả nước thiết thực kỷ niệm ngày Âm nhạc Việt Nam năm 2024./.

NGUYỄN TRUNG

KHAI MẠC TRẠI SÁNG TÁC CHUYÊN NGÀNH SÂN KHẤU

ĐỨC TỨ



Tiến sỹ Nguyễn Đức Minh chia sẻ nghiệp vụ Chuyên ngành Sân khấu tại buổi Khai mạc.

Ngày 23/8/2024, tại hội trường khách sạn Kinh Bắc, số 36 Kinh Dương Vương, thành phố Bắc Ninh. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh tổ chức Khai mạc Trại sáng tác và chuyến thực tế sáng tác chuyên ngành Sân khấu với chủ đề: “Sân khấu truyền thống trong thời đại mới”. Tới dự buổi khai mạc có các đại biểu: Đồng chí Ngô Thanh Phương - Trưởng phòng Khoa giáo Văn hoá Văn nghệ Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy; các đồng chí đại diện Sở Thông Tin - Truyền Thông; đại diện Ban Thường Vụ Hội VHNT; đại diện các Chi hội chuyên ngành; phóng viên đài PTTH, Báo Bắc Ninh dự và đưa tin. Sau lời phát biểu khai mạc của Phó Chủ

tịch phụ trách Hội Đỗ Văn Phong, các thành viên tham gia Trại được nghe Tác giả - Tiến sỹ Nguyễn Đức Minh nói chuyện chuyên đề: “Nghệ thuật Chèo truyền thống trong hơi thở hiện đại” và những kinh nghiệm trong sáng tác từ bài hát đến ca cảnh, đến kịch bản sân khấu. Sau buổi Khai mạc, Đoàn xuất phát đi thực tế sáng tác tại hai tỉnh Nam Định và Thái Bình. Về với quê hương Nam Định, Thái Bình, đoàn được các đồng chí hai hội VHNT

tiếp đón nồng hậu và nhiệt thành. Các đồng chí lãnh đạo và hội viên Chi hội Sân khấu các tỉnh: Bắc Ninh - Nam Định, Bắc Ninh - Thái Bình tay bắt mặt mừng, trao đổi tình hình và kinh nghiệm hoạt động VHNT, thấy được nhiều nét đẹp tương đồng giữa miền quê Kinh Bắc và hai miền quê lúa. Các nghệ sỹ được tận mắt chứng kiến thực tế cuộc sống và lao động, sức vươn lên đổi mới mạnh mẽ của nhân dân hai tỉnh, trong đó có hoạt động VHNT. Các nghệ sỹ cũng đã đến dâng hương tại các danh thắng tâm linh như Đền thờ Đức Trần Hưng Đạo, chùa Tháp Phổ Minh, chùa Keo, Đền Trần Hưng Hà... Chia tay sau chuyến đi thực tế, các thành viên đều vui mừng phấn khởi bởi chuyến đi đầy ý nghĩa và bổ ích. Trong tâm khảm các nghệ sỹ dâng đầy cảm

xúc vì đã tích lũy được những kiến thức, những niềm cảm hứng làm giàu thêm vốn sáng tạo nghệ thuật. Sau hơn một tuần suy ngẫm, sáng tác, BTC đã nhận được những tác phẩm của các thành viên Trại đúng với đề cương đã đăng ký. Kết quả thu hoạch đáng phấn khởi: Tổng có 06 kịch bản Sân khấu (Tuồng, Chèo, Kịch) của 06 tác giả.

04 tác phẩm Tổ Khúc và Ca Cảnh Chèo; 11 bài hát Soạn lời mới (trong đó có Tuồng, Chèo, hát Văn, Dân ca Quan Họ, Tấu hài).

Trại sáng tác chuyên ngành Sân khấu 2024 khép lại nhưng dư âm còn mãi trong tâm trí các tác giả, các nghệ sỹ và còn toả sáng trong các sáng tác tác phẩm nghệ thuật tiếp theo./.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA CHUYẾN THỰC TẾ SÁNG TÁC CHUYÊN NGÀNH SÂN KHẤU - NĂM 2024



Tổ quốc - KHÚC HÙNG CA

Nhạc : Ngọc Ninh

Thơ : Xuân Huân

Nhịp đi - Trầm hùng

The musical score is written on ten staves of a grand staff (treble clef). The key signature has one sharp (F#) and the time signature is 2/4. The lyrics are written below the notes.

Từ địa đầu Lạng Sơn Đến bãi biển Cà Mau Dân Nam ta ghi
sâu Các Vua Hùng dựng nước Bốn ngàn năm Vinh quang
Bốn ngàn năm hy sinh Bốn ngàn năm đấu tranh Để nước non anh
hùng Dân Nam ta ơi dân Nam ta ơi Hãy sát cánh kề vai bên
nhau Cùng tiến lên có Đảng dẫn lối Truyền thống xưa Chi Lăng Bạch
Đằng Giặc khiếp kinh Điện Biên lấy lòng Mãi vọng vang chiến dịch Hồ Chí
Minh Từ truyền kỳ Âu Cơ Thánh Gióng còn truyền ghi
Dân Nam ta hiên ngang chống quân thù giữ nước Đất rừng thiêng oai
linh Nước Nam càng đẹp xinh Tổ quốc ta Là bài
ca Tổ quốc ta Đẹp như khúc hùng ca

Rước đèn đón trăng

Nhạc : Vũ Viết Đắc

Thơ : Thanh Minh

Vui vẻ



Vui Trung thu bé rước đèn ông sao Trăng sáng soi trong đêm rằm tháng



tám Chị Hằng ơi tay trong tay cùng nắm Múa hát vang trong



đêm hội trăng rằm Lắc lư đầu sư tử con vui nhộn



Chú hề kia nhón cười trông các tùng Đèn cù vui xoay



tít giữa đêm trăng Quạt mo cau tay thàng Bòm phe phẩy



Tùng dinh dinh ding ding cái đuôi Lân ngoe nguẩy Trống rộn ràng cho



bày trẻ hát vang Mừng lễ hội Trung thu rằm trăng sáng



Các tùng dinh dinh dinh cùng bé đón trăng rằm

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Hoàng Tiến, Phan Thị An Ngọc, Nguyễn Đình Tự, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Xuân Huy, Phương Hữu Thiện, Nguyễn Xuân Tường, Nguyễn Tự Lập, Nguyễn Thế Thụy, Nguyễn Lộc, Duy Đắc, Đỗ Phương Liễu, Nguyễn Văn An, Quang Thuận, Lương Thìn, Nguyễn Thành Hương, Trung Du, Lê Viết Nga, Nguyễn Duy Nhất, Mai Kháng, Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Công Hào, Nguyễn Hà Hải, Nguyễn Anh Thuấn, Trần Lưu Đóa, Hoàng Giá, Vũ Thế Thước, Nguyễn Thị Dương, Vũ Thị Huệ, Phạm Thuận Thành, Dương Danh My,...

* **Ngoài tỉnh:** Trần Văn Lợi, Vũ Thị Huyền Trang, Dương Thắng (Hà Nội), Đoàn Huy Cảnh, (Bắc Giang), Nguyễn Trung Thành, Lê Anh Phong (Thành phố Hồ Chí Minh), Bùi Việt Phương (Hòa Bình), Nguyễn Ngọc Hưng (Quảng Ngãi), Nguyễn Văn Viết, Trần Thị Thanh Tú (Phú Thọ), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Nguyễn Minh Thuận (Bạc Liêu), Nguyễn Duy Hà (Lâm Đồng), Trần Thị Kỳ Duyên, Huỳnh Thị Kim Cương (Kiên Giang), Nguyễn Thanh Bình (Long An), Nguyễn Thanh Tuấn (Quảng Nam), Nông Tử Lệnh Anh, Ngọc Linh, Nguyễn Thị Hòa, Lê Thị Kết, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Hải, Ái Nhân (Hà Nội), Trần Quốc Cường (Phú Yên), Nguyễn Văn Toàn, Ngô Công Tấn (Thừa Thiên Huế), Lê Trần Trường An, Lê Thị Hồng Châu...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tinh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 11 năm 2024: Kỷ niệm 42 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2024); Kỷ niệm 15 năm Dân ca Quan họ Bắc Ninh được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/10/2024.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT